

VĂN - HÓA

NGUYỆT - SAN

CO' - QUAN VĂN-HÓA VIỆT-NAM



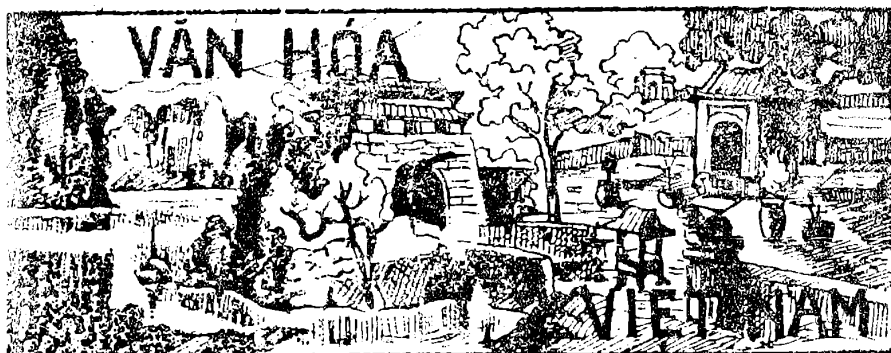
SAIGON

BỘ QUỐC - GIA GIÁO - DỤC XUẤT - BẢN

Cung - Chúc

TÂN - XUÂN

VĂN-HÓA NGUYỆT-SAN



NHỮNG NĂM THÂN LỊCH-SỬ CỦA VIỆT - NAM

MAI-ANH

LÀ N giờ những trang sử vẻ vang của nước nhà, chúng ta thấy năm Thân đã giữ một vai trò quan trọng, nêu cao tinh thần bất khuất của dân-tộc Việt-Nam, một dân-tộc anh-dũng đã bao phen chống lại đội binh hùng sỏi của Trung-hoa, làm quân xâm-lăng phải vỡ mặt.

Nhân tết Bính Thân (1956), chúng tôi xin mời độc-giả đi ngược dòng thời-gian, ôn lại những võ-công oanh liệt của tổ tiên chúng ta trong các năm Thân trước, đề vững lòng tin tưởng ở tương-lai sán-lạn của nền Cộng-Hòa do Ngô Tổng-Thống vừa tuyên-bố thiết-lập.

Năm Giáp-Tân (1284) Hưng-Đạo-Vương đại phá quân Mông-cồ

Ở phía bắc nước Trung-hoa, vào khoảng thượng-lưu sông Hắc-long-giang, có một dân-tộc hung-tợn và thiện-chiến. Đó là dân Mông-cồ. Họ nuôi những đàn bò, ngựa rất lớn và thay chỗ ở luôn. Phải chống với khí-hậu thái quá của miền sa-mạc, phải sống một cuộc đời phiêu-lưu, họ có sức mạnh hơn người, cưỡi ngựa giỏi. bắn tên không ai bằng. Các bộ-lạc được tổ chức thành cơ-đội và người nào cũng tinh nghề chiến đấu. Dân Mông-cồ luôn luôn vào cướp phá binh-nguyên phi-nhiều sông Hoàng-hà, nên ngay từ thời thượng-cồ, Tần-Thủy-Hoàng đã đắp Vạn-lý trường-thành để ngăn cản họ.

Đến thế-kỷ thứ XIII, dưới sự chỉ-huy của Thành-cát Tư-hãn (Gengis Khan), quân Mông-cò tràn sang phía tây, chiếm hết vùng trung-ương châu Á, làm chủ xứ Ba-tư, vượt qua miền nam nước Nga, đến tận bình-nguyên sông Danube. Tới đâu họ cũng gieo tạc tóc và khủng khiếp nên dân-tộc miền Trung-Âu phải di-cư đi cả. Về phía đông, quân Mông-cò dứt nước Kim, tràn sang Triều-tiên, vượt Vạn-lý trường-thành, chiếm miền tây bắc nước Tàu. Đế-quốc Mông-cò ngày một rộng lớn, thế-lực ngày một tăng thêm. Đến đời Mông-Kha, Hốt-Tất-Liệt (Koubilai) đem binh tràn xuống phía Nam nước Trung-hoa, dứt nhà Tống, và lập nhà Nguyên. Về sau Nguyên-chúa lại chiếm Vân-nam và nhóm ngó nước ta.

Năm Giáp Thân (1284) Hốt-Tất-Liệt sai con là Thoát-hoan đem 50 vạn quân theo hai đường thủy, lục tràn vào Bắc - Việt, lấy cớ mượn đường đánh Chiêm - thành.

Vua Trần - Nhân - Tôn phong Trần - Quốc - Tuấn làm Tiết - chế đem binh đóng giữ những nơi hiểm yếu. Tháng 8 năm ấy. Hưng - Đạo - Vương hội họp tướng sĩ tại bến Đông - bộ - đầu nói rõ tham vọng cùng sự tàn ác của quân giặc.

Vương soạn bộ Binh - thư yếu - lược, bắt tướng sĩ ngày đêm luyện tập và thảo tờ hịch - văn kêu gọi lòng yêu nước của ba quân. Tờ « Hịch văn tướng sĩ » viết bằng máu và nước mắt đến nay vẫn được coi là một áng văn tuyệt tác. (1)

Tuy đã trao cho Trần - Quốc - Tuấn trọng trách điều - khiển ba quân, vua Trần - Nhân - Tôn vẫn e ngại trước sức mạnh của quân địch, và lo cho tính mạng, tài sản của đám lê dân vô tội. Trước khi quyết định, nhà vua triệu tập tất cả các vị bô lão tại điện Diên - hồng hỏi xem nên hàng hay nên đánh. Đề tránh cho con cháu cảnh sống nô-lệ dưới ách quân thù, mọi người đều hăng hái đồng thanh « xin đánh ».

Thấy trên dưới một lòng, toàn dân đoàn-kết thành một khối, Trần-Nhân Tôn không còn dự dự nữa, nên tuy mất miền Bắc, tuy Thăng - long thất thủ, Quảng - yên rơi vào tay địch, nhà vua thiên đô về Thanh - hóa tiếp tục kháng chiến.

Cũng trong năm Giáp Thân này thượng - tướng Trần - Bình - Trọng mắc mưu giặc bị bắt sống ở Đa-Mạc, (nay là Thiên-Mạc thuộc tỉnh Hưng - Yên). Thấy Trần - Bình - Trọng có sức khoẻ hơn người, Thoát - hoan đem phú quý ra dụ, nhưng Trần - Bình - Trọng giữ vững tấm lòng son, luôn mồm chửi mắng quân cướp nước. Khi Thoát - hoan hỏi « Có muốn làm vương đất Bắc không ? » thì Trần -

(1) Nguyên văn chữ Hán và dịch văn tờ hịch có in trong sổ tập chí này.

Bình - Trọng khẳng khái quát to : « Ta thà làm quỉ nước Nam, chứ không thèm làm vương đất Bắc ! Ta đã bị bắt thì chỉ có một chết mà thôi, can gì phải hỏi lời thôi ». Cái chết anh dũng của vị thượng - tướng nhà Trần làm quân giặc phải kính phục.

Hội - nghị Diên - hồng thắt chặt tình đoàn-kết của toàn dân, bài « Hịch - văn tướng sĩ » của Trần - Quốc - Tuấn thức tỉnh lòng ái quốc của ba quân, cái chết oanh-liệt của Trần - Bình - Trọng là tấm gương khẳng khái chói lọi khuyến khích mọi người. Tất cả các việc xảy ra trong năm Giáp Thân sửa soạn cho những chiến thắng vẻ vang của năm Ất Dậu, như trận Hàm - tử - quan, Chương - dương độ, và Tây - kết. Sau khi đại bại ở Vạn - kiếp, Thoát - hoan chỉ còn một số tàn binh chạy trốn. Vị thái - tử Mông - Cồ, chỉ huy hơn 50 vạn hùng binh, khi mới ra quân thì dương dương tự đắc, đến nay sợ hãi phải chui vào trong một chiếc ống đồng để lên xe cho ba quân kéo chạy nhanh về nước

Cuộc chiến - thắng của quân dân đời Trần là một võ công làm vẻ vang cho nòi giống Việt. Đội quân tinh nhuệ Mông - cồ được Thành - cát Tư - hãn là một tướng tài chỉ-huy nên đã gần như bách - chiến bách - thắng. Theo cuốn « Thành cát Tư - hãn, kỵ - sĩ Á - châu » (Gengis Khan cavalier d'Asie) với hơn hai vạn kỵ - binh, Thành - cát Tư - hãn đã tiến rất nhanh từ sa - mạc Mông - cồ tới bình - nguyên sông Danube. Trước những đội kỵ - mã bọc giáp dày, trước chiến lược chớp nhoáng và chiến - thuật xuất - quỷ nhập - thần của các tướng Mông - cồ quân đội Ba - tư, Ả - rập, Nga, Thồ, Triều - tiên, Trung - hoa đều tan vỡ và chịu khuất phục. Nhưng đến năm Giáp Thân, đội quân hùng hãn đó đã vấp phải sức kháng-chiến của dân Việt và đã thất bại một cách nhục nhã. Chúng ta có thể tự hào là đã cản được cuộc nam - tiến của quân Mông - Kha, nổi tiếng trong thế - kỷ thứ XIII.

Năm Mậu Thân (1428) Lê Lợi thắng quân Minh giành Độc lập cho đất nước

Hai thế kỷ sau, giang-sơn gấm vóc mà vua tôi nhà Trần đã hi-sinh bao nhiêu xương máu mới giữ được nguyên vẹn rơi vào tay những vua bất tài, chỉ ham mê tửu sắc, trao cả việc trị dân cho Lê quý Ly khiến xảy ra việc thoán - đặt, nên quân Tàu lại có dịp giày xéo lên nước ta.

Thấy tình hình nước Nam rối ren, vua Minh bèn sai Trương - Phụ đem quân lấy tiếng phù Trần diệt Hồ. Nhưng vâng theo mật - lệnh, Trương - Phụ sau khi bắt được họ Hồ, ép một số quan lại Việt - gian và kỳ - lão hèn nhát làm tờ khai rằng « Họ Trần không còn ai nữa, và dân An - Nam xin được sáp nhập

vào nước Tàu vì nước An-nam là đất Giao-châu khi trước. ». Minh-hoàng bèn bỏ quan lại sang cai-trị và có ý định đồng-hóa hơn mười triệu người Việt. Đề đạt mục đích thâm độc đó, quan lại nhà Minh thu hết sách vở và di-tích của nước ta đem về Trung - quốc, bắt buộc dân Việt phải học tiếng, mặc quần áo, theo phong tục của người Tàu.

Cuộc đô - hộ này kéo dài trong 14 năm. Trong thời-gian đó, dân ta khổ nhục trăm đường, chịu sưu cao thuế nặng, bị hà hiếp, bóc lột đến xương tủy.

Nhưng một dân - tộc đã sẵn - xuất ra hai vị nữ anh - hùng đất Mê - Linh, ra thượng - tướng Trần - Bình - Trọng, coi cái chết nhẹ như lông hồng, thì dân-tộc đó không thể mai một được. Lúc đó có người anh - hùng áo vải đất Lam - sơn phất cờ nghĩa, truyền hịch đi khắp nơi kêu tập quân Minh và cùng tướng sĩ năm gai nếm mật chiến đấu đuổi quân xâm lăng ra khỏi bờ cõi.

Việc làm của Lê - Lợi thuận lòng người và hợp ý trời, nhưng vì quân thù đã có thời - giờ củng cố địa-vị và mua chuộc được một số Việt - gian khá lớn cho làm quan tại các quận huyện để làm tai mắt cho chúng, nên Lê - Lợi phải trải bao phen nguy hiểm, phải ba lần rút về Chí - Linh và kéo dài cuộc chiến - tranh chống Minh tới 10 năm trời, từ Mậu Tuất (1418) tới Mậu Thân (1428).

Nhờ được các tướng tài như Nguyễn - Trãi, Lê - Xí, Lê - Lai, nhờ sự ủng hộ của toàn dân, Lê - Lợi đã viết nhiều trang sử vẻ vang cho dân tộc. Trong trận Tuy - động đánh vào tháng 10 năm Bính Ngọ (1426) Vương - Thông đại bại: hơn một vạn quân Minh bị bắt làm tù binh, khí giới quân nhu lọt vào tay quân ta gần hết, và 5 vạn địch - quân tử trận. Sau trận này, Vương - Thông phải xin hòa, đồng thời cho người về Tàu xin binh cứu viện. Minh - chúa bèn sai Liễu - Thăng đem 10 vạn quân theo đường Quảng - Tây sang tiếp viện. Nhưng tới núi Đão - Mã Pha (nay thuộc Ôn - Châu Lạng - Sơn) Liễu - Thăng mắc mưu tử trận. Quân ta giết được hơn 5 vạn quân Tàu và bắt sống được hơn 3 vạn (1).

Cuộc kháng-chiến anh-dũng của Lê-Lợi thành công rực rỡ và năm Mậu Thân (1428) Bình-Định-Vương Lê-Lợi lên ngôi Hoàng-Đế đặt tên nước là Đại-Việt, lấy hiệu là Thái-Tổ.

Năm Mậu Thân chấm dứt cuộc Bắc-thuộc lần thứ tư và nhắc cho người Tàu biết rằng dân-tộc Việt-Nam tuy ít nhưng là một dân-tộc anh hùng có tinh-thần quật-cường không bao giờ chịu sống nô lệ.

Năm Mậu Thân (1788) Nguyễn Quang-Trung đại phá quân Thanh

Hơn ba thế kỷ sau, vua Lê Chiêu-Thống phạm tội phản dân tộc, vì nhà vua

(1) Tài liệu lấy ở cuốn Việt - Nam sử-lược của Trần - trọng - Kim

nhờ thế lực của quân Thanh để giữ địa-vị và đã vô tình công răn cản gà nhà. Vua Càn-Long bèn lợi dụng cơ hội đó cử Tôn-sĩ-Nghị đem quân bốn tỉnh Quảng đông, Quảng-tây, Vân-nam, Quý-châu, lấy cớ phủ Lê để chiếm nước ta.

Năm mươi vạn quân Tàu chia làm ba đường rầm rộ tiến về Thăng-Long.

Trước sức mạnh của địch quân, tướng Tây-Sơn là Ngô-văn-Sở rút về giữ núi Tam-Điệp chờ quân cứu viện.

Tôn-sĩ-Nghị tới Kinh-Bắc thì gặp vua Lê-Chiều-Thống và đưa về Thăng Long phong làm An-Nam quốc-vương để che mắt dân chúng. Sự thực thì nền độc lập của nước ta không còn, vì trên các công-văn hồi đó đều đề niên-hiệu Càn Long cả. Lê Chiêu-Thống bị quân Tàu khinh miệt : ngày ngày nhà vua cưỡi ngựa sang châu bên dinh Tôn-sĩ-Nghị đợi lệnh. Nhiều hôm quá trưa, Tôn mới cho quan hầu ra bảo : « Hôm nay không có việc gì quan trọng, vậy cho về ». Dân chúng phẫn uất trước thái độ đề hèn đó, và hướng về phương Nam đợi quân Tây-Sơn ra giải-phóng đất nước.

Được tin quân Tàu đã chiếm Thăng-Long, Bắc-Bình-Vương hội hợp tướng sĩ bàn kế đem binh bắc phạt. Thề lời chư-tướng, ngày 25 tháng một năm Mậu-Thân (1788) Vương lên ngôi Hoàng-đế, lấy hiệu là Quang-Trung, rồi thân đứng chỉ huy 10 vạn quân thẳng đường ra Bắc. Đại quân tới đâu đều được dân chúng nhiệt-liệt ủng-hộ và số người đầu quân ngày một tăng. Hôm 20 tháng chạp tới núi Tam-Điệp, tướng Ngô-văn-Sở ra tạ tội, trình về tình hình đất Bắc và thế-lực hùng hân của 50 vạn quân Thanh.

Vua Quang-Trung ủy-lạo tướng-sĩ, cười và phán rằng : « Quân Thanh sang chuyển này, là chỉ để mua cái chết. Ta đã có mưu mẹo rồi và đuổi quân Tàu về chẳng qua chỉ 10 ngày là xong. Nhưng nghĩ nước chúng lớn gấp 10 lần nước ta, sau khi thua trận, chúng sẽ xấu hổ và mưu việc báo thù. Như thế cuộc chiến-tranh sẽ kéo dài, dân ta hại nhiều, ta sao nở thể. Vậy đánh xong trận này ta phải nhờ Thời-Nhiệm dùng lời nói khéo để đình việc chiến-tranh. Đợi mười năm nữa, nước ta dưỡng được sức phú cường rồi thì ta không còn sợ chúng nữa ».

Nhà vua truyền cho mọi người nghỉ ngơi, ăn Tết Nguyên - đán trước, đề hôm trừ-tịch ra quân, hẹn đúng ngày khai - hạ sẽ mở tiệc ăn mừng chiến - thắng ở Thăng Long. Chiến - thuật « chớp nhoáng » của vua Quang - Trung làm quân địch không kịp trở tay. Đại quân vượt qua sông Giản - Thủy, đánh tan đám nghĩa - quân nhà Lê rồi tiến nhanh tới huyện Phú - Xuyên, bắt sống cả toán quân Tàu đóng ở đó. Nửa đêm mùng 4 rạng ngày mùng 5 Tết, quân ta tới Hà - Hồi vây kín đồn giặc. Thấy quân Tây - Sơn bủa vây bốn phía, một con chim bay không lọt, tướng giữ đồn

mở cửa thành xin hàng. Đại quân thắng tiến và mở mở sáng tới đồn Ngọc - Hồi (nay ở ngoại-thành Hà-nội) Quân Tàu chống cự rất hăng, súng trong đồn bắn ra không ngớt. Vua Quang-Trung mặc giáp trắng, cưỡi voi đốc chiến. Quân ta ghép ván, bó rơm chung quanh làm mộc và xông thẳng vào cửa thành. Tới nơi, tất cả xung phong phá thành, bắc thang trèo lên địch - lâu. Quân Tàu địch không nổi, bỏ thành chạy tán loạn. Quân Nam đuổi theo, giết quân Thanh thây nằm đầy nội, máu chảy thành suối. Trong trận này hầu hết các thượng - tướng của nhà Thanh, như Đề đốc Hứa - thế Hanh, tiên - phong Trương - sĩ - Long và tả - dực tướng - Quân Thượng - duy - Thắng tử - trận. Tri - phủ Điền - châu là Sâm - Nghi - Đống bị quân ta vây phải thắt cổ tự vẫn. Sau trận này, vua Quang - Trung sai chất sác quân địch phủ đất lên trên, và nay là gò Đống Đa ở Thái - Hà - Ấp.

Nửa đêm mừng 6, được tin quân Nam tiến gần tới Thăng - Long, Tôn - sĩ Nghi không kịp mặc giáp, hốt hoảng cùng vài tên lính tâm phúc qua cầu phao trốn sang Kinh - Bắc, quên cả ẩn nấp cùng mặt - chiếu của vua Càn - Long.

Được tin chủ - tướng đã bỏ thành, quân sĩ tranh nhau chạy trốn giày séo lên nhau và ủa xuống cầu phao. Được một lúc, cầu gãy, hàng vạn quân Thanh bị chết đuối, và mãi tới quá trưa dòng sông Nhị - hà mới hết sác quân thù.

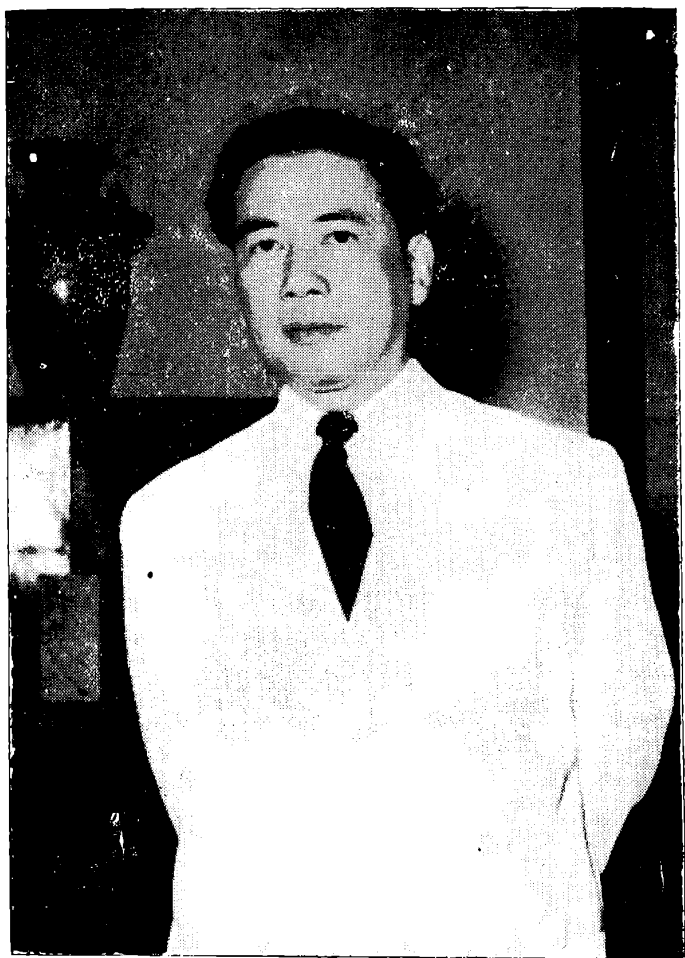
Ngày mừng 6 Tết, trước khai - hạ một hôm, vua Quang - Trung ngồi trên mình voi, dẫn đầu toán quân anh - dũng hiên ngang tiến vào nơi cố - đô nghìn năm văn vật. Áo giáp trắng của nhà vua bị khói súng nhuộm đen như mực.

Tôn - sĩ - Nghi đem tàn quân, ôm đầu chạy về Tàu. Uy-thế của vua Quang - Trung vang dậy như sóng cồn, và dân Trung - hoa ở miền giáp giới ải Nam - quan dất dứ nhau bỏ chạy đến nỗi cả một vùng đó không còn nghe tiếng gà kêu chó cắn, Ban đêm trẻ con Tàu nghe tên vua Quang - Trung không dám khóc.

Năm Bính Thân (1956) Ngô Tông - Thống cũng cố chính thể Cộng - hòa. sửa soạn cuộc thống - nhất Việt - Nam

Vua Quang - Trung đã có công giành độc - lập và hiến cho dân tộc Việt-Nam một cái Tết Nguyên - đán oanh liệt, Nhưng nhà Nguyễn Tây - Sơn trị-vì không được bao lâu, và vua Thế - Tò nhà Nguyễn từ đất Gia - định tiến ra Phú Xuân, Thăng - Long thu giang-sơn về một mối.

Đến đời vua Tự - Đức, lấy cớ bảo vệ tính mạng của giáo - đồ, Pháp chiếm Nam - Kỳ, đặt nền đô - hộ trên toàn lãnh-thổ nước ta. Trong gần một thế - kỷ, dân tộc Việt - Nam đã nhiều phen khởi - nghĩa. Nhưng vì thiếu sự ủng-hộ của dân chúng và vì khí-giói của ta thô sơ, nên các nhà cách-mạng như Trương - công



Chân dung NGÔ TỔNG-THỐNG

Ảnh vua Quang-Trung



Ảnh này do vua Kiến-long nhà Thanh sai thợ Tàu vẽ vào năm 1740, để quở-phục này là đồ quân-phục của vua Tàu lông. Ảnh này ở trong tập Mãn-châu cổ-họa.

Định, Hoàng-hoa - Thám, Phan -bội - Châu, Nguyễn - thái - Học, hoặc ôm hận nơi chốn lao tù, hoặc đền nợ nước dưới lưỡi dao oan nghiệt.

Sau khi Thế-giới chiến-tranh 1939 - 1945 kết liễu, nền đô-hộ Pháp lung lay đến tận gốc và năm 1954 Hiệp-định Genève chia nước ta ra hai mảnh. Con sông Bến-hải thay thế sông Gianh thừa trước.

Được thực-dân trả cho miền Bắc, Bọn Việt-Cộng vô tổ-quốc mở ngay biên-giới rước quan thầy Nga, Hoa sang! Hiện nay gót sắt của quân Trung-Cộng đang giày séo lên quê hương của các vị anh-hùng dân-tộc, như Trưng-Trắc, Trưng-Nhị, Trần-Hưng-Đạo, Lê-Lợi, Quang-Trung. Đồng bào chúng ta ở Bắc vĩ-tuyến 17 đang sống trong cảnh lầm than, đói rét, ngồi trông bọn Việt-Cộng vơ vét thóc gạo dâng cho quan thầy. Khi xưa quân Minh không đạt được mục đích của chúng là đồng-hóa dân-tộc Việt-Nam, thì ngày nay chính bọn Việt-Cộng lại thực-hiện chính sách xóa bỏ biên-thùy, đề từng lần sóng người Tàu sang chiếm đóng một cách hòa-bình những miền đồng ruộng phì nhiêu mà tổ-tiên chúng ta đã tốn bao xương máu mới bảo vệ được tới ngày nay.

Trước sự xâm-lăng của Trung-Cộng, gần một triệu dân miền Bắc đã cương quyết bỏ phần mộ tổ tiên, lìa nơi chôn rau cắt rốn, di-cư vào, Nam sống một đời tự do. Năm vừa qua là năm đen tối nhất của chúng ta. Trong khi bọn Việt-Cộng làm le thiết lập nền quan-hệ bình thường đề dâng nốt vựa thóc miền Nam này cho quan thầy chúng thì thực-dân và phong-kiến giúp đỡ loạn quân gây nhiều khó khăn cho Chính-Phủ.

Chính lúc tổ-quốc lâm nguy này là dịp để các nhà chân-chính ái-quốc rải tổ tẩm lòng sắt đá với quốc-dân. Trước sự cấu-kết của ba kẻ thù chính của dân-tộc Việt-Nam (thực-dân, phong-kiến và cộng-sản), trước những cuộc tấn công của quân phiến loạn Bình-Xuyên, Ba-Cụt và Năm-Lửa. Ngô-chí-Sĩ không sờn lòng. Người đã đưa con thuyền Quốc-Gia qua cơn bão táp, Cuộc Trưng cầu dân-ý ngày 23-10-1955 chứng tỏ lòng tin cậy của toàn dân vào sự lãnh đạo sáng suốt của người. Sau khi được đa số tín-nhiệm, Ngô Chí-sĩ đã long trọng tuyên-bố chấm dứt chế-độ quân-chủ thối nát. Ngày 26-10-1955 chính-thể dân-chủ chân chính được thiết lập.

Theo gương Bình-Định-Vương và Quang-Trung, Ngô Tổng-Thống đã cương quyết cải thiện đời sống của nhân dân. Người đã thẳng tay trừng trị quan tham lại nhũng, đóng cửa sòng bạc và xóm bình-khang, bài trừ nạn thuốc phiện và cờ bạc. Một luồng gió mới đương thổi trên mảnh đất Tự-Do miền Nam làm cho lòng người phấn khởi và tin tưởng ở tương lai.

Tuy không có óc mê tín, chúng ta cũng phải công-nhận rằng từ trước tới nay năm Thân là năm báo hiệu cho một kỷ-nguyên mới của nước ta. Năm Giáp Thân (1284) sửa soạn các cuộc chiến thắng vẻ vang của quân dân nhà Trần về năm Dậu. Năm Mậu Thân (1428) Bình-Định-Vương đuổi hết quân Minh ra khỏi bờ cõi và cùng dân chúng ca khúc khải-hoàn. Năm Mậu Thân (1788) Nguyễn Quang-Trung lên ngôi Hoàng-đế đúng ngày 30 tết cát quân Bắc phạt, và trong 6 ngày đánh tan đội quân tinh nhuệ của nhà Thanh. Những năm Thân trước là những năm may mắn của dân-tộc Việt-Nam, thì năm Bính-Thân (1956) sắp tới sẽ là năm mở đầu cho cuộc Thống-nhất xứ sở dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Ngô Tổng-Thống đề hai mươi lăm triệu dân Việt được hưởng thái-bình trong Tự-Do Dân-Chủ.



Dân-chủ chính là một trạng-thái tinh-thần, một lẽ lối sinh-hoạt trong sự tôn-trọng nhân-vị ngay ở bản-thân mình cũng như ở kẻ khác. Mỗi người phải tự rèn luyện hằng ngày, thực-hành châu đáo. Dân-chủ là cả một nghệ-thuật linh-động, một cố gắng không ngừng đề dung-hòa phối-hiệp những quan-niệm dị-đồng căn có và những mối phức-tạp không tránh được trên thực-tế. Chế-độ dân-chủ đòi hỏi mỗi người chúng ta trau-đồi trí đức hơn bất cứ chế-độ nào khác.

(Trích trong bản tuyên-cáo của Tổng-Thống Ngô-đình-Diệm) ngày thiết-lập nước Việt-Nam Cộng-hòa (26-10-55).

CẢM TƯỞNG VỀ NĂM THÂN

Duy-Việt N. C. HUÂN

TẾT Bính Thân là tết nguyên - đán đầu sau cuộc phân - chia đau thương của đất nước. Ngót một triệu đồng bào lìa nơi quê cha đất tổ, tìm tự - do hạnh phúc dưới bóng cờ Chính - Phủ Quốc - Gia, nay được yên ổn ăn tết lịch sử này ở các đô - thị hay trại định - cư rải rác trong Nam hoặc ngoài Trung - Việt. Được hưởng thái bình và tự - do thì ta lại thương nhớ đến bao nhiêu thân thuộc của ta đang rên siết nơi đất Bắc dưới chế - độ khắc nghiệt của Việt-cộng. Càng cảm hờn ta càng nóng lòng mong muốn có ngày trở lại nơi nghìn năm văn-vật đất Thăng - Long, và cái ngày ấy chắc chẳng xa nào !

Tết Giáp Ngọ ở ngoài Bắc, ta còn có hoa đào tươi thắm, bông thủy tiên trong trắng, chậu cúc vàng tươi; tết Bính Thân năm nay, ta thiếu thứ ấy, nhưng ta lại có bông mai vàng, trái dưa hấu đỏ, bánh chưng xanh và lòng quả cảm chờ ngày hội - ngộ thành công.

Àn tết năm Bính Thân làm cho chúng ta nhớ tới đất Bắc, nhớ tới vua Quang - Trung với cái tết oanh liệt năm Mậu - Thân (1788), đã xua đuổi được quân Tàu ra bờ cõi.

Năm Thân xưa có cái kỷ - niệm tốt đẹp ấy thì năm Bính Thân này chắc hẳn cũng sẽ đem lại cho ta một niềm hy vọng thắm tươi.

Nói đến năm Thân thì ta cũng nên biết qua đến định - nghĩa của năm Thân. Theo lý số Á - đông, Thân là một quẻ, vị thứ chín trong mười hai địa - chi.

Những người sinh về năm Thân cảm tình con « khỉ ». Và con « khỉ » có nhiều truyện đáng nói, vì từ khoa - học tới thần - thoại qua văn chương, đều có bàn tới giống vật mà các nhà khoa - học cho là thủy-tổ loài người.

Theo cách trí, khỉ thuộc loài động vật có vú, biết đi đứng như người, chỉ khác là ngón chân cái ở chân sau đối diện với 4 ngón kia. Khỉ còn khác người ở chỗ mình mẩy đầy lông và một vài giống có xương sống mọc dài thành đuôi. Thuộc loài khỉ có giống đuôi-trụi, khỉ độc, vượn, cu-li đầu mặt v.v... Khỉ ở trên cây cao, biết dùng tay, chân và cả đuôi để đánh đu và leo trèo. Thức ăn của khỉ là hoa quả

nhưng chúng ăn cả sâu bọ và trứng chim. Giống khi hay ở từng đàn, tức là có óc « gia - đình », dưới quyền chỉ huy của một con đực khỏe mạnh và khôn nhất.

Khi mẹ đẻ ra con và biết nuôi nấng thương yêu không kém gì người. Các giống khi đều ở miền nhiệt - đới, trừ loài khi ma - gô sống ở rừng núi Âu - châu. Giống khi ca-ta-ri - niêng ở Cựu - thế - giới và giống khi Bờ - la - ty - ri - niêng và Ác - tô - pi - tè - siêng ở Tân - thế - giới. Loài khi thân hình mặt mày sấu sít, có trí khôn, rất khéo tay, nhưng không có óc xây dựng, thế cho nên không biết làm tổ, thường ở trên cành cây, trong hốc đá. Chính vì khi chỉ hay bắt trước, ít sáng kiến, thân hình lại sấu, cho nên người ta thường nói là sấu hay tinh ranh như . . . khi.

Khi lại còn có nhiều danh - từ như Bú - dù. Hầu. Tam - hoè và Tườu ; ở Âu - Châu, đề - châm - biêm, chẻ - riêu, thợ thuyền thường gọi chủ họ bằng biệt hiệu « con khi ». Và mỗi khi một người không giữ lời hứa hay chỉ nói khoác lác, họ bảo rằng kẻ ấy trả bằng tiền khi . . .

Ở Á - đông, mỗi nước có một quan - niệm riêng đối với khi. Nước Ấn - độ có nhiều nơi coi khi cũng như bò, lợn và quạ là một « Thần - vật », nên họ thờ kính và không bao giờ dám đánh đập giết chóc. Chắc độc giả nhớ đến Tề - Thiên - Đại - Thánh có thần thông phật - lực sai khiến được hết thầy ma quỷ, nên người ta tôn là Đại-Thánh.

Người Nhật - Bản cho khi là một loài rất tinh khôn, nên đã lấy khi làm điển - hình của « tam-khôn » : tôi còn nhớ đã trông thấy ở một cơ - quan ngoại - giao của họ bức tranh vẽ ba con khi « khôn ». Một con tay bụng mỡ không nói (kín tiếng là yêu nước !), một con lấy hai tay kéo vênh tai để nghe người khác nói, còn mình thì ngồi im, một con nữa thì căng hai con mắt mà nhìn mọi việc cho rõ nhưng không nói...

Còn như ở nước ta thì cũng có người kỳ (hay là cũ) giống khi, cho là gặp hay nói tới nó là việc không hay, nhất là đầu năm khi đi xông đất ! Chẳng thế mà những cô sinh năm Thân, nghĩa là cầm tinh con « Tam-hoè » tự-kỷ ám-thị cho rằng tuổi ấy thường vất vả, lận đận về chồng con. Cô nào cao số vẫn than thân :

« Ngươi ta tuổi Ngọ, tuổi Mùi,

« Sao em lại giữ một đời tuổi Thân !

Thi sĩ Trần-tế-Xương đã chẳng ví loài người với giống khi là gì trong câu thơ Tết :

« Lặng lặng mà nghe nó chúc con,

« Sinh năm đẻ bảy được vương tròn.

« Phở phờng chặt hẹp người đông đúc,

« Bồng bề nhau lên nó ở non.

Nhưng lại có người cho khi là một giống có tinh thần tiết-tháo, hình khi nhưng đầu óc người quân-tử, hiểu thấu mọi vật nhưng không thềm nói. Tỷ như bài thơ bất hủ của nhà túc-nho đại cách-mệnh Cụ Lê-thạch-Lân đã đề trên bức tranh « con khi » đề tặng ông bạn già Nguyễn-Thiên Thê nhân dịp tết nguyên-đán một năm Tân :

Thơ rằng ;

Hoa quả son trung tự tại thân,

Quý tuy thiên đế bất vi thân.

Thế gian điên đảo phong hầu mộng,

Kỷ kiến thanh cao như thử quán.

Tạm dịch là :

« Hoa quả trên non thú thành thời,

« Dọc ngang mặc sức há thừa trời.

« Đột mê luôn cú mưu danh vọng,

« Mà vẻ thanh cao để chỉ người ?

Dù sao, giờ trang lịch - sử oanh liệt của nước ta, ta thấy những năm Tân xưa đã mang lại cho dân tộc ta nhiều thắng lợi thì năm Bính Thân này há chẳng phải là một năm đầy hạnh-phúc, đầy thành - công dưới dấu hiệu thái-bình, kiến-thiết của nước Việt-Nam Cộng - hòa như lòng ước ao tin - tưởng lúc ta đọc thơ sấm của Trạng Trình tiên-sinh khi cụ nói đến năm Tân :

Long vĩ xà đầu khò chiến tranh,

Can qua xứ xứ khởi đao binh.

Má đề dương cước anh hùng tận,

Thân dầu niên lai kiến thái-bình.

Có bạn sẽ hỏi thời buổi nguyên-tử và khinh-khí sao lại dựa vào câu sấm cổ thì xin thưa rằng : bên lẽ khoa học cụ-thể, há chẳng có những học-thuyết trùu-tượng như tương-đối-thuyết của Einstein, xác-số tính, vi-phân tính của các nhà toán học ư ? Khi ta nghĩ tới câu sấm trạng, một phần vì ta nuôi hy vọng lớn, một phần nữa vì ta tin-tưởng vào thắng lợi của chánh-ngĩa quốc gia và tin-tưởng ấy có sức mạnh kém chi nguyên-tử lực !



TẾT NÓI TRUYỀN

HOA MAI VÀNG, DƯA HẦU ĐỎ

Duy Việt N. C. HUÂN

MIỀN Nam nước Việt, về dịp tết, tiết trời nóng nực, khác với miền Bắc khí hậu mát mẻ. Hoa quả đạo ấy cũng khác. Không đóa hoa thủy tiên :

*Nhị vàng cánh trắng hương thơm nức,
Lá biếc thân trong ve nõn nà.*

Không thấy bông hoa đào tươi thắm của làng Nhật-Tân, Yên-Phụ, rung rinh hai bên lề đường nhộn nhịp phố hàng Lược đề ta nhớ tới câu :

*Liều yếu cùng chung phận má hồng,
Phấn son tô điểm cánh non bông,
Trải bao mưa nắng còn tươi thắm,
Xuân đến vẫn cười với gió đông.*

Nhưng trái lại, tết Nam-Việt không có hoa đào đỏ thì đã có bông mai vàng. Bông mai vàng mọc ở cành lá xanh tươi, cảm lạ độc bình Biên-hòa chẳng phải là không thi vị, và khiến lòng ta :

*Thần thơ vui thú yên hà,
Mai là bạn cũ, hạc là người quen.*

Và tết chơi hoa mai khiến ta nhớ tới câu thơ cổ chỉ có mười chữ mà đọc xuôi đọc ngược thành bài thơ tứ tuyệt mỗi câu 7 chữ :

**Vị tình lai ký nhất chi mai hữu biệt hoài
Vị tình lai ký nhất chi mai,
Ký nhất chi mai hữu biệt hoài.
Hoài biệt hữu mai chi nhất ký,
Mai chi nhất ký vị tình lai.**

Tạm dịch là :

*Vị tình gửi lại một cành mai,
Gửi một cành mai có biệt hoài.
Hoài biệt cành mai xin gửi lại,
Vị tình xin lại với cành mai.*

Ăn tết trong Nam làm ta nhớ tới cảnh nơi đất Bắc.

Đầu là cảnh ba mươi tết mà từ tờ mờ sáng đã thấy tiếng lợn làm thịt kêu eng éc, trong làng xóm lác đác đã có mấy nhà dựng cảnh nêu. Cảnh nêu là một cây tre to và cao, đủ cành đủ lá, cành còn tươi lá vẫn còn xanh, trên ngọn cây tre có treo ba trăm nén vàng giấy. Ấy là cái tục cổ truyền của ta, dựng cảnh nêu tin tưởng để giữ cho lũ quỷ nhà trời không xâm chiếm đất đai của mình về dịp đầu xuân. Cành nêu đánh dấu bề cao, còn bề rộng là những hình vẽ bằng vôi như cốt chứa thóc, cái cung cái nỏ ở trên sân, ngoài ngõ đề phòng quân trộm cướp gian phi khỏi xâm nhập vào địa phận nhà...

Tuy xa nơi quê cha, nhưng đến tết chơi mai vàng cũng làm ta tưởng đến câu hát ví von trong ruộng lúa xanh tươi của mấy cô đang làm cỏ ruộng đồng ruộng Bắc-Ninh hay Hưng-Yên Phố-Hiến :

*At đi đâu đấy hội ai ?
Hay là Trúc đã nhớ Mai đi tìm ?
Tìm em như thề tìm chim,
Chim ăn bẽ Bắc, đi tìm bẽ ... Nam.*

Đây là hoa mai vàng, một hương vị của tết miền Nam. Nhưng còn hương vị thứ hai nữa, ấy là trái dưa hấu. Vì cứ tới tết Nguyên-đán thì có nhiều dưa hấu để làm cho mát lòng người khi trời nóng gắt.

Trái dưa hấu vỏ xanh hay trắng, ruột vàng hay đỏ, cứ đến tết thì xuất hiện khắp các chợ từ chốn thôn quê tới thành thị.

Đất đai và khí hậu ở đây rất hợp cho nên dưa hấu mọc khoẻ, quả rất sai và ăn ngon ngọt. Hầu hết các tỉnh như Bến-tre, Gò - công, Chợ - lớn, Tây - ninh, Gia - định, và miền Nam Trung-Việt như Bình - thuận, Phan - thiết, đều trồng nhiều.

Trong quả dưa hấu có tới 90 phần trăm nước bô. bốn phần trăm đường, 0,01 phần trăm vôi, 0,02 phần trăm dương-long-hoàn và, 0,25 phần trăm hóa-chất như ốc-xa-lát bồ-tật. Nhờ có các chất ấy cho nên ăn dưa hấu ta thấy mát ruột, và dù trong ba ngày tết có ăn nhiều thịt mỡ thì đã có ốc-xa-lát tính chất « cầm » nên không sợ khó tiêu.

Đồng bào di cư ăn tết ở phương Nam, giải nong bằng dưa hấu, ngắm bông mai vàng hẳn nhớ đến lịch-sử của quả ấy. Thì đây là sự-tích « trái vỏ xanh ruột đỏ »

Tục truyền đời vua Hùng-Nghi-Vương nuôi được người con trai lên 7, 8 tuổi. Thấy đứa trẻ mặt mũi khôi ngô tuấn tú, nhà vua đặt tên là Mai-Yến hiệu An-Tiêm, cho học rồi lấy cho một người vợ, sau lại phong quan tước. Từ khi làm quan, An-Tiêm được bổng lộc đầy nhà, ăn sung mặc sướng, nhưng thường nói với vợ và gia-nhân rằng : « Những của cải bổng lộc mà ta hưởng ngày nay tức là những công quả của ta ở đời trước cả ; vậy đời này ta cần phải tu nhân tích đức thì kiếp sau ta sẽ được hưởng nhiều sự hay . »

Có người thóc mách đến tâu vua. Vua cho là An-Tiêm vong ân bội nghĩa, giận mà nghĩ rằng : « Đã thế thì đẩy nó ra ngoài bãi biển không ai lai vãng, thử xem nó còn được hưởng công-quả của đời trước nó không ? » Thế rồi vua sai đem vợ chồng An-Tiêm ra bãi cát hoang vu ngoài cửa biển Nga-sơn, thuộc Thanh-hoá bây giờ ; chỗ ấy quanh năm chỉ có nước với trời, không một bóng người qua lại. Vua chỉ cấp cho lương thực đủ bốn năm tháng hễ hết là chết đói. Vợ An-Tiêm sợ hãi, khóc lóc nhưng An-Tiêm cười mà nói :

« Trời đã sinh ra ta, tất trời sẽ nuôi ta, việc gì phải lo ! »

An-Tiêm ở hoang đảo, hàng ngày thường đi vợ vờn khắp mọi nơi, bỗng một hôm thấy đàn chim nhạn ở phía Tây bay lại, đánh rơi mấy hạt cây xuống đất. An-Tiêm để ý xem xét thấy ít lâu hạt ấy nảy mầm mọc ra cây leo xanh tốt rồi khai hoa kết quả. An-Tiêm hái một trái bẻ ra ăn thử, thấy vị ngọt và mát, mừng rỡ mà rằng : « Thật là trời cứu ta, nên cho ta thứ dưa này ! »

Vì không rõ quả dưa ấy tên là gì, An-Tiêm bèn đặt tên là Tây-quả tức là dưa ở phương Tây do đàn chim mang hạt giống lại. Từ đấy vợ chồng An-Tiêm lấy hạt để giống, trồng thêm ra nhiều. Trồng được nhiều rồi, An-Tiêm nghĩ cách viết chữ vào vỏ quả dưa thả xuống biển, các thuyền đánh cá vớt được, ăn thấy ngon ngọt nên theo địa chỉ kéo tới bãi cát Nga-Sơn, mang gạo đổi lấy dưa về bán. Chẳng bao lâu giống dưa ấy được trồng khắp nơi, và đổi tên là « dưa hấu » theo chữ là dưa hảo (tốt) vì ăn bổ, ngon ngọt lại mát ruột. Nhờ có trao đổi dưa lấy gạo mà vợ chồng An-Tiêm không lo chết đói nữa, trái lại, chàng đã thành một nhà buôn lớn.

Mấy năm sau, vua Hùng-Nghi-Vương sức nhớ đến vợ chồng An-Tiêm sai người ra bãi biển xem còn sống không, thì lạ thay, chẳng những An-Tiêm chưa chết mà trái lại còn buôn bán tấp nập với khách-thương qua lại bằng nguồn lợi dưa hấu.

Vua lấy làm khen ngợi và nói rằng : « An-Tiêm nó nói phải, bồng lộc là của kiếp trước thực chẳng sai » .

Vua bèn với vợ chồng An-Tiêm về cho phục chức cũ trong Triều. Từ đấy, bãi biển Nga-Sơn được gọi là An-Tiêm bãi và trái dưa nuôi sống được người gọi là dưa hấu. Uống nước nhớ nguồn, ăn quả nhớ kẻ trồng cây, nên nhân ngày tết, khi ta thường thức trái dưa đỏ, nghe truyện xưa không phải là vô vị và câu đối Tết của đất Bắc được một bạn đọc Văn-Hóa Nguyệt-San đời ra như sau đây có lẽ đúng với hương vị tết miền Nam :

*« Thịt mỡ mai vàng dưa hấu đỏ,
Nêu cao pháo nổ bánh chưng xanh. »*



*Giữa buổi đầu xuân, cảm - thông cùng dĩ-vãng oanh-liệt
của Tiên-nhân, tin-tưởng ở tương-lai sán-lạn của đất nước,
chúng ta nguyện đem hết tâm-can phụng-sự quyền-lợi tối-cao
của Tò-quốc, trong một mối tình đoàn-kết thiêng-liêng, với
một hoài-lão Quốc-gia bất-diệt.*

Trích trong bản Hiệu-triệu Quốc-dân của Ngô-Tông-Thống
nhân dịp Tết Ất Mùi (1955).

KỊCH - THƠ

NỢ NON NƯỚC

VŨ-HUY-CHÂN

Tuồng hát gồm 3 hồi 9 cảnh

Hồi thứ nhất :	{	Cảnh I	Hương-thôn
		Cảnh II	Hương-thôn
Hồi khởi điềm :	{	Cảnh III	Diễn võ-trường trong đồn Bắc-vọng
Hồi thứ hai :	{	Cảnh IV	Chiến-trường
		Cảnh V	Trong trường Lê-Hoan
Hồi đại thịnh :	{	Cảnh VI	Đồn Bắc-Vọng
Hồi thứ ba :	{	Cảnh VII	Chiến-trường
		Cảnh VIII	Đồn Bắc-vọng trong ban đêm
Hồi tan rã :	{	Cảnh IX	Tế mộ

CÁC VAI :

Hoàng - Hoa-Thám	tức Trương-văn-Thám	vua Yên-Thế
Trương-văn-Trọng	tục gọi Cả Trọng	con trai Hoàng-Hoa
Cả Dinh		tướng của Hoàng-Hoa
Lý Nho		tướng của Hoàng-Hoa
Nàng Ba		vợ ba của Hoàng-Hoa
Lão bà		mẹ Cả Dinh
Một thiếu-phu		vợ Lý-Nho
Quán A	}	quân của Hoàng-Hoa
Quán B		
Vài người dân		dân trong hạt Yên-thế
Tiêu-phu		quân của Hoàng-Hoa trá hình
Lê-Hoan		viên Khâm-sai
Bonifacy		Đại-tá người Pháp
Cai Sung		cai khổ xanh
Lính số 1	}	lính khổ xanh
Lính số 2		
Lính Tây		(tùy nhiều ít)

GIÁO ĐẦU

*Trời Nam trong vịnh mới,
Đất Việt giữa ngày xuân.
Đem câu văn kể truyện tiền-nhân,
Diễn tích hát tuyên công liệt-sĩ.
Khoảng năm Mậu-tý,
Trong hạt Bắc-thành.
Hoàng-hoa-Thám tung hoành
Hạt Phủ-Yên hùng cứ.
Tuy không thành đại-sự,
Cũng đáng gọi anh-là.
Bọn thực-dân nôm-nớp gồm oai,
Viên Khâm-sai nho-nhoe bỏ-vía.
Lời nên thấm-thía,
Truyện chẳng sai-ngoa.
Hai mươi năm công-nghiệp Hoàng-Hoa,
Nghìn muôn thuở sử-xanh Hồng-Lạc.*



CẢNH I

Bày cảnh : một ngôi nhà gianh (tùy bài trí) mở màn lên, mấy người dân (đàn ông, đàn bà đương chào rồi rít thầy Lý rồi ra về) ; Lý Nho còn lại một mình.

Lý Nho bạch viết : (*Hát Bắc*)

Trải mấy xuân thu những sống thừa.
Ngắm mình mà thẹn với người xưa.
Mang danh hào lý, mỗi chung đình,
Cái kiếp chui luồn đã thấm chưa ?

Xưng danh :

Miền Lạng-giang sinh trưởng
Tôi tên gọi Lý Nho.
Cảnh đề-huê vợ mọn con thơ ;
Vì dân-xá đeo con mộc-triền.

Nói lời :

Đội ân cha mẹ,
Nhờ đức tổ tôn,
Cảnh yên vui vợ đẹp con khôn,
Đời no ấm nhà cao ruộng mất.
Cũng bởi nặng tình gia-thất,
Sui nên nhẹ nghĩa nước non.
Chí nam-nhi danh phận chưa tròn,
Lòng nghĩa-hiệp nợ-nần còn vướng.
Nay nghe vùng Cao thượng,
Mới có vị anh-hùng,
Đương dấy động binh-nhung,
Muốn thâu về giường mối.
Vậy ta phải tới,
Hiệp sức đua tài
Cho phỉ chí làm trai
Ngỗ phù dân giúp nước.
Đề tránh điều ràng buộc.
Đâu dám sự trùng trùng.
Cùng hiền thê mau hãy tỏ tình.

Đường Yên-thế kíp lo đời gót.

Vợ Lý Nho ra

Lý Nho — Ô này em !

Vợ — Dạ.

Lý Nho — Nay anh muốn tròn phận nam-nhi,
Lên Yên-thế đầu quân giúp nước.

Vợ — Nên lẽ phải nhẹ tình gia-thuộc,
Quên những lời chỉ biên thề non ?

Lý Nho — Chính anh dày lòng cũng héo-hon,
Nhưng khốn nỗi giang-sơn nghĩa trọng.

Vợ — Thôi từ nay canh tà một bóng,
Dạy, nuôi con, ruột rối tơ tằm.

Lý Nho — Xin em đừng gọi mối thương tâm,
Buộc lòng khách nam-nhi chí đoản.

Vợ — Em phận hèn, anh đành ngao-ngán,
Bỏ ra đi tìm mối sang giàu.

Lý Nho — Nghĩa tao-khang nào muốn xa nhau.
Nhưng nợ nước anh đành phải trả.

Vợ — Anh lo chi truyện đời thiên-hạ,
Cảnh nhục vinh đâu xứng mơ-màng.

Lý Nho — Chót trường sinh vào cõi Nam-bang,
Nước có việc, thất phu hữu trách.

Vợ — Nay em đã hết lời bực-bạch,
Anh không nghe thôi để em đành.

Lý Nho — Van em đừng đồ quấy cho anh
Và tạm biệt anh xin đời gót.

Lý Nho vào

Vợ (*tiến theo mấy bước*) — Anh ơi anh !
Nhìn theo anh hạt châu em thánh-thót,
Trông con mà cảm nỗi sầu đông.
Thôi ! Nín đi con, mẹ đỡ đau lòng
Nay mẹ đã nên người lỡ dở.

Vấn viết : (*Hát Nam*)

Mẹ đã nên người lỡ-dở,
Ai-oán này duyên có vì đâu ?

Thực dân mày hỡi mày !
Vì đâu đất thấm trời sâu ?
Núi xương, sông máu vì đâu hỡi mày ?

Màn buông xuống.

Lý Nho ra (ở phía ngoài màn) lưng đeo khăn gói, tay giắt ngựa.

Nói tất : Em ơi em !

Tình gia-thất nào ai chẳng có,
Vì nước non dứt bỏ tình nhà.
Anh ra đi lòng dạ xót-xa,
Mong con trẻ ăn chơi mau lớn.

Hát nam :

Con trẻ ăn chơi mau lớn,
Mới hay dành yên ổn lòng ta.
Vó câu ngàn dặm xông-pha,
Nay lên Yên-thế, mai ra chiến trường.

Lại nói :

Ghìm cương ngựa trông về chốn cũ,
Thấy bóng dâu ngăn-ngắt màu xanh.
Nhớ vợ hiền trong mái nhà gianh,
Lòng tưởng thấy nhưng đâu có thấy.

Hát nam :

Tưởng thấy nhưng đâu có thấy,
Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu.
Em ơi em !
Xin em rõ thấu lòng nhau,
Trước lo báo nước. sẽ sau vui nhà.

Lý-Nho vào

CẢNH II

Vẫn cảnh nhà gianh, thay đổi đi một chút. Thêm một cổng ở phía ngoài. Kéo màn lên, trong nhà bà mẹ Cả Đình đứng ngồi lẫn tràng hạt. Cả Đình ra, đứng lại trước cửa.

Cả Đình bạch viết (hát bắc)

Làm trai vốn sẵn chí ngang-tàng.
Chẳng lập gia đình, há tưởng sang.

Còn có nhà huyền vui tuổi hạc,
Đành luôn lần-quất mãi nơi làng.

Xưng danh :

Nổi cha ông vốn dòng hàn-sĩ,
Tôi Cả Dinh chuyên việc nông-tang.
Đoái chi mũ áo xênh-xang,
Ham vì nước non bầu-bạn.

Nói lời :

Mới đây nghe đồn-dại,
Còn chưa rõ giả chân :
Vùng Nhã-nam có bậc vĩ-nhân,
Khu Yên-thế hợp đoàn hào-kiệt.
Lá nghĩa-kỳ, nêu khí-tiết,
Đồn Bắc-vọng, tỏ uy-danh.
Tai mới nghe chưa rõ ngọn ngành,
Mắt muốn thấy hiện nhiên nền tảng.
Ví là thực-trạng,
Quyết phải tòng quân.
Nợ nước non đâu dám khất lần,
Thân nam-tử còn mang thẹn mãi.
Nhưng nghĩ đi còn ngẫm lại,
Mà tính trước phải toan sau.
Mẫu-thân ta sáu mấy tuổi đầu,
Con xa vắng lấy ai nương tựa.
Truyện nên nghiêng ngửa,
Lòng thật phân vân.
Ấu thử về dò ý mẫu-thân,
Xem người dạy ra sao sẽ liệu.

(Bước vào cửa nhưng còn chưa tiến lại chỗ mẹ)

Lão-mẫu Cả Dinh bạch viết : *(hát bắc)*

Sáu mươi lăm tuổi tưởng yên đời,
Nhưng cái thân già chưa thành-thời.
Đọc truyện bà Trưng lòng tủi hồ,
Mong con non nước phải tu bồi

Xưng danh :

Thần quê mùa lão-ầu,
Tôi sinh hạ cả Dinh.
Đạo thờ chồng hằng bữa đình-ninh,
Công dạy trẻ đến ngày khôn lớn.

Nói tới :

Không nghĩ đến thì thôi, nghĩ đến lúc nào tôi lại bực mình với thằng
Dinh nhà tôi :

Tuy con người hiếu-hạnh,
Nhưng bản tính ương-ngang.

Ừ ! người ta đổ dành nó mà nó không thêm danh-vọng thì thôi.

Đã không màng cảnh hưởng giàu sang,
Còn tôi muốn hỏi vợ cho nó, tại sao nó cứ chối từ bai-bải.
Lại chẳng tưởng mối duyên hương lửa.

Nay tôi nghe cụ Hoàng-hoa chiêu binh mãi mã, đánh đuổi quân thù. Phận
nó là trai nước Việt, nó còn trần-trụi chỉ nửa mà chẳng tới đầu quân.

Tại sao còn lẩn-lữa,
Hay chỉ muốn dong-dài.
Thật uổng phận làm trai,
Rất tủi lòng cho lão.

Cả Dinh (*tiến lại*) — Thưa mẹ.

Lão bà — Kìa con đã về.

Nói tới — Ô này con, mẹ có nghe :

Cụ Hoàng-hoa dựng cờ khởi nghĩa,
Con nên mau tới đó tòng quân.

Cả Dinh — Mẹ dạy con đâu dám chẳng tuân,
Nhưng còn mẹ, con đi sao tiện.

Lão bà — Thôi đi con, mưa đừng quyến-luyến,
Đừng đa mang nhi-nữ thường tình.

Cả Dinh — Ngấm công ơn cứu dục sinh thành,
Con chưa được chút chi đền báo.

Lão bà — Con phải biết làm con hiếu-thảo,
Tuổi thanh-niên nhẹ bước tang-hồng.

Cả-Dinh — Ai thay con ấp lạnh quạt nòng,

Nhà chỉ có một con, một mẹ.

Lão bà — Có lo chi ! mẹ còn sức khoẻ.

Giặc đến nhà còn đủ cự đương.

Cả Đình — Tuổi hạc lo nhiều nỗi phong sương,

Khi đau yếu lấy ai hầu hạ.

Lão bà — Mẹ muốn chi tuổi già vất vả,

Nhưng bé-bàng sánh mẹ Vương-Lăng.

Cả Đình — Mẹ nghĩ sâu. viên mãn ai bằng,

Truyện xưa khác, hồi nay lại khác.

Lão bà — Mày đừng có già mồm biện-bác,

Chó nhà Nam giữ đất nước Nam.

Mày ngu, mày ngốc, cho cam.

Thân kia bảy thước phận làm quốc-dân.

(Lão-bà tỏ vẻ giận dữ, chống gậy toan đi)

Cả Đình *(nín lại)*

Những lời giáo huấn xin tuân,

Cúi đầu lạy mẹ, con bước chân lên đường.

(Cả Đình vào còn lại Lão mẫu) đứng-dĩnh đi ra phía cửa.

Lão mẫu viết *(nói lối)* :

Con ta đã lên đường giúp nước,

Khiến lòng già cũng được yên vui.

Nhưng nỗi riêng sao khỏi ngậm-ngùi,

Thôi từ nay mẹ đành tựa cửa.

Văn viết . *(hát nam)*

Từ nay mẹ đành tựa cửa,

Sớm qua chiều lẫn-lữa bao khuây.

Mong con lập chí cho hay,

Cho đành lòng mẹ chân mây đợi chờ.

(Màn buông xuống)

Cả Đình ra phía ngoài màn.

Cả Đình viết : *(nói lối)*

Nghĩ đến cù-lao chín chữ,

Tuôn rơi châu lệ đôi dòng.

Gót giang-hồ dày gió mai giông.

Thân nam-tử đậm ngàn da ngựa.

Văn viết : (*Hát Nam*)

Nam-tử dặm ngàn da ngựa,

Gieo Thái-son nhẹ tựa hồng-mao.

Giã nhà đeo chiếc chiến-bào

Nhắm đường Yên-thế, tiến vào Nhã-nam.

Hựu viết : (*nói tốt*)

Đây đã gần đến Yên-thế rồi đây.

Văn viết : (*hát nam*)

Trông với cố-quận xa-xăm,

Mẹ ơi mẹ !

Tránh lòng nhớ mẹ con tâm bồi-hồi.

Chiến-tranh quyết phải châm ngòi,

Nguyện đem xương máu đền bồi áo cơm.

Cả Đình vào.

CẢNH III

Cảnh võ-trường ở đền Bác-Vọng. (tùy bài trí)

Cả Trọng (*ra*) **bạch viết :** (*hát bắc*)

Nhắc vạc nghìn cân, nhẹ.

Lên non bắt hồ, thường.

Hai tay hai súng bắn

Thiên-hạ thầy thua nhường.

Xưng danh :

Chiến tướng đệ nhất danh,

Ngã tiên-phong Trương Trọng.

Nàng Ba (*ra*) **bạch viết :** (*hát bắc*)

Phận gái theo chồng, chí hướng chung.

Tiếp tay đảm-nhiệm việc binh-nhung.

Xung phong cướp súng nào ai sánh ?

Lưỡi kiếm Nàng Ba giặc hải-hùng.

Xưng danh :

Đứng trong hàng nghĩa-sĩ,

Ngôi thứ-nhất Hoàng-hoa.

Tôi tục gọi Nàng Ba,

Linh Trung-quân thống-tướng.

Hoàng-hoa-Thám, Cả Dinh, Lý-Nho và 2 quân nhân cùng ra

Hoàng-Hoa *bạch viết (hát bắc)*

Vận nước, cơ trời, cuộc bề dâu.

Sốt thay nông-nối cối Thần châu

Biết cùng ai lái con thuyền mục ?

Lo nghĩ thâu đêm đã bạc đầu.

Xưng danh :

Miền Phủ-Yên tỵ nghĩa,

Tôi Minh - chủ Hoàng-hoa.

Quyết ra tay cứu vãn sơn-hà,

Tò lại cảnh nước non Hồng-Lạc

Ngâm viết :

Vì nước treo cờ mộ nghĩa-quân.

Dưới trăng mài mãi lưỡi gươm thần.

Quyết khiêng trái đất. xoay trời lại,

Cối Việt, nòi Nam, đã định phần.

Chư tướng đồng lên viết :

Muôn năm nước Việt-Nam bắt hủ !

Muôn năm Hoàng-hoa-Thám minh-chủ !

Hoàng-Hoa viết :

Ta đây muốn theo lẽ-lối cũ,

Trước thử tài sau sẽ dụng nhân.

Cả Dinh — Tôi cũng mong gặp hội phong-vân,

Lý Nho — Đề ôn tập chút nghề gươm súng.

Cả Trọng — Tài thiện sạ ai người xuất chúng ?

Nàng Ba — Thử so gươm ai khách siêu quần ?

Quân A — Chúng tôi dù ti-tiểu ba quân,

Quân B — Cùng tòng nguyện một phen tị thí.

Quân A — Nào bắn. Ai giỏi bắn trước đi.

Lý Nho (*cầm súng tực tiến ra*). — Có tôi

Ngâm :

Ngọn giáo non sông trải mấy thâu.

Ba quân tì hồ nuốt sao ngâu.

Công danh ví đề còn vương nợ,

Luống then tai nghe truyện Vũ-hầu (*ngắm bắn*)

Quân reo : Ô trứng rồi ! bắn thủng bia rồi ! giỏi lắm !
Cả Định (*cầm súng tiến ra*) — Giờ đến lượt tôi.

Ngâm :

Chương-dương cướp giáo giặc,
Hàm-tử bắt quân thù.
Thái bình nên gắng sức,
Non nước mãi nghìn thu.

(*ngắm, bắn ...*)

Quân reo : Lại bắn trúng nữa rồi ! (*vỗ tay*) Tài ! tài ! tài !
Cả Trọng (*cầm súng tiến ra*) — Tôi xin bắn

Ngâm :

Làm người trung nghĩa đáng bia son.
Đứng giữa càn-khôn tiếng chằng mòn.

(*bắn tay phải trúng rồi chuyển sang tay trái*)

Quân reo : — Bắn không ngắm mà trúng kìa, lạ không ! (*vỗ tay*)

Cả Trọng (*ngâm tiếp*) :

Ngắm truyện ngựa Hồ, chim Việt cũ,
Lòng đây thăm tưởng mắt như còn.

(*lại bắn tay trái cũng trúng*)

Quân reo : Bắn tay trái cũng trúng kìa ! Giỏi quá ! giỏi quá !

Nàng Ba (*cầm súng tiến ra*) — Tôi cũng xin thí

Ngâm :

Ta lên núi ! Ta lên núi !
Đuổi đàn hươu ! Đuổi đàn hươu !
Chị em năm ba mặt cũng râu rầu !
Ta lên núi ! Ta lên núi !
Đuổi đàn nai ! Đuổi đàn nai !
Nổi niềm tâm-sự thở cùng ai ?

(*bắn liền ba phát trúng*)

Quân reo : hoan-hô ! hoan-hô !

Nàng Ba (*ngâm tiếp*) :

Đoái trông phương đông : nước rộng mênh-mông !
Đoái trông phương tây : đá trắng gồ-gề !

Đoái trông phương nam : mây che đầu ngàn !

Đoái trông phương bắc : núi cao cao ngất !

(bắn rơi con chim bay qua)

Quan rêu : —Ồ bắn rơi con chim. Hoan-hô ! hoan-hô ! hoan-hô !

Quân A (gạt quân B) — Bây giờ đến lượt chúng mình (vác súng trường tiến ra)

Ngâm : — Con kiến mà leo cành đa,

Leo phải cành cộc leo ra leo vào.

(quì xuống ngắm)

Quân B ; — Bắn đi chứ ! Ngắm mãi !

Quân A (Ngâm tiếp) :

Con kiến mà leo cành đào,

Leo phải cành cộc leo vào leo ra.

(nhắm xuống bắn)

Quân B : — Không trúng rồi ! Đà đào !

Quân A : Mày giòi ra mà bắn.

Quân B : — Chứ lại lép (vác súng lên vai tiến ra)

— Một ! hai ! một ! (bồng súng chào, đoạn vác súng lên)

Ngâm :

Con kiến mà ở trong nhà,

Tao đóng cửa lại mà ra đằng nào ?

Con cá mà ở dưới ao,

Tao tát nước vào mà sống được chăng ?

(dơ súng bắn, mồm kêu : đoành ! đoành ! đoành !

Ồ súng tắc ! (tự vỗ vào ngực : Hoan hô ! hoan hô !

Quân A (đến kéo đi) — Thôi đi đừng có bô bô,

Nồi canh nhậu vờn bời đồ con sâu.

(tay dí vào trán bạn)

Hoàng-hoa-Thắm viết :

Thỏa lòng nguyện ước bấy lâu,

Ngắm xem tướng tá xúng câu anh tài.

Lý Nho — Xin cả quyết một mai tiến đánh !

Cả Dinh — Xin ban ngay quân lệnh hưng binh !

Cả Trọng — Xin rằng nay tới Bắc-ninh !

Nàng Ba — Xin cho mãi hạ Đông-kinh Bắc-hà !

Cả Trọng — Nguyễn lưu huyết không tha một mống !

Nàng Ba — Nguyễn sinh cầm không xồng một tên !

Quán — Dạ ! dạ ! cấp báo ! cấp báo !

Nàng Ba — Việc chi nói mau !

Quán — Dạ ! dạ ! có tướng Bô-ni-pha-si
(Bonifacy) với Lê-Hoan đem quân lại đánh.

Cả Dinh — Đầu Bô-ni nguyên bêu lên !

Lý Nho — Thân Lê-Hoan nguyên chém bên cạnh sườn.

Hoàng-Hoa — Nghe quân về trình báo luôn luôn,

Rằng Lê-tặc rất nên tàn-bạo.

Trẻ chẳng tha, già đều chém ráo,

Thương dân lành gặp hội đảo-diên

Tướng ! binh ! ta có lệnh truyền.

Nổi nhau xuất trận ! Chớ để yên quân thù (nghe)

Chư tướng đồng loạn viết :

Xin vâng theo tướng lệnh,

Thề bắt sống Lê-Hoan

Đánh đuổi quân cường-địch,

Âu ca khúc khải hoàn

Cả Dinh (hát tàu mã) :

Trước hàng trận, trống giục ba hồi, chồm ngựa lên lấy đầu thượng tướng.

Sau lũy tre, tay nâng một súng, luôn cò nầy phá đám cường-binh.

Lý Nho (hát tàu mã) :

Giữa làn tên đạn, giục ngựa xông-pha. thần kinh, quý khiếp

Trong cuộc lửa binh, vung gươm chém giết, đất chuyển trời long.

Cả Trọng (hát tàu mã) :

Một gươm, một ngựa, vạn quân khinh, kẻ ngáng gươm ta không thoát chết,

Hai súng hai tay, trăm phát trúng, người đương súng mỡ khó mong còn.

Nàng Ba (hát tàu mã)

Cờ bay rợp đất trống vang trời

Thấy bóng quân thù sục máu sôi

Vung kiếm quyết không tha một mống,

Ngựa về chén rượu vẫn còn hơi.

Hạ màn

(Kỳ sau sẽ tiếp)



THI VĂN THUẦN TÚY và BÀ THANH QUAN

PHẠM-XUÂN-ĐỘ

O' cả hai đầu thế giới, Đông và Tây, thức giả thường cùng nuôi một quan niệm về thi văn thuần túy. Thi nhân, theo ý nghĩa tuyệt đối của danh từ phải là một tâm hồn giàu tình cảm, rung động trước những biến chuyển của bốn phương không thể không sao cầm bút mà thốt nên lời. Đối với thi nhân câu thơ chỉ là một tiếng kêu vui tươi hay rên rỉ của con tim. Trong khi cảm hứng quá ư man mác, bao la, trong cơn « sốt rét » của tinh thần, thi nhân cần phải làm thơ, như con người cần phải hô hấp khí trời trong trời.

Thực ra, không phải cứ làm thơ mới là thi nhân. Kẻ viết văn xuôi, tự buông theo luồng cảm xúc của tâm hồn, mà thào ra những lời êm đẹp, tài tình, làm xao xuyến cả nhân tâm, như Chateaubriand, hay nhiều cây bút tể nhị của nước nhà trong thời kỳ cận đại, đều là những thi nhân !

Trái lại, gò gáp viết ra những câu thơ vô hồn, rỗng nghĩa, thời chỉ là những người theo thi thê, thi pháp. (1) chứ đâu có phải là thi nhân ! J. M. Guyau đã viết « Một ngày, tôi đang ngồi bàn giấy, thì người bạn gái của tôi tới hỏi, với một vẻ lo âu : Nét mặt sao mà buồn thế ? Có việc gì vậy ? Trời ơi, khóc đấy ư ? Hay là tại em đã làm phiền lòng ?

— Không, có bao giờ em làm anh phiền lòng đâu ! Anh khóc chỉ vì đã tự tưởng một tư tưởng vẩn vơ, và trừu tượng, tự tưởng về thể gian, về muôn vật, muôn loài. Trong vũ trụ, có biết bao cảnh khổ não, đáng cho ta hầu như vô có, mà không thể ngăn cầm giọt lệ ... » (2)

— (1) *Versificateur*

— (2) *Un jour que j'étais assis à ma table de travail, mon amie est venue à moi tout inquiète : « Quel front triste ! Qu'as-tu ? Des larmes, mon Dieu ! T'ai-je fait de la peine ?*

— Eh ! non, m'en fais-tu jamais ? Je pleure d'une pensée, tout simplement, oui, d'une pensée en l'air, abstraite, d'une pensée sur le monde, sur le sort des choses et des êtres. N'y a-t-il pas dans l'univers assez de misères, pour justifier une larme, qui semble naître de rien ?...

Trong mấy giòng này, Guyau tuy viết văn xuôi, nhưng đã tỏ ra là một thi sĩ. Tản Đà cũng là một thi-sĩ, khi viết ; « Ai ơi, chèo lên bức tường đồ, trông quăng đồng xa, mồ con mả lớn, chỗ nằm chỗ ba, trước cũng người cả, bây giờ đã ma. Nào quan, nào dân, nào trẻ, nào già, nào câu đối đỏ, nào mảnh mảnh hoa, nào dâu dậu cả, mà chỉ thấy sương mù, nắng dãi với mưa sa ? (1) . . »
Lời văn và ý nghĩ ấy chẳng kém gì câu :

**Tri giao quái ngã sầu đa mộng,
Thiên hạ hà nhân bất mộng chung ?**

(Nguyễn-Du)

mà nhà nho Ngô-thức-Địch đã tạm dịch :

Bạn cười ta cứ mơ màng.

Hỏi đời ai đã ngoài vòng say mơ ?

hay câu như sau của chính Tản-Đà :

Đờng không. con dóm lập lòe,

Khách trần, lối ấy đi về, những ai ?

Á-Nam Trần-tuấn-Khai cũng có ngọn bút thi-nhân, khi viết : « Hai vai thân thể, một gánh giang-sơn, cuộc văn-chương dẫu đến khi tàn, mà ngọn bút quan-hoài biết bao giờ cho ráo mực » . Âu-Tây đã gọi đó là những thi-sĩ văn xuôi. (2)

Thi-nhân thuần-túy, dù viết văn xuôi hay văn vần, đều có những cảm-súc mãnh-liệt hay tế-nhị trong những trường hợp, mà người thường có lẽ không thấy có gì là cảm động. Victor Hugo đã tự cho mình là một âm hưởng, ở giữa vũ-trụ bao la, để vang dội trước những cơn gió thoảng. Sully Prudhomme có cảm tưởng là trăm nghìn đường tơ vô hình, vô ảnh ràng buộc tâm hồn ông với tạo-vật. khiến ông chịu bao nỗi chua cay. Gần đây, Xuân-Diệu cũng đã viết :

Là thi sĩ nghĩa là ru với gió,

Mơ theo trăng và mơ vẫn cùng mây.

Đề linh hồn ràng buộc bởi muôn dây,

Hay chia sẻ bởi trăm tình yêu mến...

Thi-nhân không cần phải trải qua những cảnh ngộ đau thương mới thốt nên lời. Ta thấy những thi-sĩ nhỏ lệ vì một giọt sương sa, vài làn lá rụng, hay một châu châu rú rọ chết ở một góc vườn. (3)... Thi nhân cũng không

(1) — *Độc đoạn này ta không khỏi nhớ tới câu : Các lần tuyết cũ nay còn đâu ? (Où sont les neiges d'antan ?)*

(2) — Poètes en prose

(3) — José Maria de Hérédia. — La sauterelle.

cần phải gặp một phong cảnh đặc biệt, kỳ tú, mới tự thấy nguồn thơ lai láng. Tạo-vật thường chỉ là một bối cảnh, một chiếc « phông » để đóng khung một tính tình hay tư tưởng..

Nay ta thử lược khảo các thi văn của bà Thanh Quan rồi căn cứ vào đó mà xét xem bà có thể xếp vào hạng các thi-nhân thuần-túy được chăng.

o o o

Bà chính tên là gì, đến nay cũng chưa có diên tích nào nói rõ. Người ta chỉ biết bà là ái-nữ của một vị tước nhỏ họ Dương. Bà sinh tại làng Nghi-Tâm, huyện Thọ-Xương (nay là huyện Hoàn Long), tỉnh Hà-Đông, Bắc-Việt. Bà đã kết duyên với ông Lưu Nghi (1) người làng Nguyệt-Áng, huyện Thanh-trì, tỉnh Hà-đông, đỗ cử-nhân khoa Tân-tý, năm Minh-mệnh thứ hai (1821) và làm Tri huyện Thanh-Quan (nay gọi là phủ Thái ninh, tỉnh Thái bình). Vì vậy, nữ-sĩ thường được gọi là bà Huyện Thanh-quan hay bà Thanh-Quan.

Tục truyền, có lần ông Huyện đi kinh lý vắng, một thiếu phụ là Nguyễn-thị Đào, đến công đường nộp đơn kiện chồng tình phụ, và thỉnh cầu được ly dị. Thương tình một bạn gái còn trẻ trung, mà lỡ dở, nữ thi sĩ, buông theo lòng trắc ẩn, đã lãng quên cả luật pháp, cầm bút phê vào lá đơn :

« *Phó cho con Nguyễn thị Đào,*

« *Nước trong leo lẻo cầm sào đợi ai ?*

« *Chữ rằng : xuân bất tái lai.*

« *Hãy về kiếm chút chẳng mai nữa già. »*

Rồi vì thế mà ông Huyện đã bị quan trên quở phạt. Song, sự thực thì ông Lưu Nghi, chẳng bao lâu, đã thăng thuyền vào Bộ hình, giữ chức Lang trung. Chính bà Thanh - Quan, vì nổi tiếng là hay chữ, cũng đã được vua Tự-Đức vời vào kinh, làm « Cung trung giáo tập ». Tương truyền nhà vua đã khen ngợi tài đức của bà, và có lần đã ban cho bà đề thơ vào một chiếc chén cò, có vẽ hình sông núi. Bà đã ứng khẩu :

« *In như thảo mộc trời Nam lại,*

« *Đem cả sơn hà đất Bắc sang »*

Về tác phẩm bằng chữ nôm của bà thì người đời sau chỉ còn giữ lại được có sáu bài Đường luật : Thăng-long thành hoài cò, Chùa Trấn-bắc, Qua Đèo Ngang, Cảnh Thu, và hai bài Chiều hôm nhớ nhà. Riêng bài Chùa Trấn-bắc

(1) Tiểu tự là Lưu nguyên - Uẩn

có người ngờ rằng tác giả là Hồ xuân Hương, nhưng xét ra ý và lời đều phù hợp với giọng điệu của bà.

oOo

Tuy chỉ có vắn vắn sáu bài, ta cũng thấy thi văn của bà rồi rào, man mác, phản ánh ba nguồn cảm hứng rõ rệt, ba dòng tư tưởng thanh tao, mà không kém phần mãnh liệt :

- 1.— Tiếc thương quá khứ, tức là phần quan hệ nhất
- 2.— Thân mến gia đình.
- 3.— Cảm súc trước tạo vật.

I. — Tiếc thương quá khứ :

Bà sinh sống vào buổi Lê mạt — Nguyễn sơ, trong khi giang sơn còn nhuộm màu tang tóc. Nguyên về tiền bán thế kỷ thứ XIX, dưới đời Gia Long, tình trạng xã hội vẫn tương tự như dưới thời Lê mạt. Sau hơn hai trăm năm phân tranh, lại đến sự uơu hèn của Lê Chiêu Thống, và cuộc chinh chiến giữa nhà Tây Sơn và nhà Nguyễn. Trải bao nhiêu loạn ly, tân khổ, nhân dân đã sa vào cảnh lầm than, thiếu thốn. Còn sĩ phu thời đều chịu ít nhiều ảnh hưởng của « tâm sự di thần ». Ta nên nhớ rằng : với công nghiệp dựng nước của Thái tổ, và tài đức của Thánh tôn, nhà Lê đã có lúc thu phục được nhân tâm, đến nỗi về sau, nhà Mạc có cướp ngôi cũng không giữ được lâu, họ Trịnh có chuyên quyền, cũng không dám lật đổ vua Lê và Chiêu Thống có hèn nhất, cũng còn có người khóc :

*Bề Bắc, chín lần rồng lần bóng
Non Nam, một đỉnh hạc về trưa
Tưởng câu năm nọ như ngày nọ,
Nghĩ đến bao giờ khóc bấy giờ.*

(*Một di thần khóc linh cữu Chiêu Thống*)

Vả chăng, kẻ trí thức thời đó, vì chịu ảnh hưởng của Trung-Quốc nên có quan-niệm sai lầm về quê hương, xứ sở và còn cho trung-quân là ái-quốc. Thực ra, giang-sơn không thể thuộc quyền sở hữu của một họ hay của một cá nhân. Nếu non sông thịnh đạt, thì một triều-dại hay một con người thay đổi, đều chẳng có gì là đáng quan tâm.

Bà Thanh Quan cũng như văn hào Nguyễn Du không khỏi bận lòng về những điều trông thấy, vì những nỗi tang thương của thời-cực. Nhưng có một đặc điểm đáng

cho ta chú ý, là Bà không thể tỏ nỗi hoài - bão nhà Lê, vì Bà là phận nữ lưu, chẳng phải là một cựu-thần. Bà chỉ thương tiếc những ngày thịnh đạt của non sông, và nhỏ lệ trước những cảnh điêu tàn của xứ sở khi than thở :

Nhớ nước đau lòng con quốc quốc

Bà đã tưởng nhớ tới thời - kỳ mà nước còn thịnh đạt, chứ thực ra giang sơn vẫn còn kia. Ta hãy nghe :

QUA ĐÈO NGANG

Qua cảnh đèo ngang bóng xế tà,

Cỏ cây chen đá, lá chen hoa.

Lom khom dưới núi, tiều vài chú,

Lác đác bên sông, rợ mấy nhà.

Nhớ nước đau lòng con quốc quốc,

Thương nhà mỏi miệng cái gia gia,

Dừng chân đứng lại, trời, non, nước,

Một mảnh tình riêng, ta với ta.

Ta cần thêm rằng : từ trước tới nay, phần nhiều các sách đều ghi chép « Lác đác bên sông chợ mấy nhà » song ta nhận thấy :

— Bà Thanh-Quan là một ngọn bút vô cùng điêu luyện, có đâu lại dùng cái « chợ » đối với chú « tiều », một cảnh vật đối với một con người.

— « Tiều vài chú » không thể đối với « chợ mấy nhà » vì ta nói vài chú tiều, chứ không hề nói : mấy nhà chợ.

— Chợ thì tất nhiên phải có nhiều nhà, sao lại chỉ có một vài chiếc.

— Hơn nữa, nguyên một tiếng « chợ » với hình ảnh một số đông người tấp nập mua bán cũng đánh tan cả nỗi tiều-sơ của phong cảnh, và mới thương tiếc man mác trong bài thơ. Dùng chữ như thế có khác gì gây một đường tơ lạc điệu giữa một cuộc hòa-âm thánh thót, hay xóa nhòa một bức cổ họa tài tình của đời Tống hay đời Đường.

Nhân đó, có nhà Nho cho rằng : thực ra bà Thanh-Quan đã dùng « chữ » (渚) để chỏ rằng nơi ấy có mấy nhà ngư-ông. Song xét ra chữ « chữ » chỉ có nghĩa là bãi sông, như Chữ Đồng Tử là một cậu bé ở bãi sông, chứ không có nghĩa là người câu cá, dù là một ý nghĩa suy rộng ra. Và chẳng dùng chữ « chữ » thì câu thơ :

Lác đác bên sông chữ mấy nhà

Có vẻ gò ép kém phần tự nhiên.

Trái lại nhiều thi-gia tin rằng. Bà Thanh Quan đã dùng chữ « rợ » nhưng vì tạm sao thật bản, nên người sau mới chép lầm ra chữ « chợ ». Tuy chưa có

bằng cứ chắc chắn, nhưng ta có thể tin được giả thuyết này là đúng, vì « rợ » đối với « tiều », người đối với người, xem ra rất chính mà không có gì là khó đọc. Lại nữa, các thổ dân, đã ở ven sông, thì tất phải làm nghề chài lưới; vậy tiếng « rợ » ở đây có ngụ ý là người đánh cá, thật đối chọi với tiếng tiều, theo quan-niệm Á-Đông về bốn nghề : ngư, tiều, canh, độc bốn công việc được luôn luôn mô tả trên các bức họa hay trong các bài thơ cổ. Sau hết, tiếng « rợ » kêu gọi ý nghĩ về cảnh sơn-lâm hiu-quạnh, rừng núi bao la, thỉnh thoảng mới thấp thoáng hiện ra một bóng thổ - dân, những cảnh buồn tẻ, rất hợp với lòng hoài-cổ của người trong cuộc. Ta thử đọc :

Lom khom dưới núi, tiều vài chú

Lác đác bên sông, rợ mấy nhà.

thì thấy hai câu thơ thêm hẳn vẻ tiêu tao, thánh thót, đúng giọng điệu của nữ-sĩ biết chừng nào. Tôi thêm rằng : tiếng rợ, về thời bà Thanh Quan tức là trong bài thơ này, không có ý gì khinh rẻ...

Về hai câu luận, cũng đã có người chê là bà Thanh Quan cố gò ép, đến nỗi gọi chim cuốc là con quốc quốc, và chim đa đa là cái gia gia. Song ta nên nhớ Đường thi đã có những câu :

Đỗ vú than đầu minh quốc quốc

Giá cô giang thượng khiêu gia gia.

(Đầu ghềnh chim cuốc kêu quốc quốc, trên sông gà gô gọi gia gia, và :

Dạ thính đỗ quyền minh quốc quốc

Nhật văn cô điều hoán gia gia

(Đêm nghe chim cuốc kêu quốc quốc, ngày thấy gà gô gọi gia gia

Ngay ở nước ta, một di, thần nhà Lê, Trần-danh-An, cũng đã viết những câu vô cùng cảm khái : « Giá cô minh gia gia, Đỗ quyền minh quốc quốc, Vì cầm thượng hữu « quốc » « gia » thanh, Cô thần đối thử tình nan cực » (Gà gô kêu gia gia, chim cuốc kêu quốc quốc. Kẻ bày tôi lạc loài, đối với tình sự ấy, đau lòng khôn xiết).

Như vậy, dám chắc nữ-sĩ đã chịu ảnh-hưởng của các câu kệ trên, mà rong khi hạ bút viết : « con quốc quốc » và « cái gia gia » đã ngụ ý muốn nói : con chim kêu quốc quốc, cái đa đa kêu gia gia. Hiểu như thế, thiết tưởng ta chẳng nên quá ư khó khăn, mà chê là cố sự gò ép.

Đó là lời, còn ý thì mãnh tình riêng của nữ sĩ là lòng thương tiếc

đi vắng, nỗi nhớ nhưng thời oanh liệt của non sông, thủa trước : những tâm trạng ấy không thể bộc lộ nên lời, vì bà sinh sống dưới chế - độ quân - chủ, thiếu hẳn quyền tự-do ngôn-luận, nên chỉ ôm ấp một mảnh tình riêng, ta với ta, chứ đâu dám nói ra đề động chạm tới nhà cầm quyền họ Nguyễn.

Phải chăng vì vậy mà khi dạo cảnh Thăng Long thấy lối xưa, nên cũ bà cũng ngậm ngùi than thở :

Thăng Long thành hoài cổ

Tạo hóa gây chi cuộc hí-trường !

Đến nay thấm thoát mấy tình sương.

Lối xưa xe ngựa hồn thu-thảo

Ngõ cũ lâu đài bóng tịch-dương.

Đá vẫn trơ gan cùng tuế-nguyệt,

Nước còn trau mắt với tang thương.

Nghìn năm gương cũ soi kìm cò,

Cảnh đây người đây luống đoạn-trường.

Mối quan-hoài tràn ngập cả tâm can, đến nỗi bà, nhớ tiếc cả thời vua Lê chúa Trịnh, một thời mà triều Lê bắt đầu xuống dốc, nhưng vẫn còn có những ngày tung bừng. rộn rịp, những ngày mà vua chúa cùng tới vãng cảnh chùa Trấn bắc, giữa một nơi đầy màu sắc và hương thơm :

Trấn Bắc hành cung cỏ dãi dầu,

Khách đi qua đó chạnh niềm đau.

Mấy tòa sen rót mùi hương ngự,

Năm thức mây phong nếp áo châu.

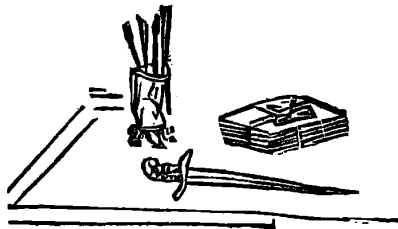
Sóng lớp phế hưng coi đã rộ,

Chuông hồi kìm cò lắng càng mau.

Người xưa cảnh cũ nào đâu tá ?

Khéo ngăn ngo thay lũ trọc đầu !

(Kỳ sau đăng tiếp)



Những tục lệ kỳ lạ về ngày Tết của người Mường

ANH NGUYỄN

N GÀY Tết của người Mường có những tục lệ kỳ lạ. Tết của người Mường (Thết hay Sết lại còn có một một đặc tính cổ truyền và vô cùng thiêng liêng. Ngay từ cuối năm, người Mường đã sửa soạn cái Tết một cách trọng thể như cọ nhà cửa và các đồ vật, đánh bóng đồ đồng trên bàn thờ, giặt quần áo, nấu bánh vằn . . . vằn . . . Sự tắm rửa vào ngày cuối năm không phải là một lệ thường về sạch sẽ mà là một sự tẩy uế cần thiết trước khi bước sang năm mới. Vào ngày giáp Tết, những gia đình sung túc Mường thường mời thầy « thương » (như thầy cúng dưới ta) tới đề cầu cho linh hồn những người quá cố được siêu sinh tịnh độ ; gia đình túng thiếu không có tiền nhiều chỉ có lễ vật thường thôi. Ngoài lễ cúng những người đã khuất còn có một lễ nữa gọi là « wai hộp » (có nghĩa là hộp vía) vì theo sự tin dị đoan của người Mường, vào dịp cuối năm, người ta cần có đủ vía mới khỏe mạnh trong mấy ngày Tết.

Người Mường ăn Tết theo âm lịch nhưng không phải với người Mường nào cũng có một niên lịch như nhau. Có điều lạ là ở nhiều nơi như vùng Sơn Tây, người ta ăn Tết vào ngày 30 tháng chạp.

Người Tày và Việt ăn Tết từ giao - thừa đêm 30 tháng chạp âm lịch cho đến hết ngày mùng 3 tháng giêng (theo lệ xưa, người dân ở miền quê còn ăn Tết cho hết ngày hạ nêu mà ta vẫn thường gọi là khai hạ). Người Mường ăn Tết dài hơn. Các thổ lang thường bắt đầu, ăn Tết vào 30 tháng chạp sau đó các thổ tạo mới bắt đầu ăn Tết có khi chậm tới 6 ngày nghĩa là ăn Tết đúng vào mùng 6 tháng giêng. Trong trường hợp này, họ cố ăn Tết nhanh một chút để còn kịp dự hội của làng (tiếng Mường là « Thết lang ». Hội này rất trọng thể, các giai cấp Mường hội họp với nhau trong bầu không khí ấm cúng.

Với dân Mường, tổ tiên của thổ lang là tổ tiên của toàn dân nên ai nấy đều phải thờ cúng. Đó là một điểm khác với sự thờ cúng của người Việt trong mấy

ngày Tết vì theo sự tín ngưỡng của ta, trong 3 ngày Tết linh hồn những kẻ đã khuất trở về nhà hưởng lễ vật nên gia đình nào cũng lập bàn thờ và đến ngày mồng ba có tục hóa vàng để tiễn chân ông bà, ông vải. Người Mường thì khác hẳn, theo họ linh hồn người quá cố chỉ ăn Tết với con cháu trong nhà một ngày một đêm. Các lễ vật sắp sẵn đầy đủ thì tổ tiên mới về chứng giám, vì lẽ đó nên người Mường rất thận trọng trong sự cúng lễ tổ tiên.

Người Mường cũng theo lệ của người Việt là tin tưởng vào sự xem giò (chân gà đã luộc chín) ngày đầu năm để biết điềm tốt xấu cùng sự làm ăn thế nào ? Ngoài ra họ cũng trồng cây nêu như ta. Trước mỗi lối vào cửa từng nhà, họ trồng những thân cây sậy gọi là « piêu » (tiếng Việt gọi là nêu). Sự mê tín này căn cứ vào chuyện khi xưa Phật bảo dân chúng đánh dấu đất cát của mình bằng những thân tre có mang một vài vật ở trên ngọn (wa lèo) khiến quỷ không dám đến nhận đất nữa. Cây nêu ở các nhà Mường khác hẳn cây nêu của người Việt là trên có treo cờ hay miếng vải có chữ chứ không có những chùm khánh đất khi gió thổi chạm vào nhau tạo thành những tiếng vui tai.

Trước Tết vài ngày, những gia đình mường quý - phải giết một con vật lớn để cúng tổ tiên. Tại vùng Mường Bi, con vật cúng tổ tiên có thể là con vật săn bắn được nhưng thường thường người Mường làm thêm con lợn hoặc con trâu hay một số gà vịt thêm vào con vật săn được nếu con vật này nhỏ quá. Trong mấy ngày Tết những gia đình thờ lang, thờ tao hay những người giàu có làm 7 thứ bánh như bánh giò (penh yô), bánh giáo (penh yao), chè lam (che lam), bánh uôi (penh wê), bánh gai (penh kai), bánh chay (penh chai), bánh chưng (penh pang).

Những thứ bánh này thường gói lá và luộc trong những nồi lớn ninh hàng giờ. Ngày Tết đến nhà Mường nào cũng được dùng bánh, lạ lùng hơn thì chủ cả là khi ăn bánh giáo thì chủ nhà Mường kèm những đĩa đựng vùng, muối, mật để chấm thứ bánh này tùy ý thích của khách dùng thế nào cũng được. Tại những làng Mường, đàn bà phải giã bột, pha bột để làm bánh trong những ngày cuối năm và đảm nhiệm cả việc luộc bánh nữa.

Ngay từ chiều ngày 30 tháng chạp âm lịch, tiếng cồng và trống lớn ở nhà quan Lang vang động tiếp theo là 3 tiếng súng bắn chỉ thiên báo cho dân biết một năm sắp hết, Ở châu Lương Sơn thuộc Hòa Bình (Bắc Việt) trong ngày Tết cấm không được đánh trống và cồng trái lại ở hầu hết những nơi khác thì tiếng cồng và trống không lúc nào ngớt trong ngày

cưỡi năm. Sau khi nghe thấy tiếng cồng hay tiếng trống, dân chúng phải mau mau sửa soạn đến tụ tập tại nhà quan Lang hay Thờ Lang. Bánh đã luộc xong được bóc đặt trên bàn thờ cùng những lễ vật la liệt và giờ hành lễ bắt đầu. Ba tiếng súng nổ vang, thầy « tưng » bắt đầu đọc những bài cúng mời tổ tiên về chứng giám lễ bực, tiếng cồng tiếng trống cứ từng 15 phút một lại vang động. Thầy « tưng » sau khi hành lễ xong dùng hai miếng tre xin âm dương và nếu thấy có dấu báo tổ tiên đã về hưởng đồ cúng, đàn ông đàn bà sì sụp lễ, pháo nổ ran, đoàn người nào về nhà người nấy.

Sáng ngày hôm sau, chừng 8 giờ, những bậc đàn anh trong làng sau khi ăn uống ở nhà rồi phải mang đến nhà Thờ lang một hũ rượu. Người nào đã đem rượu đến từ hồi đêm có thể đến chậm được. Sau khi ăn bánh uống rượu no say, toàn thể dân làng theo quan Lang tới nhà thờ, đàn ông đàn bà quỳ lạy trước bàn thờ nhà Lang theo tiếng tụng niệm đều đều của thầy « tưng ». Chiều hôm đó lại bắn 3 tiếng súng báo linh hồn tổ tiên đã về cõi âm và cuộc dâng lễ vật cho thần núi, thần đất, thần thành hoàng mới bắt đầu.

Trong suốt một tuần, dân Mường ăn uống no say, người nọ đến thăm người kia cho đến ngày thứ bảy tức là ngày « Thết lang » hay ngày cuối cùng của Tết. Ngay từ rạng đông ngày « Thết lang », tiếng trống ở đình cho dân biết cuộc lễ đã bắt đầu. Đêm hôm trước, nhà quan Lang phải sửa soạn làm bánh gai còn những thương dân phải nấu chín cơm rau để khi nghe thấy trống đánh phải bày lên mâm, mang ra căn nhà công cộng như đình ở dưới ta. Những mâm này thường thường có cơm, rượu, thịt lợn (heo) cá kho hay cá đã luộc chín gói trong lá cây, nếu có trứng, khi sửa soạn đặt vào mâm đem cúng, vỏ phải vẽ màu hoặc nâu, xanh nhạt hay xanh thắm cùng với những thức khác như chim, cua đồng, tôm vằn vằn ... tùy theo gia đình giàu hay nghèo.

Sự cúng lễ Thành Hoàng trong ngày « Thết lang » do thầy « tưng » đảm nhận. Sau những lời cầu khấn như xin Thành Hoàng phù hộ cho dân, trống được nổi lên, khi xin được âm dương rồi, quan Lang lễ trước bàn thờ tiếp theo là dân chúng đàn ông lẫn đàn bà. Lễ tất, quan Lang xem các mâm cỗ ban thưởng rồi ra về. Tại nhiều vùng khác khi quan Lang về rồi, toàn thể dân chúng ở lại dự những buổi hòa nhạc mà nhạc khí chỉ là kèn, trống thô sơ. Trong lễ nói trên, quan lang phải dâng cúng một con gà trống đẻ sau buổi lễ thầy « tưng » lấy hai chiếc chân gà xem vận hạn xấu tốt thế nào. Lễ « Thết lang » kết thúc bằng cuộc thi bắn nỏ. Người bắn trúng nhiều sẽ đoạt giải thưởng gồm có

một món tiền kèm theo là một tặng phẩm của quan Lang. Nhiều hồi trống lại được vang lên báo lễ « Thết lang » đã chấm dứt. Dân chúng trở lại cuộc sống bình thản của họ.

Cùng với ngày Tết, dân Mường có một lễ rất đơn giản nhưng không kém phần ý nghĩa đó là lễ hạ điền. Ở châu Tân-hóa tỉnh Thanh hóa. ngày mùng 5 tháng giêng âm lịch hàng năm được coi là ngày tốt hơn cả. Mỗi gia đình mang một cái cây đề cày luống đầu tiên trong năm mới và họ tin rằng nhờ đó sẽ được mùa màng tốt đẹp, sức khỏe và thịnh vượng. Người Mường gọi lễ hạ điền này là lễ « lók bua lók cua » (lấy lộc vua, lộc chúa) nhưng vua của họ đây là « Bua tời » đáng cao cả vô cùng thiêng liêng của dân Mường.

oOo

Tết của người Mường có lẽ không khác Tết của những bộ lạc Việt thời xưa và do đó các nhà nhân chủng học cho rằng dân tộc Việt Nam có thể gốc tích ở những giống Mường với ngôn ngữ dần dần thay đổi. Cây nêu, bánh chưng là những thi vị riêng của Tết Mường cũng như Tết người Việt. Mùa xuân, mùa của nhựa mới tràn trề trên những búp lá non với người Mường là mùa của hy vọng một năm mới sẽ mang lại cho họ hạnh phúc và thịnh vượng. Những bữa ăn tổ chức liên miên hàng tuần, những cuộc viếng thăm nhà này sang nhà khác, những bình rượu thơm ngát uống với hương xuân đó là những điểm đặc biệt của Tết Mường.



AI LÀ TÁC-GIẢ

Câu « Phất phơ cảnh trúc la đà » ?

DƯƠNG-THIỆU-CƯƠNG

Từ trước tới giờ, tôi nhận thấy có nhiều người hoặc đã viết lên báo chương hoặc đã ngâm đọc sai lầm câu này và cũng không biết tác giả là ai.

Người ta thường viết ra là :

« Phất phơ cảnh trúc la đà.

Tiếng chuông Thiên-mụ canh gà Thọ-xương.

Mặt-mùng khổi tỏa ngàn sương,

Dịp cầu An-Thái, mặt gương Tây-Hồ »

Và cho là câu tức cảnh xứ Huế. Hiều như vậy là lầm, vì ở Huế làm gì có An-Thái và Tây-Hồ. Cái lầm đó có lẽ do hai tiếng Thiên-mụ mà có người nhân lúc cao hứng ở nơi sông Hương núi Ngự đã thay cho Trấn-Vô đề ngâm-ngã trong lúc đối cảnh sinh tình. Vì thế mà câu đó thành ra sai lạc đi, không còn đúng với nguyên văn nữa.

Nguyên bài này là bài « Hà thành tức cảnh » nguyên văn như sau :

Hà - thành tức cảnh

Phất phơ cảnh trúc la đà,

Tiếng chuông Trấn-Vô canh gà Thọ-xương.

Mặt-mùng khổi tỏa ngàn sương,

Dịp chày An-Thái, mặt gương Tây-Hồ.

Trấn-Vô là đền Trấn-Vô hay đền Quan-Thánh ngoài Hà nội. Huyện Thọ xương xưa kia cũng ở gần Hà-nội, An-Thái tức là làng Bưởi. Nhưng tại sao lại « dịp chày An-Thái » ? Nguyên An-Thái là một làng chuyên làm giấy bản và giấy moi. Người dân làng ngày ngày dùng chày đập vào cây dó đặt trong cối đá để lấy bột làm giấy ; tiếng động phát ra huỳnh-huých. Hồi xưa, ai đã có dịp qua thăm làng

Bước hẳn biết rõ. Còn Tây-Hồ thì tức là Hồ-Tây ở ngay trước mặt đền Trấn Võ.

Bài « Hà-thành tức cảnh » này là của cụ Nghè Dương Khuê, tự Vân-Trì, người làng Vân-dinh, tổng Phương-bình, huyện Sơn-lăng, phủ Ứng-hòa, tỉnh Hà-dông, ngoài Bắc-Việt. Cụ đỗ Tiến-sĩ khoa Mậu-thìn đã từng giữ chức Tổng-đốc Nam-dịnh dưới Triều Tự-đức. Cụ cùng với em ruột là cụ Dương-Lâm, đỗ Thủ-khoa, chẳng những nổi tiếng về Hán-học mà văn thơ, quốc-âm càng được người đời truyền tụng. Những nhà văn-học đất Bắc không ai là không biết tiếng cụ. Về Việt-văn cụ sở trường nhất về lối văn hát ả-đào. Chúng tôi sẽ in sao lục những bài chưa được mấy người biết đề lần lượt công hiến các bạn làng văn.

Lấy tư cách là cháu gọi cụ bằng ông nội, tôi xin đính chính bài « Hà thành tức cảnh » cho đúng với nguyên-văn.



Tôi tha thiết kêu gọi toàn thể đồng-bào bất cứ ở nơi nào, hãy kết hợp chặt-chẽ cùng nhau trong ý chí cũng như trong hành động để phụng sự Tổ-quốc, kiến thiết quốc - gia.

Trích trong bản hiệu triệu Đồng bào hải ngoại của Ngô-Tổng-Thống nhân dịp Tết Ất Mùi (1955)

ĐÊM TRÙ' TỊCH

NGUYỄN-VĂN-KHOAN

NHỚ tới lại một đêm ngày gần cuối năm 1946 khói lửa tung bùng, tiếng đạn nổ vang. Cổ đô Thăng-long như một ngày đại hội, diễn một màn kịch bi hùng tráng của dân tộc Việt.

Đêm ấy, đêm 19 tháng Chạp, khắp hang cùng ngõ hẻm, già trẻ, gái trai thi nhau mang bầu nhiệt huyết tô lại non sông. Trong cảnh máu xương rơi bời, Hòa như bị một sức vô hình thúc đẩy, hăng hái lẫn lộn vào vòng chiến, không chút đắn đo, do dự. Mỗi một tiếng hô « Xung phong ! Tiến » của người chỉ huy, Hòa hình như bị một luồng điện giật, vươn hẳn người lên. Cả thể xác lẫn tâm hồn anh cố nhào để mau thoát khỏi nơi tối tăm, nơi mà bao năm bị kìm hãm bằng một sợi xích vô hình. « Tiến ! Tiến ! » tiếng sấm vẫn nổ đều, bao nhiêu những người đi trước anh đã ngã, họ không chết đâu, vong linh họ kết quanh hồn nước thành một vòng linh khí bất diệt, một tinh thần quật cường anh dũng của toàn dân Việt.

Hòa không dám có cái cao vọng gây được những công nghiệp oai hùng như của bao vị liệt sĩ còn ghi trên lịch sử. Trong thâm tâm Hòa, từ khi cảm thấy cái nhục vong quốc, vẫn luôn luôn cố gắng theo gương của tiền nhân. Ông Hòa còn gửi năm xương tàn trên Côn - đảo, cha Hòa sống một cuộc đời âm thầm lẫn lút vì phạm vào trọng tội : tội yêu nước. Đến Hòa giòng dõi của một gia đình cách mạng họ Trần, Hòa tự nguyện đối với người sống cũng như đối với anh linh của người đã khuất, Hòa sẽ tranh đấu không ngừng để trả thù nhà, đền nợ nước.

Tiến ! Tiến ! dân tộc Việt say sưa tiến. Luồng trái phá xé toang màn đêm, soi đường cho dân Việt tìm đất sống. Đất chuyển, thành nghiêng như cùng cố rũ sạch muôn điều uất hận. Lửa ngàn ngục cháy như muốn tiêu tan hết vết tích của một thời hắc ám.

Theo còi lệnh của anh chỉ huy, Hòa cùng mấy bạn đồng đội sống sót rút xuống bãi Phúc Xá. Tuy gần suốt đêm chống với Tử thần, tuy không

còn lấy một viên đạn, anh nào nấy vẫn thích xung phong đánh giáp lá cà bằng đoản kiếm và dao găm.

Phía Đông bừng sáng, gió hiu hiu thổi làm vẩn đục cả một bầu trời đầy sát khí. Ngoài những tiếng trái pháo, đại bác, những tràng đạn liên thanh rào rào xuyên qua những bờ tre, bụi rười rức tỉnh hồn tử sĩ, không một tiếng động nào khác. Mỗi khi ngớt tiếng đạn, cảnh vật im lìm, lạnh ngắt, đắm đuối trong ánh sương mờ. Sự lặng lẽ làm cho Hòa và bạn đồng đội cảm thấy mạch máu nóng rộn ràng dồn về quả tim và như muốn tràn ra để nhuộm cho thủ đô Thăng Long một màu tươi thắm.

Bọn Hòa là một nhóm thanh niên không óc đảng phái. Họ đặt tổ quốc trên hết vì sự sống còn của dân tộc, họ tận tụy tranh đấu, biểu lộ cái tinh thần quật cường, cái năng lực phi thường về đủ mọi phương diện để cho mọi dân tộc văn minh trên thế giới biết trên giải đất chữ S ở miền Nam châu Á có giống người Việt Nam. Trên bốn ngàn năm lịch sử, dân Việt Nam qua bao nhiêu phen thịnh suy, hưng vong vẫn giữ được cốt cách của một quốc gia đủ điều kiện, đủ năng lực góp phần vào những công cuộc bành trướng, hữu ích cho nhân loại.

Tất cả anh em trong bọn Hòa không ở trong mặt trận, không ở một tổ chức cứu quốc nào. Họ là những anh tự vệ, những tên dân quân tự kiếm lấy phương tiện tranh đấu để bảo vệ đời sống, tránh mọi sự đàn áp vô lý, tàn ác của sức mạnh.

Một bọn người cùng tâm tính, sát cánh nhau trong nguy nan, nâng đỡ nhau, an ủi nhau, khích lệ nhau, họ cố kết yêu thương nhau hơn tình ruột thịt.

Từ bữa đêm hôm tác chiến Hòa, Thái và anh chỉ huy Tiến đều không rõ gia đình lạc lõng nơi đâu. Cái cảnh nhà tan, đất nước bị đầy xéo làm cho lòng các anh tê tái. Các anh ngơ ngác nhìn những nhịp cầu Long Biên, nhìn dãy phố vắng tanh không bóng người. Lòng xao xuyến chẳng khác chi đàn chim mất tổ lạc lõng trong làn gió lạnh. Chỉ có một đêm mà gia đình tan tác, thân thể chơi vơi như chiếc lá lìa cành cuốn theo gió lốc. Hòa, Thái, Tiến cũng trong một cảnh ngộ, cùng chung một tâm trạng đang yên lặng thả mảnh hồn theo nguồn tư tưởng mông lung, bất ngát. Bỗng có tiếng hát trong trẻo vang dội lên giữa cảnh hoang tàn làm cho bộ ba Hòa, Thái, Tiến hết mơ màng, nghiền cổ hướng theo về phía có tiếng ca. Họ quên cả đói khát nhọc mệt, một nguồn sinh lực mới thúc đẩy họ hoạt động. Nén chặt nỗi ưu tư riêng xuống tận đáy lòng

họ hăng hái lẫn lộn vào vòng nguy hiểm để tìm đường sống, cả vật chất lẫn tinh thần. Trên đường gió bụi bao nhiêu chàng trai Việt gối đất nằm sương, lòng rộn ca những khúc chiêu hồn nước.

o o o

Từ thuở lọt lòng Hòa chưa hề xa thủ đô, vì tình thế anh theo bạn qua những cánh đồng quê bát ngát lúa xanh, những xóm làng trù phú, dân cư đông đúc vẫn yêu vui sống dưới mái tranh đầm ấm. Họ niềm nở đón tiếp, giúp đỡ những gia đình ở thủ đô tản cư về. Những cử chỉ hồn nhiên bộc lộ bởi một tâm tình chất phác mộc mạc làm cho Hòa cảm động. Người dân quê đất Việt phần đông có một tinh thần tương thân tương ái đặc biệt vô cùng giản dị, vô cùng mật thiết. Những hạng người tàn ác thâm độc, nhân cách đồi hèn không thiếu nhưng Hòa được cái may mắn là ít gặp mà dù có gặp bọn họ, Hòa cũng cố khuyên dụ đôi ba phen, nếu chứng nào nào vẫn giữ tật ấy, lấy cái khổ của đồng loại làm tiêu sấu, lấy máu của đồng loại kiếm lời để thỏa mãn nhu cầu vật chất thì những con sâu độc ấy khó lòng thoát khỏi cái vạ biển làm quỷ không đầu.

Bọn Hòa luôn luôn hoạt động quanh vùng tiền tuyến gần thủ đô. Chiến sự lan dần, cây cỏ cũng chịu chung mối đau thương. Dân cư lâm vào cảnh vong gia thất thổ, bỗng con bé cái, bơ vơ trên con đường vô định. Ấp ủ nổi đắng cay, tủi nhục, oán hờn. Dân quê hiền lành chỉ sống với sào ruộng thức nung nay bỗng nhiên phải dời bỏ đi tha phương cầu thực, điếm cỏ, cầu sương. Họ cảm thấy thà lang thang bạn cùng gió bụi với đói khát, với tật bệnh còn hơn là quay trở lại tiếp tục sống một cuộc đời nô lệ.

Đông qua, xuân tới, cỏ cây lại đâm chồi nảy lộc. Khí xuân ấm, cảnh xuân tươi bừng khiến cho lòng người tràn trề hy vọng sẽ có một ngày mai tươi sáng. Tinh thần chiến đấu của bọn Hòa rất cao, tuy chỉ có ba anh em mà nhiều phen đã làm cho những đồn lẻ của địch phải khiếp đảm. Nhiều thanh niên mến phục xin nhập bọn chịu dưới quyền chỉ huy của Tiến.

Hùng Tiến là một trang thanh niên tuổi chừng ba mươi. Tuổi riêng với anh không có nghĩa lý gì vì theo ý anh, năm bảy mươi năm kéo một đời sống nhạt nhẽo vô vị, không ích gì cho ai, năm qua cũng như ngày qua phẳng lặng mặt hồ không gợn sóng. Phóng sống như vậy thì ghi dấu năm tháng lên trên đầu làm gì cho thêm tủi. Cuộc đời của anh đã nhiều phen

chìm nổi, sớm trải những cảnh thâm gan, buốt ruột. Anh thường cắn răng chịu đau, không thềm buông nửa lời than vãn. Vất vả khốc thương chỉ tỏ ra mình thiếu năng lực sống, để cho cái đau nó thống trị giầy vò tàn phá. Nếu ta đã không chế ngự nổi lòng ta, thân ta sẽ như cánh bèo mặc sức đưa đẩy của dòng thời gian. Ta bị ngoại cảnh chi phối ta không thể tự cứu nổi thân ta thì còn hòng chi gánh vác đỡ người, tung hoành ngang dọc trong vòng trần lụy.

Thế thái nhân tình đã đào luyện cho anh Tiến cái quan niệm sống ấy. Dù ở trong vòng nguy hiểm thập tử nhất sinh hay những lúc chiến thắng anh đứng, anh lúc nào cũng điềm đạm, nhã nhặn. Thắng không lấy làm vui thua cũng không nản, anh kiên tâm bền chí dùi dất đào luyện anh em không những thành những chiến sĩ hết dạ hy sinh cho đất nước mà cố gắng vượt lên bậc dũng sĩ của thời gian. Gặp địch quân, bọn anh thường dùng mưu cơ để chiếm phần thắng. Anh luôn dẫn dụ anh em không nên tàn sát vô ích địch thủ của ta phần lớn vì bắt buộc phải chiến đấu ta không nên thù ghét họ — nếu gặp trường hợp phải nâng đỡ cứu giúp họ, ta chớ nên bỏ qua. Chúng ta tranh đấu đây là tranh đấu cho công lý, để tỏ cho thế giới biết dân tộc Việt Nam đã thấm nhuần từ bao nhiêu thế kỷ một nền đạo lý uyên thâm của Phật-Giáo, Không giáo. Ta phải cố gắng phát huy cái tinh thần nhân đạo vô biên ấy, ngõ hầu góp một phần vào công cuộc xây dựng hòa bình cho toàn thể nhân loại, sống dưới ánh sáng của mặt trời.

Đội Hồng Thái hoạt động một cách hoàn toàn độc lập. Họ không hề tơ hào quấy quả dân. Họ thường giúp dân bằng cách trừ khử những kẻ mọt dân hại nước, những kẻ tàn ác bất nhân. Những đoàn vận tải nhỏ của địch thường không mấy khi thoát tay họ. Thừa dùng, thỉnh thoảng họ còn cấp đỡ những đồng bào không may gặp cảnh khốn cùng.

o o o

Mới lần nào đào mìm cười đón gió, mai tung cánh chào xuân, gan trắng sì dù đầy đặn với phong sương vẫn còn rung động trước cái cảnh hồi sinh mãnh liệt của vạn vật. Hơi xuân đầm ấm làm tươi lại những cội lòng khô héo. Gió xuân giải được nỗi ưu tư sầu khổ, giúp cho vạn vật năng lực đề tái tạo lại đời sống mỗi ngày một phong phú thêm.

Theo cò tục, tiền nhận bầy ra ngày Tết để cho mọi người đều tạm

ngừng công việc, ghi dấu một quãng thời gian qua. Kiểm điểm lại những công cuộc đã làm, tìm nguyên nhân thành bại để cải thiện những việc sẽ làm trong thời gian sắp tới. Ngày Tết còn là ngày xum họp của đại gia đình để cùng tưởng niệm đến công đức của ông cha và gây lấy cái hòa khí trong tôn tộc. Giữ vững được căn bản của gia đình khả dĩ mới có thể giúp ích một đôi phần cho xã hội nhân quần được. Đang trong buổi loạn ly, mấy ai còn tưởng vọng tới cái thú chung vui ngày đầu xuân — Ai mà vui được khi gia đình bị tán lạc mất còn không hay. Người tuy kém vui cảnh vẫn tung bừng trong khói lửa. Hoa nở, bướm bay và chim vẫn cố ca như muốn an ủi khuyến khích lòng người hãy đồng ca lên đề đòi đỡ tẻ, cảnh đỡ sầu. Tiếng ca âm vang trong gió xuân, cảm thông với người còn kẻ khuất trên toàn cõi đất Việt.

Đội Hồng Thái, noi theo tư tưởng của tiền nhân, thường hàng năm đến đêm trừ tịch vẫn có cuộc hội họp của toàn đội. Không phải để gói bánh, giồng cây nêu, anh em chia nhau việc sửa soạn một cuộc lễ tất niên.

Đêm trừ tịch năm Canh Dần (1950) anh em tề tựu trong một gian chùa cổ còn sót lại ở trên cánh đồng làng Quảng Bá, gần bến Chèm. Trước bàn thờ Tò Quốc khói hương nghi ngút, anh Hùng Tiến như người gia trưởng quỳ trước bàn thờ thiết lập bài vị những đấng anh hùng dân tộc đời đời ghi tên ở trang sử Việt. Dưới bài vị những bậc tiền liệt xưa thêm một hàng bài vị những bạn đồng đội sớm trút hình hài trên chiến địa. Tay nâng ngang mày, anh thăm khấn anh linh tổ tôn phù hộ cho con cháu giữ vững được tinh thần tranh đấu. Anh khấn đến bạn đồng đội sống khôn chết thiêng về chứng giám cho tấm lòng thành của anh em vẫn thường tưởng nhớ và nguyện theo đuổi cho tới cùng hoàn thành những công cuộc mà toàn thể anh em em đã phác định.

Cuộc hành lễ tuy đơn giản nhưng vô cùng uy nghiêm tiếp đến những phút mặc niệm vong hồn chiến sĩ vô danh, nằm xương rải rác bên sườn non, trong khe núi, ngoài cồn cát hay trên cánh đồng hoang, mưa nắng dãi dầu.

Khói hương tỏa, xoay quanh lửa nền gió vờn tan dần vào trong đêm. Sau khi mặc niệm, anh em đều đứng dậy vây quanh bàn thờ, cất tiếng hát. Rút tiếng, anh Hùng Tiến ôn lại những công việc làm của anh em, phân tách từng chi tiết để bổ xung lại những chỗ khuyết điểm. Câu chuyện đang diễn trong một bầu không khí đầm ấm thân mật bỗng ngoài trời đen kịt

vang rộn lên những tràng đạn liên thanh, những luồng trái phá đỏ hồng. Khai xuân bằng lửa đạn cũng là một cái thú đặc biệt của thời loạn. Anh Tiến vội ra ngoài phòng họp để quan sát tình hình. Được một lát, anh quay trở vào ra lệnh cho anh em sửa soạn dời chùa tiến về phía đồn Vẽ. Vừa ra khỏi, ầm một tiếng, viên trái phá vô tình đã làm sụp nóc chùa và đồng thời mảnh đạn tiện nghiêng ngay một chân của Hòa. Hòa vội ôm lấy khúc chân gãy lồm cồm bò theo bạn đồng đội.

Thấy bạn bị trọng thương, Tiến vội quay lại với cánh tay độc nhất, anh sốc bạn lên vai rít một hồi còi hiệu lặng lẽ ngược về phía bến Chèm.

Đạn vẫn nổ đều như vui mừng đón mùa xuân mới vẫn khói lửa ngất trời, vẫn máu chảy, vẫn thây phơi chiến địa-



Ngày nay thời cuộc đã biến chuyển tròn rập : sau ngày ký hiệp định Genève, đất nước Việt-Nam đã bị Việt Cộng và Thực dân đồng mưu trắng trợn chia sẻ, bất chấp ý nguyện của toàn dân, bất chấp cả chính nghĩa quốc gia và dân tộc. Song chính đó lại là một bằng chứng cụ thể làm rơi mặt nạ nhân đạo giả dối của bọn buôn dân bán nước, lộ rõ hẳn mưu thâm độc của bọn Việt Cộng và Thực dân đã cố tình lôi dân tộc Việt Nam xuống vực tiêu vong.

Dân Việt Nam đã bị đau khổ và giày vò bao nhiêu phen vì chúng song văn đủ trí sáng suốt nhận định tình thế. Bởi vậy không ai bảo ai, một triệu dân Bắc Việt (và có thể hơn nữa) đã tự ý bỏ hết tài sản, nhà cửa, ruộng nương tấp nập di cư vào Nam để tìm tự do và hạnh phúc.

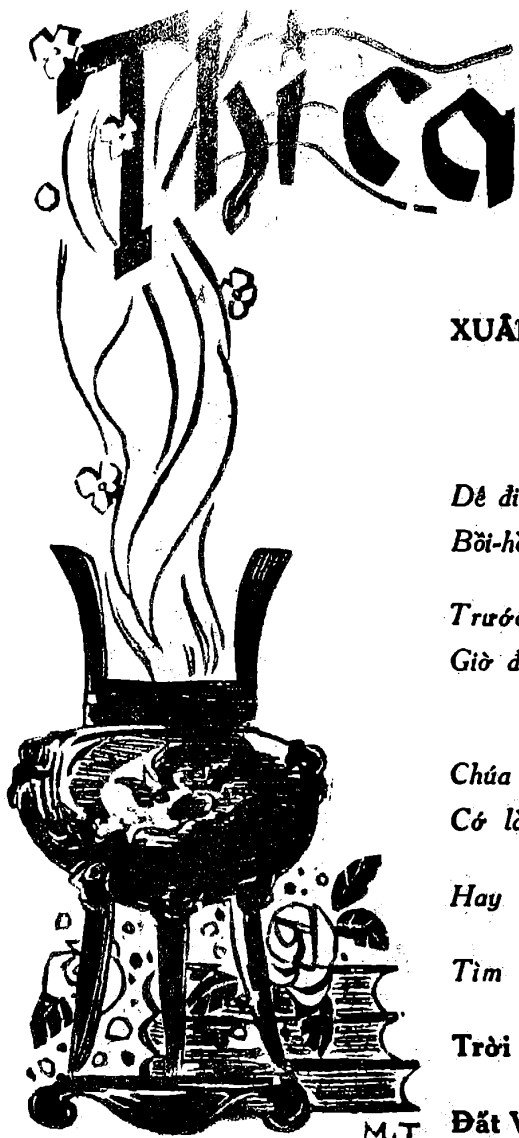
Bọn Hòa, Tiến, Thái cũng chung một ý nghĩ như thế nên đã xung phong cổ động đồng bào trong việc di cư, sốt sắng giúp họ vượt trăm ngàn nỗi cản trở của Việt cộng để tìm đường vào Nam. Sau khi giúp một số lớn đồng bào thoát khỏi nanh vuốt Cộng sản, chính bọn Hòa, Tiến Thái đã bày mưu phục kích giết được một số lớn cán bộ Việt cộng rồi được một vài phần cảm hờn cho dân tộc Việt Nam. Đoạn bọn chiến

sĩ Quốc gia chân chính này đã vượt sông Bến Hải vào ở miền Nam Trung Việt vào hồi đầu năm Ất Mùi (1955). Hiện nay, nhờ sự săn sóc và trợ cấp chu đáo của Chính phủ Quốc gia bọn Hòa. Tiến, Thái đã khắc phục được một đồn điền nhỏ, và đã giúp được hơn trăm đồng bào khác trong việc làm ăn. Bọn họ, trong khi tự lực cánh sinh, ngày đêm vẫn căm hờn đến cốt tủy không thể nào quên tội ác của Việt cộng và Thực dân cùng bè lũ tay sai của chúng, nên vẫn sẵn sàng chờ cơ hội thuận tiện quét sạch rác rưởi ấy đi và thiết tha chờ ngày mai tốt đẹp. mở đường Bắc Tiến để thống nhất nhân tâm và lãnh - thổ Việt Nam.



Một chế-độ dân-chủ thực-sự phải được thực hiện, hoàn toàn tôn trọng phẩm giá và quyền tự-do chính-dáng của mỗi người và của mọi người. triệt-đề đả phá mọi hình-thức cưỡng - bách, áp - bức, mọi chính sách chỉ - huy và nô - lệ hóa nhân dân.

Trích trong bản hiệu-triệu Quốc dân của Ngô-Tòng-Thống
nhân dịp Tết Ất-Mùi (1955).



XUÂN BÌNH-THÂN (1956)

Cảm tác

MUỖU

*Dê đi, ⁽¹⁾ Hàu sắp về đây ⁽²⁾
 Bồi-hồi ai đó tỉnh say trong
 lòng.
 Trước kia ăn tết Thăng-Long
 Giờ đây ăn tết ở trong Sài-
 thành.*

NÓI

*Chúa xuân thử thách,
 Có làm sao đưa khách Bắc
 vào Nam ?
 Hay vì ai chung gánh gian
 san,
 Tìm thanh-khi mưu-toan nên
 sự-nghệp.
 Trời Nam vẫn quý trang
 hào-hiệp,
 Đất Việt còn sinh bậc tuấn-
 kỳ.*

M.T

(1) Dê đi = Chỉ năm Ất Mùi .

(2) Hàu về = Chỉ năm Bình Thân

Vì non sông, hăng - hái quyết ra đi...
 Chí quyết - thẳng, ngại chi cơn sóng vỗ.
 Mài gươm sẵn, quyết thu hồi quốc - thổ,
 Cho Bắc Nam đâu đó mở đường thông.
 Vui say mới cất chén đồng,
 Ngắm trông hoa cỏ vườn Hồng lại tươi.
 Đi về ta lại thành thời. . .

Viễn - Chí

NGÀY XUÂN CẢM HOÀI

Non nước bao năm phủ khói sương,
 Tiếng oanh mai mỉa, mối sầu vương,
 Ngắm bông mai nở, thương chinh-phụ,
 Trông đám mây bay, nhớ cố-hương.
 Mê-mệt những ai trong hí-viện,
 Ngậm-ngùi bao kẻ giữa sa-trường.
 Chúa xuân đâu đó, về ta hỏi :
 « Ai nhớ người xưa thấp nén hương ?... »

Viễn - Chí

XUÂN VỀ CẢM HỨNG

Ríu-rít oanh ca đón chúa xuân,
 Giục ai vì nước sớm duy-tân.
 Vui trông chiều nước theo chiều gió,
 Mừng thấy ý trời hợp ý dân.
 Độc-lập nền xưa xây dựng lại,
 Cộng-hòa nước mới mở mang dân.
 Giang-san thống-nhất tươi xuân-sắc,
 Lô-diềm nhờ ai ngọn bút thần.

Viễn - Chí

NGÀY XUÂN TIÊU - SẦU

(Lấy chữ đầu ở mỗi câu thơ làm chủ - đề : **Biết lòng trời**
đất, rượu thơ tiêu sầu)

BIẾT đạo trời soay, dễ mấy ai ?
 LÒNG ai xuân tới vẫn - vơ hoài !
 TRỜI tuy thử thách gan vàng đá,

ĐẤT vẫn bồi vun khóm trúc mai.
 RƯỢU uống nhớ chi đâu bề đôi,
 THƠ ngâm quên cả tháng ngày dài.
 TIẾU vung trăng gió, xuân dành sẵn,
 SẦU tán, lòng ai hóa thành - thời...

Viễn - Chí

CÂU ĐỐI NGÀY XUÂN

Sơn-hải vẫn ghi lòng, sớm sớm nước reo với khách gọi hồn
 kìm eo giậy :
 Xuân thu này đứng bóng, mau mau trời nhớ cùng ta mở
 mặt bắc nam trông.

o o o

Ừ đã đành, mực thước vẫn quen tay, đâu có ngại bảy nôi
 ba chìm, lúc xuống bề, lúc lên rừng, diu dặt đàn em, đến biết
 ăn, biết nói, biết học, biết hành, mong cho trẻ một mai, rộng bước
 mở đường tân-vận-hội ;

Song cũng phải, càn-khôn thường mở cửa, chi nỡ dề một chò
 hai đọi, khi tám trắng, khi gọi gió, tươi cười về mặt, ước hỏi trúc,
 hỏi mai, hỏi non, hỏi nước, hẹn cùng trời trăm tuổi, nức lòng vui
 gánh cựu-giang-san.

Viễn - Chí

MỪNG VĂN - HÓA NGUYỆT - SAN

Khuê - chương lóng lánh ánh năm sao,
 Trình - độ ngày ngày bước một cao.
 Hoa bút trải bao nhà trước - thuật,
 Rừng văn thêm mới giọng thanh-tào.
 Non sông gấm vóc ngày tô điểm,
 Năm tháng cầm thơ dạ ước ao.
 Reo quẻ Kiền - Tam rồng mới hiện,
 Văn - minh Âu, Á một phong - trào.

Thầm - Quỳnh



THƠ DỊCH

NGUYỄN - VĂN (chữ Hán)

Quá Hải-vân-đài cảm-tác

Tam niên tam thương Hải-vân-đài,
Nhất điều thân khinh độc vãng hồi.
Thảo-thụ bán không, đề nhật-nguyệt,
Kiến-khôn trích nhần, tiểu trần - ai.
Văn phi sơn thủy, vô kỳ - khí,
Nhân bất phong sương, vị lão-tài.
Hưu đạo Tần-quan chinh lộ hiềm,
Mã đầu hoa tận đối yên khai.

Tam-nguyên Vĩ-xuyên TRẦN-BÍCH-SAN (1)

THƠ DỊCH (4 bài)

Qua đèo Hải-vân cảm-tác

BÀI THỨ NHẤT

Ba năm ba chuyến Hải - vân - đài,
Nhẹ gót mình quen lối vãng lai.
Ngọn cỏ vớt lên kè nhật nguyệt,
Đầu non liếc xuống hẹp trần ai.
Văn chưa thiệp liệp dùng khoe mạnh,
Đời kếm xông pha chớ cậy tài.
Ai bảo Tần-quan ngăn vó ngựa,
Khởi hoa ngào ngạt buổi hôm mai.

(1) Có đăng tiêu-sử Cụ Tam-nguyên Trần - Bích - San ở Văn - Hóa nguyệt - san số 1 (n. 1955) —

BÀI THỨ HAI

Ba năm ba lượt một mình ta,
Đèo Hải-Vân từng nhẹ gót qua.
Dưới mắt càn khôn chen chúc hẹp,
Đầu cảnh nhật nguyệt tắc gang xa.
Nhật màu sơn thủy tranh không bóng,
Kém chất phong sương óc chứa già.
Đường lối Tần-quan ai bảo khó,
Này trên cò ngựa khó chèn hoa.

BÀI THỨ BA

Hải-vân từng nhẹ bước sơn khê,
Sáu lượt ba năm kè cả về.
Vót thử đôi vùng xa cách mấy,
Trông ra bốn cõi hẹp hòi ghê.
Cao sâu ít trải thơ còn tục,
Giã giạn chưa quen óc vẫn quê.
Đừng bảo cửa Tần nơi hiểm trở,
Mây phong đầu ngựa nức mùi huê.

BÀI THỨ TƯ

Qua qua lại lại mấy năm tròn,
Lối Hải-vân đây gót đã mòn.
Nhật nguyệt trông lên, gần sát sát,
Trần ai ngó xuống bé con con.
Chưa ra khỏi bếp, hồn thơ quẩn,
Còn núp trong chăn, khối óc non.
Nên nhớ ai Tần qua cũng dễ,
Khỏi lòng hương nức ngựa bon bon.

Tô-Nam : NGUYỄN-ĐÌNH-DIỆM

Phụng dịch (1)

(1) Dịch giả còn hai bài dịch nữa xin đăng tiếp kỳ sau.

HỊCH TƯỞNG-SĨ VĂN

(Nguyên - văn bằng chữ Hán của Hưng-Đạo-Vương
Trần-quốc-Tuấn)

NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN (chưa âm Việt)

Dư thường văn chi :

Kỷ-Tín dĩ thân đại tử nhi thoát Cao Đế.

Do Vu dĩ bối thụ qua nhi tế Chiêu-Vương.

Dự Nhượng thôn thán nhi phục chủ thù,

Thân Khoái đoạn tú nhi phó quốc nạn.

Kính Đức, nhất tiêu sinh giá, thân dực Thái Tông nhi
đắc miễn Thế Sung chi vi.

Kiều Khanh, nhất viễn thần giá, khâu mạ Lộc Sơn nhi
bất tòng nghịch tặc chi kế.

Tự cồ anh-hùng, nghĩa sĩ dĩ thân tuấn-quốc, hà đại
vô chi !

Thiết sử sồ tử khu khu vi nhi nữ chi thái, đồ tử rệu hạ,
ô năng danh thùy trúc bạch dữ thiên địa tương vi bất hủ tại ?

Như đảng thế vi tướng chủng, bất hiểu văn nghĩa kỳ
văn kỳ thuyết, nghị tín tương bán. Cồ tiền chi sự, cô trí vật luận.

Kim dư dĩ Tống, Thát chi sự ngôn chi:

Vương công Kiên hà nhân giá ? Kỳ tỳ tướng Nguyên
văn Lập hựu hà nhân tại ? Dĩ Điều Ngự tỏa tỏa đầu đại chi
thành, đương Mông Kha đường-đường bách vạn chi chúng, sử
Tống chi sinh - linh chi kìm thụ tử.

Cốt ngọt Lang hà nhân giá ? Kỳ tỳ tướng Xích - tu Tư
hựu hà nhân giá ? Mạo chương lệ ư vạn lý chi đồ, quyết Nam
Chiếu ư sồ tuần chi khoảnh, sử Thát chi quân trưởng chi kìm
lưu danh.

Huống dư dữ như đảng sinh ư nhiều-nhuong chi thu,
trưởng ư gian nan chi tế, thiết kiến nguy sử vãng lai đạo đồ
bàng ngộ ; trạo hào ô chi thôn thiết nhi lãng nhục Triều đình,
ủy Khuyển dương chi xích khu nhi cứ ngạo tề phụ.

Về bài hịch văn này, trước kia đã có những bản phiên-dịch bằng văn vần của Phan-kế-Bính và Trần-hàm-Tấn và bằng văn xuôi của Trần-trọng-Kim, nay xin cống hiến các bạn đọc bản dịch văn khác sau đây do ông Trần-văn-Thước đã cố gắng dịch lại, xem có phần sát nghĩa từng câu, từng đoạn trong bản nguyên-văn.

L. T. S.

DỊCH NGHĨA TIẾNG VIỆT

Ta thường nghe nói :

Kỷ Tín đem mình thay chết mà cứu được Hán Cao đế,

Do Vu chia lưng chịu giáo mà che nổi Sở Chiêu vương

Dự Nhượng nuốt than rửa sạch chủ-thù,

Thân Khoái chặt tay trừ tan quốc-nạn.

Kính-Đức một bề tôi bậc thấp, thân đỡ Đường Thái Tông mà thoát khỏi vòng vây của Thế Sung.

Kiều Khanh, một tướng lãnh đồn xa, miệng chửi An Lộc Sơn chứ không mắc kế lừa của nghịch-tặc.

Tự xưa, trung-thần nghĩa sĩ lấy thân tuấn quốc đời nào không có

Ví phỏng những người ấy cứ khur khur theo thói dân-bà mong chết số nhà thì sao được tên ghi tre, lựa cùng với trời đất cùng chẳng mục nát vậy thay !

Lũ người, giống dòng của tướng, không hiểu nghĩa văn, nghe các chuyện kia, ngờ tin đều nửa.

Chuyện xưa việc cũ, hãy gác một bên.

Nay ta đem các việc Tống, Nguyên ra nói :

Vương công Kiên là người thế nào ? Tỳ tướng của y, tên Nguyên văn Lập lại là người thế nào ? Thế mà, bền giữ ngọn thành Diệu Ngự nhỏ bằng cái đầu tý hon, họ kháng-cự được toàn quân Mông Kha, kẻ hàng trăm vạn, khiến cho sinh-linh nhà Tống đến nay cũng vẫn mang ơn.

Cốt Ngột Lang là người thế nào ? Phó tướng của va, tên Xích tu Tư lại là người thế nào ? Vậy mà dám vượt quãng đường lam-chương dài đến muôn trùng đặng-dặc; họ khắc phục nổi cả miền Nam Chiếu trong khoảng mấy tuần khiến cho quân-trưởng rợ Mông giờ đây hãy còn nổi tiếng.

Huống ta cùng lũ người sinh trong buổi nhiều-nhương, lớn giữa thời gian khó, trộm nhìn nguy-sứ vênh-váo đi lại đầy đường. Chúng uốn tặc lưỡi cú-diều mà lảng-nhục Triều-diệch, uốn khúc thân dê chó mà khinh-khi tề phụ.

Thác Hốt Tất Liệt chi mệnh nhi sách ngọc bạch dĩ sự vô dĩ chi
châu cầu,

Giả Vân Nam vương chi hiệu nhi nhu kìm ngân dĩ kị
hữu hạn chi tộ kố.

Tỷ do dĩ nhục đầu nổi hồ, ninh năng miễn dĩ hậu họa giả tại
Dư thường lâm san vong thực, trung dạ phủ trầm thể
khấp giao di, tâm phúc như đảo; thường dĩ thực nhục, tâm
bì như can, âm huyết vi hạn giá. Tuy dư chi bách thân cao ư
khảo dã, dư chi thiên thi lý ư mã cách diệc nguyện vi chi.

Nhữ đẳng cứu cư môn hạ, chương sóc binh-quyền. Vô y giả
tắc ý chi dĩ y; vô thực giả, tắc tự chi dĩ thực. Quan ty tắc
thiên kỳ tước; lộc bạc tắc cấp kỳ bổng. Thủy hành cấp chu; lục
hành cấp mã.

Ủy chi dĩ binh tắc sinh tử đồng kỳ sở vi,
Tiến chi tại tâm tắc tiểu ngũ đồng kỳ sở lạc,
Kỳ thi Công Kiên chi vị tỳ tướng, Ngột Lang chi
vị phó nhị diệc vị hạ nhi.

Nhữ đẳng tọa thị chủ nhục tăng bất vi ưu, thân
thường quốc sĩ tăng bất vi quý;

Vi Trung quốc chi tướng thị lập dĩ tù nhi vô phần tâm.

Thính Thái Thường chi nhạc yển san nguy sứ nhi
vô nộ sắc.

Hoặc đấu kẻ dĩ vi lạc.

Hoặc đồ bác dĩ vi ngu.

Hoặc sự điền viên dĩ sơn kỳ gia,

Hoặc luyện thể tử dĩ tư ư kỳ;

Tu sinh sản chi nghiệp nhi vong quân quốc chi vụ,

Rụy chính lập chi du nhi đãi công thủ chi tập.

Thác lệnh Hốt Tất Liệt, cường đòi ngọc lụa khiến cho thị-dục không bờ (của chúng) được thỏa-thuê.

Giả tiếng Văn Nam-vương yêu sách bạc vàng làm cho kho-tàng có ngữ (của ta) phải hao-cạn.

Ví như đem thịt vớt cho hồ dơi. sao có thể tránh khỏi hậu-họa vậy thay !

Ta thường đến bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối, lệ cầm đầy má, lòng tức như bào, thường vẫn hận chưa được ăn thịt, nếm da, nhai gan, uống máu kẻ kia . Dầu có phải trăm thân bốn khắp cánh đồng, ngàn xác bọc trong da ngựa, ta cũng làm ngay.

Lũ người theo làm môn-hạ từ lâu, cầm giữ binh-quyền. Người thiếu mặc, ta cấp áo ; kẻ thiếu ăn, ta cho cơm gạo. Quan thấp ư ? Ta xin cho đăng phong tước. Lộc kém ư ? Ta tâu cho được tăng lương. Đi thủy, ta cấp thuyền ; đi bộ, ta cho ngựa.

Khi hành quân thì chết, còn cùng nhận,

Lúc tiến tằm thì cười nói chia vui.

Đem so-sánh với cách Công Kiên đãi kẻ tay chân,

Ngọt Lang đối người phó nhị, hẳn chưa kém vậy.

Lũ người ngồi nhà quân vương nhọc nhã mà chẳng biết lo, cảm thấy nhà nước nhuốc nhơ mà không biết hổ.

Thần làm kẻ di-tù lệ-thuộc hầu lệnh tướng thù mà không nổi lòng phẫn-uất; tai nghe tiếng nhã - nhạc Thái-Thường dâng ăn sứ ngy mà không có sắc giận căm.

(Chỉ những mài mài) hoặc gà chọi mua vui,

hoặc bạc bài làm thích.

Hoặc thờ vườn ruộng để nuôi gia - quyến,

Hoặc luyện vợ con cho hài tư-dục.

Chăm chỉ vun trồng mà nháng quên việc nước việc quân,

Ham mê săn bắn mà biếng rùn phép công, phép thủ.

Hoặc cam mỹ tửu,
Hoặc thị dâm thanh.
Thoát hữu Mông Thát chi kھấu lai,
Hùng kê chi cự bất túc dĩ xuyên lỗ giáp,
Đồ bác chi thuật bất túc dĩ thi quân mưu.
Điền - viên chi phú bất túc dĩ thực thiên kim chi kھu,
Thê - noa chi lự bất túc dĩ sung quân quốc chi dụng;
Sinh sản chi đa bất túc dĩ cầu lỗ thủ,
Liệp kھuyền chi lực bất túc dĩ kھu tặc chúng.
Mỹ tửu bất túc dĩ cư lỗ quân,
Dâm-thanh bất túc dĩ tủng lỗ nhĩ.

Đương thử chi thời, ngã gia thần chủ tựu tróc, thậm kھả
thống tại !

Bất duy dư chi thái ấp bị tước nhi như đảng chi bồng
lộc diệc vì tha nhân chi sở hữu,

Bất duy dư chi gia tiều bị kھu nhi như đảng chi thê
noa diệc vì tha nhân chi sở lỗ.

Bất duy dư chi tồ tông xã tắc vì tha nhân chi sở tiển, lăng
nhi như đảng chi phụ mẫu, phần mộ diệc vì tha nhân chi sở phát quật.

Bất duy dư chi kìm sinh thụ nhục, tuy bách thể chi hạ
xú danh nan tây, ố thụ trường tồn nhi nhĩ đảng chi gia thanh
diệc bất miễn danh vì bại tướng hĩ;

Đương thử chi thời, như đảng dục tư kỳ ngu lạc
đắc hồ ?

Kim dư minh cáo như đảng:

Đương dĩ thác hỏa tích tân vì nguy,

Đương dĩ chừng canh xuy tráp (?) vì giới.

Huấn luyện sĩ tốt, tập nhĩ cung thi, sử nhân nhân

Bồng mông, gia gia Hậu Nghệ.

Khiêu Tất Liệt chi đầu u kھuyết hạ;

Hoặc đắm say mỹ-tử,

Hoặc mê thích dâm thanh.

Bất thành-linh có giấc Mông-Thất ủa sang, (thì) :

Cựa sắc hùng-kê không đủ đâm qua giáp giặc,

Mẹo tài đồ-bác chẳng đủ thi thố mưu quân ;

Ruộng vườn màu mỡ không đủ chuộc lại tấm thân vàng ngọc ,

Vợ con quyến-luyến không thể dùng vào các việc binh-nhung.

Của sinh-sản dẫu nhiều cũng không đủ mua đầu tướng giặc,

Sức chó săn tuy khỏe cũng không đủ đuổi lũ quân thù.

Mỹ-tử không say chết được giấc rợ Mông,

Dâm-thanh không chọc diếc được tai giống Thất ;

Đang lúc bấy giờ, thầy trò nhà ta chịu vòng trời buộc, đau-dớn lắm thay !

Chẳng những thái-ấp của ta bị tước mà bổng-lộc của các người cũng biến thành sở hữu vật của người khác,

Chẳng những gia quyến của ta bị khua mà vợ con của các người cũng trở nên chiến-lợi phẩm của kẻ kia ;

Chẳng những xā-tắc của tổ-tiên ta bị kẻ kia giày xéo mà phần mộ của cha mẹ các người cũng bị người khác khai-quật,

Chẳng những đời nay ta bị nhục mà trăm đời sau nữa, tiếng nhơ khôn rửa, thụy xấu vẫn còn mà gia-thanh các người cũng không tránh khỏi cái tiếng tướng-quân bại trận.

Đang lúc bấy giờ, các người muốn cầu lấy chút yên vui, phỏng có được chăng ?

Nay ta bảo rõ các người :

Nên lấy việc « bên cạnh lửa hồng, chõng chất củi than » làm việc nguy hiểm.

Nên lấy chuyện « ăn canh phải bỏng, lóng đống thối dứa » làm chuyện khuyên răn,

Các người phải, dạy rèn sĩ tốt, luyện tập cung tên, khiến kẻ kẻ đều giỏi như Bồng Mông, ai ai cũng tài như Hậu-Nghê.

Chặt đầu Tắt Liệt bên dưới cửa cung,

Phù Vân Nam (?) chỉ nhục - ư - cỏ - nhai.

*Bất duy dư chi thái - ấp vính vi thanh - chiền nhi nhĩ
đẳng chi bông lộc diệc chung thân chi thụ tứ,*

*Bất duy dư chi gia tiêu đắc an sàng nhục nhi nhĩ đẳng
chi thể noa diệc bách niên chi giai lão,*

*Bất duy dư chi tông miếu vạn thế hương tự nhi nhĩ
đẳng chi tồ phụ diệc xuân thu chi huyết thực;*

*Bất duy dư chi kịm sinh đắc chí nhi như đẳng bách niên
chi hạ phương danh bất hủ;*

*Bất duy dư chi mỹ thụ vính thù nhi như - đẳng chi
tính danh diệc lưu phương ư thanh sử hĩ.*

*Đương thử chi thời như đẳng tuy dục bất vi ngu lạc
đắc hồ ?*

*Kim dư lịch soạn bách gia bình pháp vi nhất thư danh
viết « Bình thư yếu lược ».*

*Như đẳng hoặc đương chuyên tập thử thư, thụ ngã
giáo hối, thị tục thể chi thần chủ già.*

*Hoặc bạo kị thị thư, vi dư giáo hối, thị túc thể chi
cừu tồ già.*

*Hà tắc nãi bất cộng đới thiên chi thù, nhĩ đẳng ký
điêm - nhiên bất dĩ tuyết sử vi niệm, bất dĩ trừ húng vi tâm, nhi
hựu bất giáo sĩ tốt, thị đảo qua nghênh hàng, không quyền thụ
dịch, sử Bình-lỗ chi hậu, vạn thế di tu, thượng hà diện - mục lập
ư thiên địa phú tái chi gian ru ?*

Cổ dục như-đẳng minh tri dư tâm, nhân bút vi Hịch văn.

Bấm sắc Thoát-Hoan phời nơi quán-sứ.

(Như thế thì) chẳng những thái-áp của ta mãi mãi là tấm thanh chiến êm ấm mà bổng-lộc của các người, các người cũng được suốt đời hưởng thụ.

Chẳng những gia-quyển ta được êm giường ấm đệm mà các người ai nấy cũng đều được vợ chồng trăm năm đầu bạc.

Chẳng những tông-miếu nhà ta được muôn đời cúng tế mà tồ phụ các người cũng được hàng năm hưởng lễ trưng thờ.

Chẳng những ta được đời nay đắc chí mà các người trăm năm về sau cũng được danh thơm không nát,

Chẳng những ta được mỹ-thụy muôn đời hiển-trứ mà các người cũng được họ tên ghi chép sử xanh vậy.

Đang lúc bấy giờ, dẫu các người muốn không vui sướng, phỏng có được không ?

Nay ta lựa chọn binh pháp của chư gia soạn thành một cuốn sách tên là « Binh thư yếu lược ».

Các người hoặc lo chăm tập cuốn sách ấy, chịu lời ta dạy bảo thì tình nghĩa thầy trò muôn đời khăng-khít ;

(Trái lại) nếu khinh bỏ cuốn sách ấy, trái lời ta dạy bảo, ấy là cừ thù truyền kiếp vậy.

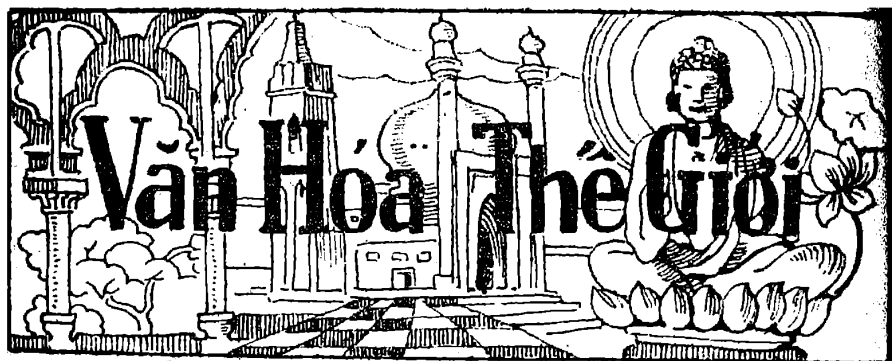
Sao vậy ? — Vì đối với kẻ kia, nước ta có mối thù chẳng đội trời chung ; thế mà các người đã diễm-nhiên không biết lấy việc tiêu hờn rửa nhục làm niềm lo-nghĩ gan lòng lại không dạy rèn sĩ tốt, ấy là quay giáo hàng giặc, giơ tay không mà chịu đối-phương, khiến cho sau trận Bình-lỗ, muôn đời đề hồ, phỏng còn mặt mũi nào mà sống ở giữa khoảng giới che đất chớ !

Cho nên muốn các người hiểu rõ lòng ta : nhân bút viết thành bài Hịch vậy.

TRẦN-VĂN-THUỘC

phụng-dịch





LÀO - TỬ
ĐẠO ĐỨC KINH

quốc-văn giải-thích

(liếp theo) (1)

NGHIÊM-TOÀN dịch thuật

X

情	之	乎	無	覽	氣	載	
長	畜	明	知	能	致	營	十
而	之	白	乎	無	柔	魄	章
不	生	四	天	疵	能	抱	
罕	而	達	門	乎	嬰	一	
是	不	能	開	愛	兒	能	
謂	有	無	闔	民	乎	無	
玄	為	為	能	治	澤	離	
德	而	乎	無	國	除	乎	
	不	生	雖	能	玄	專	

(1) Xcm V.H.N.S. số 7

DỊCH ÂM

THẬP CHƯƠNG

Tái doanh phách báo nhất, năng vô ly hồ ? Chuyên khí chí nhu, năng anh nhi hồ ? Dịch trừ huyền lâm, năng vô tỳ hồ ? Ái dân trị quốc, năng vô tri hồ ? Thiên môn khải hạp, năng vô thư hồ ? Minh bạch tứ đạt, năng vô vi hồ ? Sinh chi súc chi, sinh nhi bất hữu, vi nhi bất thị, trường nhi bất tề, thị vị huyền đức.

DỊCH NGHĨA

CHƯƠNG MƯỜI

Nâng chử (2) hờn, vía (1), giữ chắc cho chỉ có một, có thể không xa lìa chẳng.

Thống trị cái khí (3) rất mực mềm mại, có thể trẻ con mới đẻ chẳng. Rửa quét bỏ đi cái xem (4) sâu xa huyền diệu, có thể không lầm lỗi (5) chẳng. Yêu dân sửa yên việc nước, có thể không biết gì (6) chẳng. Cửa trời mở đóng có thể làm con mái (7) chẳng. Sáng tỏ rõ ràng suốt tới cả bốn mặt, có thể không lầm (8) chẳng. Sinh đẻ ra đấy, nuôi lấy đấy, sinh ra mà không có, làm mà không nương cậy, khiến cho lớn mà không làm chủ, ấy bảo là đức sâu xa.

(1) Hoặc có thể dịch là: a) « Nâng chử kinh mạch, hình khí (máu, khí và vía van) giữ chắc cho chỉ có một... » b) « Nâng chử, sửa trị, đìn giữ hình khí (vía van), ôm chắc cho chỉ có một... »

(2) Trong ba câu trên này, chữ « **nâng chử** » hoặc đều có thể đổi ra chữ « **bền** » :

1^o) Bền hờn, vía giữ chắc cho chỉ có một...

2^o) Bền kinh mạch, hình khí (máu, khí và vía van) giữ chắc cho chỉ có một...

3^o) Bền sửa trị, đìn giữ hình khí (vía van) ôm chắc cho chỉ có một...

(3) Hoặc có thể dịch là : « Đốc lòng giữ khí cho... »

(4) Hoặc có thể dịch là : ... « cái gương (kiếng) sâu xa linh diệu ».

(5) Hoặc có thể dịch là : « có thể không bợn, vết chẳng. »

(6) Bản của Trần Trự, Trương Mặc đời vô tri 無知 ra vô vi 無爲, và tự nhiên sau khi đời theo Trần, Trương, câu này phải dịch là : « có thể không làm chẳng ». (Xin xem thêm lời chú giải ở dưới).

(7) Bản Vương Bật chép là vô thư 無雌 (nghĩa là không con mái), nhưng cũng trong bản ấy, lời chú lại chép là : « thiên môn khai hợp năng vi thư hồ 天門開闔能爲雌乎 ».

Ở đây, dịch theo nghĩa vi thư 爲雌 (= làm con mái). Trong Hán văn, vì theo bản Vương Bật, vẫn đề hai chữ vô thư 無雌, không dám tự ý thay đổi. (Xin xem thêm lời chú giải ở dưới).

(8) Bản của Trần Trự, Trương Mặc, đời vô vi 無爲 ra vô tri 無知, và nếu đời theo Trần, Trương, câu này phải dịch là : « có chẳng. » (Xin xem thêm lời chú giải ở dưới).

CHÚ GIẢI

Chữ và câu khác nhau tùy theo các bản.

1— Bản của Hà-Thượng công không có sáu chữ hồ 乎

2— Bản của Vương-Bật chép : « Át dân trị quốc, năng vô tri hồ 愛民治國能無知乎..... Minh bạch tứ đạt, năng vô vi hồ 明白四達能無爲乎 », Trương-Mặc dựa theo nghĩa câu văn trên dưới phải ăn ý với nhau, đổi là « Át dân trị quốc, năng vô vi hồ 愛民治國能無爲乎..... Minh bạch tứ đạt, năng vô tri hồ 明白四達能無知乎 », sau khi tham chiếu các bản.

Bản của Trần-Trự cũng đời như bản của Trương-Mặc.

3— Tiết Huệ 薛惠 nói rằng : « Có một bản không chép bốn chữ : « sinh chi súc chi 生之畜之 »

4— Mã Tự Luân nói rằng : « sinh chi súc chi 生之畜之 » đến « Thị vị huyền đức 是謂玄德 » gồm 20 chữ, so với đoạn văn trên, nghĩa không tương ứng, nên coi là thẻ tre ở chương LI xếp lầm vào.

Trong Chương X này, chữ và câu của các bản thường có chỗ sai, chỗ giống rất nhiều, xin lược qua, không dám mỗi mỗi dẫn hết cả ra, sợ làm phiền độc giả.

Tái 載 : A — 1 — chở.

2— Nang

3— Cũng như chữ xử 處 nghĩa là : Ở (theo Vương-Bật).

4— Cũng như chữ bế 載, nghĩa là : ôm, bế, giữ chắc. Tỷ dụ như trong câu « *Tái doanh phách nhi đấng hà hề* :

載 營 魄 而 登 遐 兮 »

(trong Sở từ, bài Viễn du).

B— Dùng làm trợ ngữ từ

a— có nghĩa như chữ tắc 則 (Tỷ dụ : kinh Thi, Mân phong, thơ Thất nguyệt có câu : *Xuân nhật tái dương* 春日載陽).

b— có nghĩa như chữ nãi 乃

(Tỷ dụ : Kinh Thi, Tần phong, thơ Tiều nhung, có câu : *Tái tâm tái hưng* : 載寢載興).

C— Có học giả cho là chữ Tai 哉 (trợ ngữ từ, nghĩa là *vậy thay* ; hoặc nghĩa như chữ dĩ 已, lời nói hết, ở cuối câu) ; vốn ở cuối chương IX trên này (*Thiên chi đạo tai* : 天之道哉) chép lộn và sai sang đầu chương X, việc lẽ rằng các câu trong 2 chương IX và X đều cùng bốn chữ.

Doanh phách 營魄 : 1— Hồn phách (theo Hà-thượng-Công).— (Hồn 魂 : Phần vô hình thiêng liêng làm chúa tể cả tinh thần người ta, có thể là hình thức mà còn tồn tại.

Phách 魄 : Vía. Phần tinh thần của người ta, nương tựa vào hình thể mà tồn tại. Như vậy, phần tinh anh, bám vào hình là Phách, là Vía mà phần « thần » nương tựa vào khí là Hồn).

2— chốn ở thường của người ta ; phần chân thực của một người. (theo Vương Bật)

3— Linh hồn (theo Trần Trụ)

Trần Trụ dẫn câu : « *Tái doanh phách nhi đấng hà hề* 載營魄而登遐兮, trong sở từ, bài Viễn du lại dẫn cả lời chú của Vương Bật : « Bao ngã linh hồn nhi thượng thăng dã : 把我靈魂而上升也 » và thêm rằng : Giảng tái 載 là bao 抱 (== ôm, bế, giữ chắc), *doanh phách* 營魄 là *linh hồn* 靈魂 tức là lối giảng xưa của đời Hán.

4— Hồn phách (theo Trương Mặc) Mặc nói : Hai chữ hồn phách thường dùng liền. Hồn thuộc về « linh » (thiên liêng). Phách thuộc về « huyết » (máu)

5— *Doanh* là sửa trị giúp đỡ. Phách là hình khí, là phần tinh anh không hiển hiện, bám, dựa và lệ thuộc vào thân hình người ta. Vậy *doanh phách* nghĩa là sửa trị, giúp đỡ khiến cho hình khí được hằng còn (theo Từ Hải, lời chú thích hai chữ *doanh phách*, trong câu thơ của Lục Cơ 陸機 tặng người anh con nhà bác :

Doanh phách hoài tư thổ, tinh sảng nhược phi trầm:

榮 魄 懷 茲 土 精 爽 若 飛 沉 (9).

6 — a) *Doanh* là hồn (Tự điển Khang Hy)

b) *Doanh* là vệ 衛 (Tự điển Khang Hy) Theo lối thích nghĩa b) này của tự điển Khang Hy, thì chữ Vệ có thể hiểu theo hai cách:

10) Vệ là giữ gìn. Như vậy, *doanh* là giữ gìn, sẽ có nghĩa gần với nghĩa giúp đỡ, như ta vừa thấy trong lời chú câu thơ của Lục Cơ (xem số 5 ở trên)

20) Vệ là danh từ thuộc. Theo Từ Nguyên, danh từ *doanh vệ* nói tác dụng của khí huyết :

Lấy thê mà nói thì là khí huyết

Lấy dụng mà nói thì là *doanh vệ* cũng trở kinh mạch trong ngoài :

Doanh đi ở trong mạch

Vệ đi ở ngoài mạch.

Lại có thuyết nói :

Mạch động là *doanh*

Mạch tĩnh là vệ.

Cũng gọi là *vinh vệ* 榮 衛.

Máu thuộc về phần vinh, *doanh* khí thuộc về phần vệ

Bảo nhất vô ly 抱 一 無 離 : Ôm một không lìa,

Ý nói : Thần hồn trong trẻo, sáng suốt duy nhất, đơn thuần, không bị vật ngoài làm mê muội tối tăm, đến nỗi lìa xa dẫn Đạo, *Bảo nhất* cũng có thể hiểu là ôm giữ vững chắc lấy Đạo, bằng cách làm cho hai phần : tinh thần thiêng liêng và thê xác (máu, thịt...) được điều hòa rất mực, không hề bao giờ chia rẽ, rời nhau.

Tái doanh phá h bảo nhất, năng vô ly hồ :

(9) Chú : Kinh họ vi doanh; hình khí vi phách kinh họ kỳ hình khí, xử chi thường tồn dã. 經 護 為 營 形 氣 為 魄. 經 護 其 形 氣 使 之 常 存 也. (Từ Hải : *Doanh phách*, thuộc chữ *Doanh* 營, bộ Hỏa 火)

Nếu người ta hay biết ở yên ngôi nhà mình thường ở hàng ngày giữ một tinh thần duy nhất, không bao giờ lìa xa, ắt muôn vật đều phải phục tùng (hoặc tự lui) di vậy (theo Vương Bật).

Tóm lại, (10) câu này ý nói: « có thể trị được thân thể, điều hòa được phần hồn, phần xác, khiến hai bên « *linh* » và « *nhục* » không hề lìa, chia rẽ, giữ cho bản tính chân thực trước sau chỉ có một, không rời Đạo hay chăng ? »

Chuyên 專 : 1 — Giữ riêng lấy một mình

2 — Riêng về một mặt

3 — Chăm chỉ, thành thực, dốc lòng về một việc gì.

4 — nghĩa là *nhệm* 任 = mặc, phó mặc (theo Vương Bật)

5 — *thống nhiếp* 統攝 — thâu tóm vào một mối để quản lý (theo Trương Mặc).

Chuyên khí 專氣 1°) Thâu tóm vào một mối để quản trị cái khí, khiến cho khỏi sút kém, hao mòn (theo Trương Mặc).

2°) Chăm chú, thành thực, dốc lòng giữ lấy cái khí.

Chí 至 cùng cực, rất mực

Nhu 柔 mềm mại.

Chí nhu 至柔 Nuôi thể khí, giữ cho chìm, lặn, tới chỗ mềm mại vô cùng.

Anh nhi 嬰兒 Trẻ con sơ sinh.

Chuyên khí chí nhu, năng *anh nhi* hờ.

Ý nói : Thâu tóm vào một mối để sửa trị cái khí, khiến cho không phân tán, hỗn loạn; hao mòn; lại thuận theo tự nhiên, dốc lòng bảo toàn bản tính chân thực Trời phú cho ta, đặt tới chỗ rất mực mềm mại thuận hòa, có thể như đứa trẻ sơ sinh, không tình dục, không ham muốn gì chăng ? ắt « vật » trọn vẹn mà « tính » giữ được.

Địch 涤 : 1 — Rửa sạch

2 — Quét

Trừ 除 : Bỏ đi

Huyền 玄 1 — U viễn 幽遠 : sâu xa.

2 — Mù mịt tối tăm

(10) Xem những lời chú thích ở trên ta thấy các học giả không đồng ý với nhau về nghĩa mấy chữ *Tái*, *Doanh* *phách* và *Bảo nhất*. Kẻ hậu học không dám vô đoán, theo ý riêng mình, nên cứ trình bày ra đây hết cả, rồi tóm lại một ý chung tổng quát, có thể coi là gần nhất nguyên văn.

3 — Chỗ rất mực cùng cực của vật (theo Vương Bật)

Lãm 覽 : Xem

Huyền lãm 玄覽 : a) Lòng ở chỗ sâu xa, mờ mịt huyền diệu, mình mà biết hết vạn vật, cho nên mới nói là « cái xem u huyền », cái hiểu biết sự vật đến cùng cực (tham khán Hà-thượng công và Vương Bật)

b) Cái gương (tấm kiếng) siêu hình, trở tâm thề (theo Trương Mặc)

Tỳ 疵 1 — Bệnh

2 — Lầm lỗi

3 — Vết (như trong thành ngữ: suy mao cầu tỳ 吹毛求疵) bói lông tìm vết)

Diệt trừ huyền lãm, năng vô tỳ hồ.

Câu này có thể hiểu theo hai lối :

a) Theo Trương Mặc : gột rửa, trừ bỏ những bụi bậm, xấu dở bám vào tấm gương siêu hình « huyền lãm » khiến cho nó trở lại trong suốt sáng ngời, không gợn chút bụi nhơ, vẩn đục. Tấm gương siêu hình ấy tức là tâm thề, ta có thể tẩy rửa cho nó không bệnh, không vết được chăng.

b) Theo Vương Bật : Nếu biết gột bỏ, diệt trừ hết sạch mọi vẩn đục cong queo, tới chỗ xem thấy hiểu biết cùng cực « vật » không lầm lạc được « thần », trí sáng suốt không bị « vật » hạn chế, trở ngăn ắt sẽ « cùng một » với cái sâu xa huyền diệu.

Chủ trương của Lão-tử là « *tuyệt thánh khí trí* 絕聖棄智 » dứt thánh, bỏ trí », (lấp tắc sáng suốt), vậy lời giải của Vương Bật có vẻ xác đáng, vì ta có gột rửa được hết cái biết thì mới thông cảm được với Đạo nhiệm mầu.

Trí thức càng sâu sắc tinh vi, càng cản trở, ngăn cách Đạo và Ta ở đây cái « thông minh hiểu biết » không những vô ích mà lại có hại cho Lòng ; vì muốn đạt tới Thái-Cực, Tuyệt-đối, ta không thể ứng dụng các luật lý trí phổ thông mà ta phải dùng phương pháp siêu hình thuần nghiệm (11).

Ái dân trị quốc, năng vô tri hồ

Chuyên dùng phép hay thuật khéo để cầu nên việc, mưu mẹo tính toán để cầu trốn, giấu, ấy là việc làm của kẻ « trí ». Nay sửa sang việc nước, nếu có thể « *tuyệt thánh khí trí* » 絕聖棄智, ruồng bỏ hết

(11) Xin xem lại phần Tổng bình, chương I (nhất là phần mục a) trong mục II, nói về Phương Pháp)

thông minh, khéo khôn, hiểu biết ắt dân sẽ không cần đến hình pháp nước được trị yên.

Đây là giải theo Vương Bật, giữ nguyên nghĩa bốn chữ « *năng vô tri* 能無知乎 »; còn nếu theo Trần Trụ, Trương Mặc, đổi « *vô tri* 無 » ra « *vô vi* 無爲 » (xem lời chú số 6 ở trên, cùng chương này, nghĩa câu thành ra : « yêu dân, sửa yên việc nước, có thể không làm hỏng », đúng với chủ trương « *vô vi trị* 無爲治 » ta đã từng thấy ở chương III, câu chốt : « *vi vô vi, tắc vô bất trị : 爲無爲則無不治* »

Thiên môn 天門 : 1 — Cửa trời.

2 — Trở nơi do từ đó mà thiên hạ đều theo (theo Vương Bật)

3 — Miệng, mũi, mắt, tai ... là cơ quan, cửa ngõ cảm giác của trời (theo Trương Mặc)

Khai hạp 開闔 : Mở đóng.

Thiên môn khai hạp :

1 — Trở cái khoảng sửa sang có trật tự yên ổn hay bối rối lộn lộn không yên, hoặc mở ra, hoặc đóng lại trong suốt khắp cả thiên hạ theo Vương Bật).

2 — Theo nghĩa « *Nhất hạp nhất tịch* » — 闔 闔 : một đóng, một mở » trong kinh Dịch, trở ý luân lưu đắp đổi đóng lại, mở ra, như Âm Dương, Trời Đất, trong cuộc muôn vật biến đổi tuần hoàn.

3 — Trở sự vận dụng các cảm quan hoặc cũng trở sự vận dụng Tâm lý (theo Trương Mặc)

Vi thư 爲雌 : Làm con mái. Con mái chỉ ứng theo, đáp theo. mà không khởi xướng ; chỉ nương dựa duyên theo mà không tự mình làm.

Thiên môn khai hạp năng vi thư hồ.

Vậy trong câu này, dù ta hiểu theo Vương Bật là (a) việc đời biến trị sang loạn, hay từ loạn sang trị, hoặc (b) theo nghĩa vận hội (như trong kinh Dịch) : trời Đất, Âm Dương tuần hoàn mở đóng, đắp đổi luân hồi, hoặc (c) theo Trương Mặc, là : giác quan, tâm trí tác động, chuyển động trong đời sống hằng ngày thì ta vẫn phải làm con mái.

Làm con mái, giữ đạo mái, tức là thụ động, thuận theo tự nhiên, không tích cực phản ứng, tức là « *trong lặng không làm* » (thanh tĩnh vi).

Minh bạch tứ đạt, năng vô vi hồ.

a) Ý nói ; (Trí) rất sáng, tới khắp mọi nơi, không lằm lạp, nghi ngờ

có thể không lấy, không dùng (trí ấy) để làm gì chẳng ? ắt vật tự biến đổi vậy. Đạo vốn thường không tác động. Nếu bậc Vương, Hầu (bậc người điều khiển việc nước) biết giữ theo như thế, nghĩa là theo phép « vô trí, vô vi trí » ắt vật tự nó hóa sinh theo với Thiên nhiên (theo Vương Bật).

b) Đối với Đạo đã có thể thấu suốt đến chốn, đến nơi, hiểu biết rõ ràng không một chút nghi ngờ ; đối với nguyên lý sự, vật đã có thể « xúc loại bàng thông 觸類旁通 » (12) thì tự nhiên không cần dùng tới cái hiểu biết, khôn khéo riêng tây, mà bậc Thánh nhân trở nên ngu dốt (vô trí 無知 phải hiểu là vô trí 無智) (Theo Trương Mặc).

Trên đây là hai lối giải của Vương Bật và Trương Mặc. Họ Vương giải chữ vô vi 無為. Họ Trương tham khảo các bản, đổi ra vô trí 無知 (nghĩa là vô trí 無智), viện lẽ rằng nghĩa câu như thế mới thuận. Vương Bật nói ; kẻ cầm quyền trị nước thì theo Đạo mà không hành động. Trương Mặc thì nói : kẻ đã giác ngộ Đạo lớn, không dùng tới cái « biết » riêng tây.

Tuy hai bên nói có vẻ khác nhau, song trong chỗ « tiêu dị », ta vẫn nhận thấy điểm « đại đồng », vì Lão tử hằng chủ trương « khí trí », « vô vi », thì bậc Thánh nhân ắt « bỏ biết », « không làm », chung quy vẫn là muốn noi theo Đạo thôi.

Và lại xét cả Chương X ta thấy từ « Ái dãn 愛氣 » trở xuống là phép trị nước. Theo Vương Bật : Trị nước không dùng trí thuật (vô trí), thuận Trời hành Đạo (làm con mồi), sáng khắp bốn cõi, không làm (vô vi) mà vật tự nó sinh sống yên ổn ; lời giải như cũng không tới nghĩa chút nào.

Sinh chi, súc chi; sinh nhi bất hữu, vi nhi bất thị, trường nhi bất tử, thị vi huyền đức.

Sinh chi 生之 : Không lấp mất nguồn

Súc chi 畜之 : Không ngăn cản, cấm giữ bản tính thiên nhiên.

Đã không lấp nguồn, vật tự nó sinh ra, hỏi ta có công gì ? Không cấm giữ bản tính thiên nhiên, vật tự vớt tự chở lấy mình, hỏi ta có làm gì đâu mà ý cậy ? (13) Vật tự nó lớn, tự nó đủ, không phải do ta làm chúa cai trị, gây nên, làm thành ra nó... Tự nó có « đức », không ai làm « chủ » đức ấy há chẳng nhiệm mầu, huyền diệu hay sao ?

(12) Nhìn nhận thấy sự, tình cùng giống nhau mà suy rộng ra đi có một ý niệm bao quát suốt khắp cả.

(13) Ý trong đoạn này, ta đã thấy ở cuối Chương II, từ « Vạn vật tác yên... 萬物作焉 »... trở xuống.

Phàm nói *huyền đức* 玄德 (14) — đức sâu xa nhiệm mầu — đều là nói « có đức mà không biết chủ của nó là ai ? ở đâu ? Nó phát ra tự chỗ mật mờ, u minh, sâu thẳm » (theo Vương Bật).

ĐẠI Ý KIỂM TỔNG BÌNH

Chương này gồm ba đoạn :

Đoạn A nói cách trị thân,

Đoạn B nói cách trị thế,

Đoạn C nói kết quả thâm lược được, sâu rộng ra khắp vũ trụ ; thứ bậc, từng lớp rất mực rõ ràng.

A : Trị thân (từ : Tái doanh phách ... đến : Vô tỳ hồ)

1º) Hằng giữ cho hai phần « khu xác » và « linh hồn » hết sức điều hòa,

2º) Thống nhiếp ý khí, bảo toàn bản tính thiên chân ôn hòa, mềm mại, thuần phác như đứa trẻ sơ sinh, không lúc nào lìa xa Đạo thể.

3º) Quét sạch bụi bặm, xấu dở, khiến tâm thể trong suốt sáng ngời như tấm gương không mây may vẩn đục, ruộng bỏ hết mọi cái khéo khôn hiểu biết vốn chỉ là tà sức (15), để có thể cảm thông được với Thái-Cực bằng phép thuần nghiệm siêu hình.

Tóm lại, trị thân gồm ba điểm : 1º) linh nhục điều hòa, 2º) hàm dưỡng thiên chân, 3º) tuyệt thánh khí trí, để giữa Tâm và Đạo, không có sự ngăn cách chia lìa ; ta thấy ở đây cả một chương trình « vệ sinh » của người theo Lão học.

(Về sau, phái Tu - Tiên, Luyện-khí, tìm phép trường sinh bất lão, đã hiểu đoạn văn trên này theo chủ trương lập trường của họ. Do vậy những danh từ như « chuyên khí » và « anh nhi » đều có ý nghĩa riêng. Chuyên (吐納) khí trở phép hút thở khí trời (thở nạp (16) 吐納) để được sống lâu. Anh nhi trở đứa bé tinh thần kẻ tu đạo theo phép luyện nên ; nó sẽ lớn dần, và khi nó trưởng thành (có tính chất thuần dương) ấy là lúc người tu luyện phi thăng, vào làng bất tử.)

(14) *Huyền đức* cũng có nghĩa là *Đại đức* 大德 (đức lớn), *Chỉ đức* 至德 (đức rất mực, cùng cực), (theo Trương Mặc).

(15) *Tà sức* 邪飾 : những cái điểm trang, văn vẽ vờ vời thêm, không chính đáng, chita lòng, hại Đạo (trở sự khôn khéo, hiểu biết gây ra và xâm chiếm tâm lòng máy móc của người đời.)

(16) *Miệng nhả hơi đục, mũi hít khí trong.*

B — Trị Thế (từ : *Ái dân* ... đến : *vô vi hồ*).

Phép sửa đời theo ba nguyên tắc :

a) Yêu dân, tuyệt thánh khí trí, bỏ hết phép hay, thuật khéo dùng lối « vô vi trị »;

b) Thụ động trước các cuộc biến chuyển, vì phế hưng trị loạn chẳng qua cũng là theo lẽ rất tự nhiên : doanh hư tiêu trưởng, vãng phục tuần hoàn.

c) Đã tới bậc « biết lớn » (đại giác) thì không làm, không dùng cái biết theo ý riêng, mà chỉ thề theo Đạo Tự nhiên, mặc cho muôn vật tự sinh hóa hợp với bản tính của mỗi loài ;

Như vậy, phép trị thế gồm trong mấy chữ : « yêu dân, không biết, làm con mồi, không làm », ta thấy chủ trương Lão tử vẫn trước sau như một.

C — Kết quả (từ : sinh chi ... đến : huyền đức) Thực là sâu rộng.

Phó mặc muôn vật theo tính tự nhiên, mà sinh hóa, lại nhân tùy theo bản tính mỗi vật mà nuôi lớn ; đã thế, cái sinh là do vật tự sinh, cái làm là do vật tự làm, mà cái lớn cũng do vật tự lớn, ta chưa từng có công lao can thiệp hoặc làm chủ tể ; nếu ta lĩnh hội và thực hành được nguyên tắc ấy, ta với Đạo cùng chung một thể, Đức của ta lớn biết chừng nào !

Tóm lại, trị thân, trị thế cùng một nguyên lý như nhau : trị thân nên thuận theo sinh lý tự nhiên, giữ lấy Thiên Chân của mình ;

Trị thế nên thuận theo vật lý của mỗi loài, giữ cho chúng không mất Bản tính thiên nhiên ;

Kết quả hai phía trong ngoài :

trị thân ta trở nên người *Chi đạo* 至道
và trị thế ta trở nên người *Chi đức* 至德

PHỤ LỤC

Trống kinh Nam-Hoa của Trang-Tử, thiên Canh Tang sở có (17) chép :

Nam Vinh Trừ hỏi Lão tử : « ... Như Trừ nghe Đạo Lớn, cũng ví như uống thuốc đề cho ốm thêm ! Trừ xin được nghe phép thường vệ sinh mà thôi ».

(17) *Nguyên văn chữ Hán* : ... Nam Vinh Trừ viết : ... «

Lão tử nói : « Phép thường vệ sinh :

Có hay biết ôm giữ được một chẳng ?

Có hay biết chớ bỏ mất chẳng ?

Có hay biết không bó (rùa - cỏ thì) mà biết lành dữ chẳng ?

Có hay biết dừng lại chẳng ?

Có hay biết thôi đi chẳng ?

Có hay biết bỏ ở người mà cầu ở mình chẳng ?

Có hay biết vội thoắt qua chẳng ?

Có hay biết ngay ra, không biết gì chẳng ?

Có hay biết trẻ con chẳng ?

Trẻ con suốt ngày gào khóc mà cõ họng không khan, vui hòa cùng cực vậy ! suốt ngày tay nắm lại mà gân tay không mỏi, chết nắm đức nó vậy ! suốt ngày nhìn mà mắt không chớp, không lệch ở ngoài vậy ! Đi không biết nơi đi, ở không biết làm gì ; cùng với vật ung dung tự đắc, cùng theo sóng vật, ấy là phép thường vệ sinh ».

Nam Vinh Trừ nói : « Như vậy, ắt đã là đức của bậc chí nhân chẳng ?

— Không phải. Đây mới là cái gọi là « băng tiêu, giá tan » ! Ôi ! bậc Chí nhân cùng người giao tiếp : ăn với đất, vui với trời. Không lấy người, vật, lợi, hại cùng vướng mắc ; không cùng làm tai quái, không cùng bày đặt mưu mô ; không cùng làm công này việc nọ ; vội thoắt mà qua, không biết gì mà đến ; ấy gọi là phép thường vệ sinh mà thôi.

— Vậy đã là cùng cực chẳng ?

— Chưa ! Ta vốn đã bảo người : « Có hay biết trẻ con chẳng ? » Trẻ con động không biết làm gì ; đi không biết đi đâu ! Mình như cành cây khô, lòng như tro nguội. Kẽ như vậy, điều tai vạ cũng không đến, điều tốt lành cũng không lại, họa phúc đã không có, sao còn có tai vạ của người ? »

« ... Nhưng Trừ chỉ vấn đại đạo, thì do ằm được dĩ gia bệnh dã. Trừ nguyện vấn vệ sinh chi kinh nhi dĩ hỹ. »

Lão tử viết : « Vệ sinh chi kinh, năng bảo nhất hồ ? năng vật thất hồ ? năng vô bốc phệ nhi tri cát hung hồ ? năng chỉ hồ ? năng dĩ hồ ? năng xả chư nhân nhi cầu chư kỳ hồ ? năng dựu nhiên hồ ? năng đồng nhiên hồ ? năng nhi tử hồ ? nhi tử chung nhật hào nhi ách bất xá, hòa chi chí dã ; chung nhật ác nhi thủ bất nghệ, cùng kỳ đức dã ; chung nhật thị nhi mục bất thận, thiên bất tại ngoại dã : hành bất tri sở chí, cư bất tri sở vi ; dữ vật uy gi nhi đồng kỳ ba, thị vệ sinh chi kinh, dĩ. »

(Phỏng theo Trang tử Nam Hoa Kinh : bản dịch của Nhượng Tống (trang 364-365). — Nhà xuất bản Tân Việt Hà-nội 1945)

Đọc đoạn văn trên, ta thấy đều là lời Trang-Tử giải nghĩa Lão tử. Hai chữ « Bảo nhất » và « Vật thất » của Trang tức là hai chữ « Bảo nhất » và « Vô ly » của Lão, ý nói thần hồn trong trẻo, duy nhất, không mê muội bởi vật ngoài.

Nếu ta cứ tiếp tục so sánh hai bên Lão, Trang, ta sẽ thấy còn nhiều câu ý nghĩa tương đồng ; sau đây xin lập thành bản đối chiếu để tiện việc tỷ giáo :

LÃO

Chuyên khí chi nhu

Địch trừ huyền lâm năng vô tỳ hồ!

Ái dân trị quốc năng vô vi

Thiên môn khải hợp năng vô thư

Minh bạch tứ đạt năng vô tri ...

TRANG

Nhi tử chung nhật hào nhi ách
bất xá, hòa chi chí dã. Chung nhật
ác nhi thủ bất nghệ, cùng kỳ đức dã.

Vô bốc phệ nhi tri cát hung.

Xả chư nhân nhi cầu chư kỷ.

Giao thực hồ địa, giao lạc hồ thiên.

Nhi tử động bất tri sở vi, hành
bất tri sở chi..

vân vân...

Đoạn văn trên này của Trang chủ ý nói về phép Vệ sinh mà ở đây Trang đã phác họa ra cả một chương trình; nhìn qua chương trình

*Nam Vĩnh Trừ viết; « Nhiên tắc thị chí nhân chi đức dĩ hồ
— Viết; Phi mất dã. Thị sở vi bạng giát, đồng thính dã. Phù!
chí nhân dã, tương dữ giao thực hồ địa nhi giao lạc hồ thiên; bất
dĩ nhân vật lợi hại tương anh, bất tương dữ vi quái, bất tương dữ
vi mưu, bất tương dữ vi sự, dựu nhiên nhi vãng, đồng nhiên nhi
lai, thị vi vệ sinh chi kình dĩ.*

— Viết : nhiên tắc thị chí hồ?

— Viết : Vĩ dã. Ngô cố cáo như viết : Năng nhi tử hồ ? Nhi tử
động bất tri sở vi, hành bất tri sở chi; thân nhược cảo mộc chi chi
nhi tâm nhược tử hôi. Nhược thị dã. họa diệc bất chí, phúc diệc
bất lai. họa phúc vô hữu, ô hữu nhân tại dã »

(Trang tử tuyệt. Nam Hoa Kinh, tạp thiên; Canh Tang sở đệ nhất)

ấy, ta thấy rõ ràng nguyên tắc chính chỉ là « sống theo Tự nhiên ». Trong Đạo Đức Kinh, Chương X, Lão tử cũng chủ trương không khác gì Trang tử.

Phụ giải sơ lược một vài chữ

Băng giải đông thích 冰 解 凍 釋 : băng tiêu, giá tan : « Chân tính » con người vốn trong như nước cái học văn, hiểu biết che lấp, đọng, kết lại, nước trở nên như giá, băng. Vệ sinh là gì, nếu không phải là trừ bệnh, cho bản thể giữ được đức « thuần toàn », trở lại với thiên nhiên, như nước trong, sau khi ta đã làm tiêu tan băng, giá ...

Giao thực hồ địa, giao lạc hồ thiên : 交 食 乎 地 交 樂 乎 天
Cùng người giao tiếp : ăn với đất, vui với trời.

Cày lấy mà ăn, đào giếng mà uống, cùng mọi người giao tiếp. sống với đất, vui với thiên nhiên, thuận theo mệnh Trời.

Đọc đoạn văn trên này, ta thấy chỗ « dùng » của Trang là ở bốn cái không;

Không mắc họa trời;

Không để cho « vật » vương vít vào thân,

Không trái, không phạm lỗi với người đời,

Không khiến cho quý, thần oán trách; mà thôi vậy.



KHAI-LUẬN VỀ THỜI ĐẠI TRIẾT-GIA

Ở TRUNG - QUỐC

NGUYỄN-ĐĂNG-THỰC

Khởi điểm của thời đại. — Mãi cho tới nhà Chu 1.122 trước Thiên - Chúa, văn minh Trung - Quốc mới thật biểu hiện cá tính của nó. Khổng - Tử nói ở Luận - Ngữ :

« Chu giám ư nhị đại úc úc hồ văn tai, ngô tông Chu.

— Nhà Chu nối dõi theo hai triều đại là nhà Hạ và nhà Ân, lễ văn rực rỡ thịnh lắm thay, ta theo nhà Chu. »

Trong tinh thần của Khổng - Tử, văn - hóa nhà Chu sẽ dùng để truyền đạt tinh thần các thánh hiền đời trước và mở đường cho tương lai, như Ngài tuyên bố :

« Ân nhân ư Hạ lễ, sở tồn ích khả tri dã. Chu nhân ư Ân lễ, sở tồn ích khả tri dã. Kỳ hoặc kế Chu giả. Tuy bách thế khả tri dã.

— Đời xưa nhà Ân coi lễ nhà Hạ có điều nhân theo, có điều hêm bớt, xem đấy có thể biết được. Nhà Chu xem lễ nhà Ân, có điều nhân theo, có điều thêm bớt, xem đấy có thể biết được. Lấy việc ba đời mà suy xem. thời hoặc có đời nói nhà Chu, những điều sở nhân sở cách hằng qua như thế, dầu trăm đời về sau cũng biết hết được, chẳng hững 10 đời mà thôi. »

Như thế, theo sách Luận - Ngữ, Khổng - Tử suốt đời cố gắng để nối dựng lại sự nghiệp của Vua Văn và của Chu - Công, hai nhà sáng lập ra nhà Chu.

Tài liệu đề biết rõ về văn - hóa nhà Chu khi mới thành lập vào tới thời kỳ Khổng - Tử xuất hiện 551 - 479 trước Thiên - Chúa thì thiếu ần, vì sử - ký không có gì là của tư nhân, ngoài những ghi chép của chính quyền. Mãi đến thời kỳ chế độ nhà Chu bắt đầu tan lìa thì mới thấy

xuất hiện những nhà giáo và học phái thiết lập những giáo lý riêng. Bởi vậy mà Khổng - Tử đã có công lớn để lại cho hậu thế về các đời trước.

Thời kỳ cổ đại Trung-Quốc là thời đại thuộc về chế độ quý tộc, trong đó người cầm chính quyền thống trị cũng đồng thời là hạng giàu có phú hữu và riêng có độc quyền về giáo hóa học tập. Nói một cách khác thì trật tự chính - trị và kinh - tế với trật tự học thức là một, cho nên tư tưởng chính thống với tư-tưởng học phái không có gì là phân biệt. Giai cấp quý tộc thống trị mắc bận với vấn đề chính trị không còn có thì giờ để viết sách vở. Quyền hành trong tay, họ chỉ phải thi hành các lý tưởng của họ nếu có. Về sau căn cứ vào những hành động ấy người ta ghi chép để dùng vào việc huấn luyện chính trị. Như vậy thì lúc ấy người ta không thấy có nhu cầu về văn-thư sách vở gì lắm. Những văn thư sách vở ấy chỉ bắt đầu viết ra chừng nào không có thể hành động ra thực tế. Đây là thái độ đặc biệt chung cho nhiều học phái triết-học của Trung-Quốc cổ đại.

Tuy nhiên, triết học nếu phải là một sự biểu thị của tư tưởng có thống hệ thì cần được biểu thị trong những sách vở riêng của cá nhân. Trước thời kỳ Khổng-Tử ra đời, người ta không thấy có những loại sách vở như thế. Tuy rằng Khổng-Tử chính Ngài cũng không viết sách một tác phẩm văn chương nào nhưng chúng ta biết chắc rằng có một thời kỳ trong cuộc đời của Ngài không giữ trách nhiệm trong chính giới hay bận vào ngành hoạt động nào khác, thì Ngài có chuyên chú trình bày những giáo lý của mình cho đệ tử. Đây là một thái độ đặc biệt của Khổng - Tử mà trước Ngài thì không thấy có. Khổng-Tử, theo những điều chép lại của đệ tử ngài còn để lại thì là người đầu tiên đã phổ diễn một tư tưởng có hệ thống. Bởi vậy mà Ngài thực đã chiếm địa vị tiên phong trong lịch sử triết-học của Trung - Quốc, và sau này người ta đã suy tôn Ngài lên bậc Vạn - thế - Sư, tuy cũng khó ngoài ngôn nhưng xét kỹ cũng có phần đúng sự thực. Vậy người ta phải nghiên cứu Khổng - Tử trước tiên trong lịch sử triết học Trung-Quốc, vì trước Ngài có lẽ không làm gì có một hệ thống tư - tưởng nào ở Trung - Quốc đáng gọi là triết học cả.

Đây là một lý do, còn lý do nữa đòi người ta bắt đầu bằng Khổng-Tử trong triết-học sử Trung-Quốc, ấy là lý do thuộc về xã-hội tính của Trung-Quốc thiên về luân-lý, gia-tộc, tôn-giáo, tổ-tiên, vốn là tinh thần truyền thống của Trung-Quốc. mà đại biểu cho tinh thần này là Khổng-Tử, Nho-học.

Nguyên-nhân của sự phát triển về triết học ở thời kỳ này.

Trong các thời đại của lịch-sử triết-học Trung-Quốc, thì thời đại Tiên-Tần hay thời đại các triết-gia đáng giữ một địa vị thứ nhất, hoặc vì lý do học phái phong phú phần thịnh, hoặc vì có nhiều vấn đề được đem ra thảo luận, hoặc vì tính cách đại qui mô của học phái, sự tìm hỏi sâu xa, hoặc vì sinh khí chung trong sự biểu lộ của tư tưởng triết-học. hẳn rằng như thế phải có nguyên nhân đặc biệt làm cho thời đại ấy có tính cách độc nhất vô nhị. Bác sĩ Hồ-Thích trong Trung-Quốc triết-học sử-dại-cương, cho rằng vì chính thể tối tăm, xã-hội mù mịt, trật tự hỗn độn, giàu nghèo quá chênh lệch, đời sống của nhân dân cùng cực, cho nên tự nhiên có nhiều loại tư tưởng đua nhau xuất hiện đề đối phó với thời thế.

(Trích dẫn Hồ-Thích)

Nhưng thiết tưởng trong lịch-sử Trung-Quốc, những điều kiện xã-hội như thế không phải là hiếm, mà sao chỉ thời Xuân-Thu Chiến-Quốc tư tưởng mới có tính cách duy nhất vô nhị. Như vậy thì những điều kiện xã-hội ấy không đủ để giải thích cá tính độc nhất của tư tưởng triết học Tiên-Tần.

Trong lịch-sử Trung-Quốc, giai đoạn bắt đầu từ Xuân-Thu (722-481 tr. T. C.) cho tới đầu nhà Hán (206 tr. T. C. — 220. s. T. C) là một giai đoạn giải phóng toàn thể, trong đó chính thể, tổ-chức xã-hội, cơ cấu kinh-tế thay đều giao động tận gốc rễ. Nhà Chu khai sáng là thời kỳ giai cấp quý-tộc phong-kiến thống trị, trong đó mỗi một nước phong-kiến hoặc là một chư-hầu do nhà Chu trung ương cắt đất cho, hoặc là một nước vốn có từ trước nhà Chu. Các Vua chư-hầu hay Vương-Công thế phiệt ở trong các nước phong kiến ấy thay đều là những thủ tục của các thế gia thống trị, truyền tập chính quyền cha truyền con nối đời đời, trong khi ấy nhân dân không được tham dự một mảy chính quyền gì hết. Sách *Tả-Truyện* nói : vào khoảng 535 tr. T. C. rằng :

« Cũng như ngày thì phân chia thành 10 giai đoạn một, người ta cũng chia làm 10 cấp. Do những cấp bậc ấy mà người dưới phụng sự người trên của chúng. Người trên làm trọn bổn phận của mình đối với quý thần. Bởi vậy cho nên Vua trung ương có thần tử là Vua chư hầu, chư hầu có thần tử là Công-Khanh. Công-Khanh có thần tử là quan chức của mình. Quan chức có thần tử là ty chức. Ty chức có thần tử là vô số các quan lại nhỏ. quan lại nhỏ có thần tử là phò tá. Phò tá có thần tử là nhân viên của

mình. Nhân viên có thần tử là bộc lệ. Bộc lệ hay nô bộc có kẻ phục dịch, ngựa có kẻ chăn ngựa, trâu bò có kẻ chăn giắt. Và như thế mọi vật đều có dự định cả.

« Thiên hữu thập nhật, nhân hữu thập đẳng. Hạ sở dĩ sự thượng.

« Thượng sở dĩ cung thần dã. Cổ Vương thần công, Công thần Đại Phu. Đại-Phu thần sĩ, sĩ thần tì, tì thần dư, dư thần lệ, lệ thần liêu, liêu « thần bộc, bộc thần dài.

« Mã hữu vi, ngư hữu mục, sở dĩ đãi bách sự.

Tổng chi năm giai cấp.

1º) Vua. 2º) Chư - Hầu. 3º) Đại - Phu. 4º) Sĩ. 5º) Thứ - dân.

Với một chính thể như thế do giai cấp quý tộc nắm giữ quyền thế tập cha truyền con nối đời đời về chức vụ và phong ấp thì tổ chức xã-hội không thể nào lại không xếp đặt theo cấp trật trên dưới nghiêm khắc được.

Kịp đến thời kỳ Chiến - Quốc 403-221, tr T.C. thì đặc điểm là sự suy đồi tan rã dần dần của chế độ phong kiến, nhiều dấu hiệu thay đổi trong chế độ xã-hội so với chế độ nghiêm khắc chặt chẽ lúc đầu. Hiện tượng này một mặt biểu lộ ra bằng sự có nhiều hạng người ở thời đại Chiến-Quốc xuất thân bần tiện ti tiện mà chiếm địa vị trọng yếu trong trường chính trị, còn một mặt khác thì lại có nhiều nhà gia thế mất địa vị xã-hội. Phong trào này đi đến cực độ vào khoảng năm 221 tr.T.C. Khi Tần-thủy-Hoàng thành công trong việc thống nhất Trung-Quốc vào quyền bính tập trung của nhà Tần, còn các thế gia chư hầu khác thì phải dẹp xuống hạng thường dân. Đây là chế độ phong kiến cáo chung ở Trung-Quốc.

Trong khoảng những năm nội chiến theo sau cái chết của Tần-Thủy Hoàng 221 sự thực lại cũng còn một số thế gia cũ nắm được quân đội và trở nên quyền thế. Và đến khi công cuộc thống nhất trở nên hiệu nghiệm ở dưới nhà Hán, thành lập vào năm 206, thì vua Thế-Tô nhà Hán tuy giòng dõi áo nâu bần dân, cũng đã đề cho chế độ phong kiến sống lại bằng sự phong ấp cho những công thần và bà con mình, cũng là một số quý tộc cũ vẫn giữ địa vị. Nhưng chế độ phong kiến sống lại này, chẳng qua chỉ là cái bóng của chế độ phong kiến xưa, mặc dầu sau cuộc đảo chính của quý tộc xảy ra 154 B.C., chế độ phong kiến có những luật lệ hạn chế, ví dụ như luật cho tất cả các công khanh đại-phu trực tiếp với Hoàng-Đế. Sự đảo thái chế độ phong kiến còn bị một đòn chí

từ cuối cùng là chế độ thi cử lập ra dưới triều Vũ-Đế 140-87 tr.T.C. Từ đấy về sau chế độ phong kiến hầu hết cáo chung.

Chúng ta thấy bằng chứng của chế độ phong kiến bắt đầu đồ nát ngay trong thời Xuân-Thu ví như chuyện Ninh-Thích một anh đánh xe bò, trong khi chân bò đã được Tề-hoàn-Công (685-643) chú ý mà được cất lên có địa vị, hay là Bách-lý-Hề đương làm tù binh được Tần-mục-Công (659-621) chuộc với giá bộ da dê và rồi trở nên quân sư. Và Huyền-Cao là lái buôn nước Trịnh, một bước nhảy lên vũ đài, kiến công lập nghiệp. Trong khi ấy thì cũng có suy đồi của địa vị quý tộc. Trong Tả-Truyện có kể ra tám họ, vốn giòng giới thế gia của nước Tần bị rơi xuống địa vị thường dân. Việc ấy xảy ra vào khoảng 539 tr. T. C. Chính Không-Tử cũng thuộc giòng giới quý tộc ở nước Tống, vì nghèo khổ mà phải nhận chức giữ kho và trông coi công điền công thổ đều là chức tỳ tiều. Những việc ấy chứng tỏ thế gia quý tộc mất dần địa vị và trở nên thường dân như thế nào vậy. Nền móng qui chế của tổ chức cấp trật trong xã-hội phong.kiến cũng dần dần lỏng lẻo cho đến khi thành lập triều đại nhà Hán, thì một người trong hàng bình dân đã có thể trở nên Hoàng Đế.

Mật thiết liên quan với chế độ phong kiến về chính-trị xã-hội thì có chế độ kinh tế, quen gọi là chế độ điền địa 井田, theo đấy tất cả đất đai đều chia ra thành những khu ruộng rộng lớn, mỗi khu lại chia làm chín mảnh. Mỗi một trong tám mảnh ở chung quanh thì thuộc vào các gia đình cấy cấy cho riêng mình, còn kết quả của mảnh thứ chín ở giữa do các gia đình cộng tác cấy cấy thì nộp về cho nhà Chúa để xử dụng. Theo chế độ điền địa ấy tất cả, đất đai đều là của riêng của nhà Vua Chúa, như Thi-Kinh nói :

« Bạc thiên chi hạ mạc phi vương thổ, suất thổ chi tài mạc phi vương thần. (Tiêu-Nhã)

Khắp cả dưới trời, đâu không là đất Vua ?

Đi suốt cả bốn đất, ai không là tôi vua ? »

Và Tả-Truyện cũng ghi chép vào năm 535 rằng : « Quyền trị vì của ngôi Thiên-tử thì bao trùm khắp cả thiên hạ. Các vua chư hầu cũng có giới hạn nhất định của họ. Đấy là chế độ cố hữu. Trong nước chư hầu và trong nước của nhà vua trung ương, không có mảnh đất nào là không thuộc về nhà thống trị. Tất cả mọi người sống ở trong ấy ai là kẻ không phải thần dân của vua ? »

Những danh từ Vương - thổ, Vương - thần mà về sau người ta coi như những khái niệm chính trị mà thôi, thì ở thời xuân-thu ấy dưới chế độ phong kiến, chúng còn có cả ý nghĩa kinh tế nữa. Và những tầng lớp trật tự xã-hội nói ở trên đây cũng vậy không phải chỉ có ý nghĩa chính trị mà cũng có cả ý nghĩa kinh - tế.

Tóm lại dưới chế độ phong kiến của Trung-Quốc cổ đại, Hoàng - Đế hay là Thiên - Tử, Vương - Hầu, Công - Khanh, Đại - Phu, tất cả đều là chúa tể của dân không những về chính trị mà còn về kinh tế. Và đến khi vua nhà Chu phong cho ngành nam trong thần thuộc đất đai, thì sự phong ấy gồm cả quyền chính trị lẫn quyền kinh tế. Những Vương, Hầu phong kiến ấy cũng lại chia đất kia cho người nhà mình, và người nhà mình lại chia đất kia cho dân cày cấy. Chính thứ dân không có đất của mình, và chỉ là những nông nô của các ông chủ kinh - tế chính trị của mình. Đây là tình trạng ghi chép về chính thể của thời đại ấy như ở trong sách Tả-Truyện và Quốc - Ngữ đã tả những hoạt động của một số quý tộc, đối với thường dân thì chúng là lao công cho chủ, ở thời bình và ở thời kỳ có chiến tranh thì chúng phải sẵn sàng hy sinh tính mạng. Sự quan hệ giữa nông nô và chủ quận đã được nhà Sử - gia Hạ - tăng - Hữu trong Trung - Quốc lịch-sử bàn luận về chế độ tì điền như sau :

« Sự thực về vấn đề này thì hẳn rằng đất đai là đặc quyền tư hữu của quý tộc và nông dân đều bị liên thuộc vào đất như hạng nông nô. Đây là căn bản của sự phân biệt giữa thường dân với hạng gọi là bách tính, vì ngoài bách tính thì nông nô không có tên. Chế độ ấy chấm dứt với Thương - Ương (mất năm 338 tr.T.C) thời nhà Tần đã có công xoá bỏ. Hành động ấy đánh dấu một giai đoạn tiến bộ xã hội.»

(Còn nữa)



CÂU CHUYỆN HỘ-TÌNH NHÂN-TẠO

NGUYỄN-CHUNG-TÚ

CÁC độc-giả còn nhớ cách đây vài tháng Tổng-thống Eisenhower có tiết-lộ rằng nước Mỹ sắp chế-tạo một hộ-tinh (1) và có thể phóng hộ-tinh đó lên trời cho chạy vòng quanh trái đất. Cố-nhiên Nga cũng vội vàng loan báo rằng họ cũng đang sửa-soạn « làm như thế ». Cứ kể ra đứng về phương-diện khoa-học thì đó là một điều đáng mừng khi các nước thi đua trong công việc khảo-cứu và sáng chế đề cho nền khoa-học càng ngày càng tiến-triển.

Dưới đây, tôi sẽ lần-lượt trình bày những đặc-diểm của hộ-tinh mà Hoà-kỳ dự định phóng lên không trung, phương pháp sẽ được dùng để bắn hộ-tinh đó và sau cùng là những điều phát minh vô cùng quý báu mà sự thám hiềm không gian bằng hộ-tinh sẽ mang lại cho nền khoa-học.

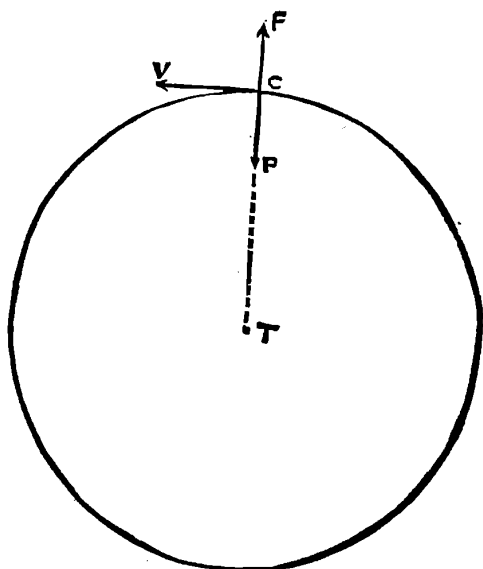
Nhưng trước khi bắt đầu câu chuyện, tôi muốn cùng độc giả ôn lại một bài học cũ.

o o o

Khi nào thì một vật có thể chạy vòng quanh trái đất ? Nếu ta ném một hòn đá thẳng lên trời, một lát sau hòn đá sẽ rơi xuống đất vì trọng lượng của nó kéo nó xuống. Người ta bảo là nó chịu sức hút của quả đất. Nhưng nếu ta ném hòn đá ngang mặt đất với một tốc độ V với ý muốn cho nó chạy quanh trái đất thì lúc vật vẫn chịu tác dụng của trọng lượng

(1) *Satellite artificiel*. Danh từ này mà dịch là « hành tinh nhân tạo » thì không đúng. Hành tinh là những thiên thể chạy chung quanh mặt trời như quả đất, hỏa tinh v.v... Còn hộ-tinh là những thiên thể chạy chung quanh các hành-tinh. Mặt trăng là hộ-tinh của trái đất. Hỏa-tinh có hai hộ-tinh. Mộc-tinh có tới 11 hộ-tinh v.v.v...

P của nó kéo nó xuống mặt đất, nhưng đồng thời nó cũng chịu tác dụng của một lực thứ hai, gọi là sức ly tâm F ngược chiều với P (hình 1)



Hình 1

Nếu F bằng P thì lúc đó vật sẽ không chịu sức hút của quả đất nữa và sẽ theo chiều tốc độ V chạy quanh trái đất. Trong lý luận trên, tôi không kể sức cản của không khí. Đó là một điều vô lý nếu vật ở gần mặt đất nhưng chúng ta đều biết cao quá 80 km tầng không khí rất loãng.

F có thể bằng P được không? Người ta chứng minh rằng:

$$F = M \frac{V^2}{R}$$

M là khối lượng vật, V là tốc độ của nó, R là khoảng cách từ vật tới tâm diềm trái đất. Vậy thời nếu vật có tốc độ

lớn thì sức ly tâm cũng sẽ lớn và có thể bằng trọng lượng của vật. Lúc đó ta có:

$$P = F$$

Ta biết rằng trọng lượng P một vật bằng khối lượng M của nó nhân với gia - tốc trọng lực g:

$$P = Mg.$$

Vậy
$$Mg = M \frac{V^2}{R}$$

Chia hai vế với M thì còn

$$g = \frac{V^2}{R}$$

Theo tài liệu về hộ tinh đang được khảo cứu bên Mỹ, hộ tinh sẽ được phóng thẳng lên trời, tới độ cao 320km hộ tinh sẽ đi ngang. Ở độ cao ấy, gia tốc của trọng lực là 8,83. Khoảng cách R từ hộ tinh tới tâm diềm trái đất bằng khoảng cách từ hộ tinh tới mặt đất nghĩa là 320km hay

320.000 mét cộng với khoảng cách từ mặt đất tới tâm diêm quả đất nghĩa là 6.366 km hay 6.366.000 m Vậy :

$$R = 320.000 + 6.366.000 = 6.686.000 \text{ mét.}$$

Biết g (bas de casse) và R thì tính V một cách dễ dàng. Ta thấy $V=7.684$ mét mỗi giây nghĩa là vào khoảng 28.000km một giờ.

Tóm lại nếu hộ tinh lên cao tới 320km rồi rẽ ngang với tốc độ 28.000 km một giờ thì hộ tinh sẽ chạy vòng quanh trái đất.

o o o

Hộ tinh nhân tạo mà Tổng thống Eisenhower loan báo có lẽ chỉ nặng độ 50kg, hình trụ, đường kính vào khoảng 30 cm, nghĩa là đại khái chỉ to bằng quả bóng rổ.

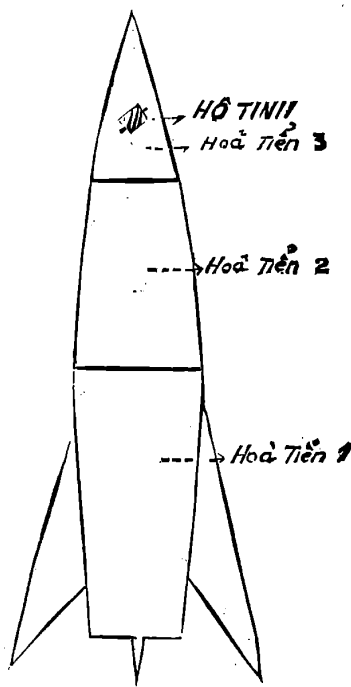
Trong hộ tinh có nhiều thứ máy nặng cả thảy độ 20kg. Những máy đó là máy gì ? Trước hết là các máy đo tia X phát ra từ mặt trời, tia ga-ma, tia vũ trụ, rồi đến máy ghi và máy vô tuyến điện khiến cho hộ tinh có thể liên

lạc với trái đất. Nhưng muốn cho các máy nói trên có thể hoạt động được thì phải có một bình ac-cu đi theo. Như thế cũng chưa đủ vì bình điện dùng được ít lâu thì hết điện. Phải tìm cách tiếp tế điện cho bình. Người ta đã nghĩ ra được một cách giải quyết rất tài tình là dùng một máy phát điện chạy bằng năng lượng ánh sáng mặt trời. Hộ-tinh sẽ lẩn tròn quanh trục của nó, một mặt bao giờ cũng hướng về mặt trời.

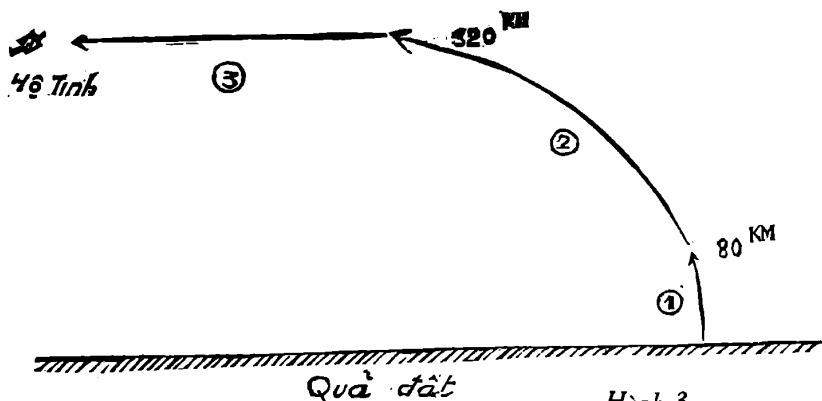
Thực ra người Mỹ muốn mắc vào trong hộ-tinh nhiều máy khác nữa nhưng chỉ sợ không đủ chỗ. Họ muốn chế và phóng ra nhiều hộ-tinh chứ không phải chỉ có một (từ 6 đến 10).

o o o

Bây giờ xét xem làm thế nào mà phóng được hộ - tinh lên trời ? Người ta dùng ba hỏa tiễn ghép vào nhau theo chiều cao, hộ-tinh ở trong hỏa tiễn trên cùng. (hình 2).



Người ta bắn tất cả bộ ba này lên trời theo chiều đứng thẳng. Tới độ cao 80 km, hỏa tiễn dưới cùng rút xuống tan vỡ và hỏa tiễn ở tầng giữa đây hệ thống đi theo một đường cong tới độ cao 320 km. Tới độ cao 320 km, hỏa tiễn này rút xuống tan vỡ và chỉ còn hỏa tiễn trên cùng (trong có chứa hệ tinh) đi ngang một quãng nữa cho đến khi tốc độ tới 28.000 km một giờ thì hỏa tiễn này cũng rút xuống tan vỡ nốt và chỉ còn một mình hệ-tinh chạy vòng quanh quả đất.



Hình 3

Quỹ đạo của hệ-tinh là một vòng tròn đồng tâm với trái đất ở trong mặt phẳng thẳng góc với đường xích-đạo, nghĩa là quỹ đạo đó có một đường kính đi qua hai cực bắc-nam của trái đất. Như vậy lúc nào hệ-tinh cũng nhận được ánh sáng mặt trời khiến cho các máy đo các tia phát ra bởi mặt trời lúc nào cũng có dịp hoạt động.

Vì hệ-tinh nhỏ quá nên không thể nào ta ngừng đầu lên trời mà có thể nhìn thấy nó được. Nó chạy quanh trái đất một vòng chỉ hết có :

$$\frac{\text{độ dài quỹ đạo hệ-tinh}}{\text{tốc - độ hệ - tinh}} = \frac{6686 \times 2 \times 3,14}{28.000} = 1 \text{ giờ } 30$$

nhưng vì quỹ đạo cố định mà quả đất lại quay quanh trục bắc-nam một vòng hết 24 giờ, nên chỉ khi nào ta đứng ở cực bắc hay nam thì cứ 1 giờ 30 ta mới « trông thấy » hệ-tinh (nếu mắt ta có thể trông thấy nó !). Còn ở các nơi khác trên trái đất phải đợi 24 giờ mới « trông thấy » nó một lần. Trong thời gian đó hệ-tinh chạy được 16 vòng và đã « bay » trên khắp các điểm của trái đất.

Hệ-tinh cứ lẩn tròn như thế quanh trái đất độ mười ngày rồi chịu sức cản của không khí (mặc dầu rất thưa thớt) hệ-tinh quay chậm dần thành ra

lực ly tâm giảm đi, trọng lượng của hộ-tinh kéo dần nó xuống gần trái đất sự cọ xát với không khí ở các tầng thấp làm cho hộ-tinh bốc cháy và tan vỡ.

o o o

Thực hiện chương trình này sẽ tốn hết bao nhiêu ? Theo sự dự tính của các nhà chuyên môn Mỹ thì phải có một số tiền khổng lồ tương đương với bốn trăm triệu đồng bạc Việt - Nam (400.000.000) mới có thể nghĩ đến chuyện phóng hộ tinh lên trời. Cố nhiên chỉ những nước cực kỳ phong phú mới dám có ý định phóng một hộ-tinh lên trời với một mục đích hoàn toàn khảo cứu.

Tuy nhiên nếu ta xét tới những tài liệu vô cùng quý báu mà hộ tinh trong khi lặn trên trời báo cho ta biết thì món tiền chi tiêu trên kia không phải là quá đáng.

Trước hết hộ tinh sẽ báo cho ta biết trong hàng mấy ngày hay mấy tuần liền nhiều chi tiết mới lạ về các tia tử ngoại (ultra-violet) tia X, tia an-pha phát ra từ mặt trời, hay các tia vũ trụ có lẽ từ các sao tới.

Ngoài ra cái lớp không khí càng lên cao càng thưa thớt có nhiều tính chất lạ lùng nhất là ở tầng trên mà chúng ta chưa biết rõ. Hộ tinh nhân tạo may ra sẽ mang lại cho ta những tài liệu chính xác hơn.

Có biết rõ vũ trụ nhiều hơn bây giờ thì chúng ta mới có hy vọng một ngày kia nghĩa là vào khoảng cuối thế kỷ này-vượt ra ngoài trái đất lên mặt trăng. Rồi dần dà tới các hành tinh khác, nhất là Hỏa tinh mà người ta đã nói đến nhiều và hình như đời sống trên đó dễ chịu hơn đời sống trên trái đất này !

o o o

Chúng ta tin tưởng ở sự tiến tới không ngừng của Khoa-học. Bây giờ nói đến cuộc « du Nguyệt diện » cũng như trước năm 1909 nói tới việc dùng phi cơ vượt qua bề Manche, hay trước năm 1927 nói tới việc dùng phi cơ vượt qua Đại tây Dương. Thế mà Blériot đã vượt qua bề Manche và Lindbergh đã vượt qua Đại tây Dương.

Nếu các nhà bác học giữ lời hứa thì trong bọn chúng ta những ai 50 tuổi trở xuống có hy - vọng nếu không chắc là hy-vọng du hành lên cung trăng ít ra cũng là hy vọng đọc báo hay nghe đài phát thanh, hay trông ở máy vô tuyến truyền hình thấy có người du Nguyệt diện.

Đời sống con người ta lúc đó không vì thế mà sung sướng hơn, trái lại có lẽ nhà ngoại giao lại bận tâm thêm về một vấn đề mới : « Chiến tranh lạnh trên mặt trăng ! ».

Một nhà nữ bác-học hai lần được Giải NOBEL : Bà CURIE

NGUYỄN-QUẢNG-TUÂN

MÙA thu năm 1891, một nữ sinh - viên Ba - lan, từ kinh - thành Varsovie tới Ba - lê trong một toa tàu hạng ba, đã ghi tên theo ban khoa - học của trường đại - học Sorbonne. Tên cô là Marie Sklodowska.

Thường thường, khi gặp người con gái đó, y - phục đứng - đắn và xoàng - xĩnh, vẻ mặt trang nghiêm, mái tóc nhẹ - nhàng, các sinh - viên đều ngạc - nhiên hỏi nhau : « ai đó ? ». Câu trả lời, nếu có, thì cũng mơ hồ ;

« Đó là một người ngoại - quốc ... Tên nàng khó gọi lắm ! ... Giờ vật - lý nào cũng thấy nàng ngồi bàn đầu ... »

Rồi họ nhìn theo bóng nàng trầm trồ khen ngợi : « Bộ tóc đẹp nhĩ ! »

Nhưng cô Sklodowska có đề ý đâu đến các sinh - viên ấy. Cô còn bận tâm về khoa - học và làm việc một cách mê - mải. Mỗi phút cô không chuyên - chú vào việc học là mỗi phút cô tiếc đã bỏ phí đi. Quá rút - rút, cô không dám kết - thân với các bạn người Pháp ; cô tìm đến các bạn sinh viên đồng - hương ở xóm La - tinh. Cô sống rất giản - dị với số tiền đã dành dụm được trong sáu năm dạy trẻ ở các tư - gia tại Ba - lan và với số tiền mọn mà thân - phụ cô, một giáo - sư toán ở Varsovie gửi cho. Cô gạt bỏ hết những thú vui và chỉ ăn bánh mì, bơ với uống nước chè thôi. Thỉnh - thoảng cô mới đến một hàng kem ở xóm La - tinh, gọi làm hai cái trứng hay mua một bánh súc - cù - là, một trái quả. Với đời sống đó mới vài tháng mà cô thiếu - nữ khô - mạnh và tươi - tắn của thành Varsovie, đã xanh - xao hằn đi. Nhiều lần, khi đứng dậy, cô thấy choáng - váng cả đầu. Cô phải lên giường nằm nghỉ cho đến lúc tỉnh hẳn. Tuy thấy sức khỏe ngày một kém, cô không có thì giờ đề ý đến bệnh - trạng của cô.

PIERRE CURIE

Theo lối sống ấy, cô đã gác bỏ hẳn tình yêu và hôn - nhân. Năm 26 tuổi, say sưa vì khoa - học cô vẫn nhất định sống độc - thân. Thì cô gặp Pierre

Curie, một nhà bác học có thiên tài nhưng hãy còn chưa nổi tiếng. Năm 35 tuổi, ông đã cống bố được nhiều phát-minh quan - trọng và ngày đêm chuyên chú vào công cuộc khảo - cứu khoa - học. Cuộc gặp gỡ đầu tiên đã diễn ra năm 1894 tại nhà riêng một giáo- sư Ba-lan, ông Kowalski và đã gây giữa hai người một mối cảm-tình rất đẹp. Pierre Curie rất mến-phục cô Sklodowska, người đã đậu thủ - khoa kỳ thi cử-nhân vật-lý năm vừa qua và trong một vài tháng nữa sẽ thi bằng cử nhân toán-học. Ông nhìn mái tóc của Marie, vùng trán cao của cô và đôi bàn tay đã bắt đầu bị a-clit ăn. Cái vẻ đẹp mộc - mạc của cô không chút diễm trang đã làm ông rất chú ý. Ông tìm cách gặp cô nhiều lần và ông xin phép được đến thăm cô tại nhà. Cô đã tiếp ông ở một căn phòng nhỏ, và Pierre, lòng se lại trước cảnh nghèo-nàn đã nhận thấy rằng người thật hợp với cảnh và cảnh lại như tôn thêm vẻ đẹp cho người. Vài tháng sau, Pierre hỏi Marie xin cưới làm vợ. Nhưng lấy một người Pháp, từ bỏ hẳn gia đình, thôi hoạt - động tranh thủ độc - lập cho tổ - quốc Ba-lan, những điều ấy đối với Sklodowska là những điều phản bội ghê tởm. Mãi mười tháng sau, cô gái Ba - lan mới nhận lời kết-hôn với Pierre. Hôn-lễ được cử-hành một cách rất đơn giản ngày 26-7-1895. Những ngày chung sống đầu tiên tuyệt đẹp... Hai vợ chồng đạp xe dong chơi trên những con đường của xứ Ile de France.

GIA ĐÌNH CURIE

Nhà hai vợ chồng Pierre Curie rất đơn sơ, không có mấy đồ đạc. Mà có thì lấy ai lau chùi, đánh bóng ? Marie không có thì giờ. Buồng làm việc của hai vợ chồng chỉ có một cái tủ sách, một cái bàn giấy, hai chiếc ghế ở hai đầu bàn với trên bàn một lọ hoa, một cái đèn dầu và các sách vật - lý học. Dần dần Marie quen với công việc tẻ - gia nội - trợ. Bà nghĩ được mấy món ăn làm thật nhanh chóng và mấy món ăn không cần phải trông đến luôn mà có thể đề âm - i trên bếp trong khi bà theo chồng đến phòng thí-nghiệm. Bà vẫn tiếp tục nghiên cứu về khoa - học và bà lại đỗ thủ - khoa kỳ thi thạc - sĩ. Năm sau bà có mang. Đến ngày 12-9-1897 bà sinh gái đầu lòng, cô Irène, sau này theo gương bà và cũng được thưởng giải Nobel.

Bà vừa nuôi con, vừa làm công việc bếp núc, vừa theo đuổi nghiên cứu khoa - học. Lúc này bà dự - bị đề thi tiến - sĩ.

SỰ PHÁT - MINH QUANG - CHẤT.

Bà Curie xét lại các công cuộc tìm - tòi của các nhà vật - lý - học để tìm một luận đề. Bà quyết định lựa chọn công - cuộc của nhà vật - lý - học Pháp Henri Becquerel đã công - bố năm trước. Ông này đã tìm thấy rằng

chất kim-khí urane phát ra những quang - tuyến có tính - chất kỳ-lạ. Sự phát - quang ấy bởi đâu mà ra ? Tính - chất của nó thế nào ? Bà cho đó là một luận đề hay cho công việc khảo cứu đề thi lấy bằng tiến-sĩ. Bà chỉ còn phải tìm lấy một phòng thí - nghiệm riêng cho mình — và đây mới là những sự khó khăn — . Sau nhiều cuộc điều - đình của ông Pierre Curie với ông Giám - đốc trường Vật - lý, bà Curie đã có được một phòng thí - nghiệm sơ - sài hay nói đúng hơn tồi - tàn mà nhà nữ - bác - học đã phát - minh ra được một sự quan - trọng nhất trong khoa - học hiện - tại. Phòng thí - nghiệm ấy nguyên là một cái xưởng chứa máy móc : mùa hạ thì nóng như thiêu, mùa đông thì rét như cắt, mà khi nào mưa thì lại dột ướt cả phòng. Làm việc trong hoàn - cảnh ấy ròng - rã bốn năm trời, hai ông bà không lúc nào ngã lòng nản chí. Cho đến ngày 15 tháng 6 năm 1902 bà đã đạt được kết quả. Bà lọc được một phần mười gam radium nguyên - chất và bà đã được định trọng - lượng nguyên - tử của chất mới ấy là 225. Từ đó quang - chất được công - nhận là có thực. Các nhà bác - học trước kia vẫn nghi - ngờ về công cuộc nghiên - cứu của bà bấy giờ mới thật lòng khâm - phục chí kiên - nhẫn phi - thường của bà Curie.

ĐÀI VINH QUANG

Năm 1903, Hoàng-gia học đường Anh-quốc mời Pierre Curie sang diễn thuyết về chất quang-tuyến. Nhà vật-lý-học nhận lời mời và sang Luân-đôn cùng với Marie. Buổi nói chuyện được hoan-ngênh nhiệt-liệt và mọi người đều muốn biết mặt Ông và Bà Curie. Ở Anh về đến tháng 11 năm 1903 thì ông và bà Curie nhận được huy-chương Davy. Rồi ngày 10 tháng 12 cùng năm đó viện Hàn-lâm khoa-học ở Stockholm báo tin chính-thức rằng phần thưởng Nobel năm ấy được tặng một nửa cho Henri Becquerel và một nửa cho bà Curie. Lần đầu tiên một người đàn bà đã vẻ-vang chiếm được giải - thưởng khoa học quốc tế. Bà đã là một danh-nhân của thế-giới. Các báo-chí các nước đều nói đến hai ông bà nhưng bà không vì thế mà sinh ra kiêu ngạo. Có nhiều lần ra phố, gặp người lạ hỏi bà : « Thưa bà, có phải bà là bà Curie không ạ ? » Bà thân-nhiên trả lời : « Thưa không, ông nhầm rồi. » Mà cũng có lý, người đàn bà ăn vận xoàng-xĩnh thế kia có lẽ đâu lại là bà Curie phi thường được ? Bản-tính của bà không thích phô-trương, bà chỉ muốn được sống êm - đềm với chồng con trong cảnh gia đình ấm - cúng hay cùng chồng dong chơi xe đạp ở những vùng quê hẻo-lánh.

CÁI CHẾT CỦA PIERRE CURIE

Pierre Curie được bầu làm hội-viên Hàn-lâm khoa - học viện và được bổ giáo-sư trường đại-học Sorbonne. Cuộc đời của ông bà đã phong lưu

hơn trước. Năm 1904, bà Curie sinh con gái thứ hai, cô Eve Curie. Cuộc sống đương yên-vui thì một thảm-họa đau-dớn xảy ra. Ngày thứ năm 19 tháng 4 năm 1906, một ngày mưa dầm, ông Pierre Curie, au khi dự tiệc với các bạn đồng-nghiep ở khách-sạn ra về tới phố Dauphine thì bị một chiếc xe ngựa chở hàng, dài năm thước nặng chừng sáu tấn, chạy vụt tới đè lên người và làm ông vỡ óc chết ngay tức khắc.

Người ta vội khiêng kẻ bị nạn vào sở Cảnh binh gần đấy, xem xét căn cước thì... nạn nhân chính là giáo - sư Pierre Curie.

Được tin dữ - dội này, vị Tổng-thống nước Pháp vội cử người đến phân ưu với gia - đình ông Pierre Curie, Trường đại - học Sorbonne phái vị giáo - sư cao - niên nhất, Paul Apell đến nhà đề báo tin buồn. Bà Curie nghe tin Pierre mất lặng hẩn người đi, khê hỏi:

— Pierre chết rồi ư ? Chết thật rồi ư ?

Sự đau - dớn của bà không sao tả nổi được. Nó ám - thăm và tha - thiết vô cùng. Cuộc đời cô - độc từ nay như đè chiu trên vai người quả - phụ. Bà yêu - cầu được đem xác Pierre về nhà riêng ở đại - lộ Kellermann và cho đánh điện - tín sang Varsovie báo tin Pierre đã chết. Rồi bà ra vườn ngồi gục mặt trong hai bàn tay, im - lặng, đau - dớn đợi xác chồng bà. Chiếc xe chở xác, thông - thả, nặng nề, qua chiếc cổng nhỏ. Người ta đặt xác Pierre trong một căn phòng nhà dưới và Marie ngồi ở đó, đau - dớn, bên cạnh xác chồng. Bà hôn mặt Pierre mà thân còn chưa cứng hẳn và cánh tay còn gập lại được. Thấy bà kêu khóc quá, người ta phải cưỡng - ép đưa bà sang buồng bên cạnh để liệm xác ông Curie. Nhưng bà lại lẩn vào phòng xác của Pierre và ôm chặt lấy xác chồng. Theo ý muốn của bà, tang - lễ ông Curie đã được cử - hành một cách rất đơn - giản. Thi hài của nhà bác - học Pierre Curie chôn ở nghĩa - địa Sceaux. Trong quan - tài, bà Curie đã đặt bức ảnh của mình khi trước đã tặng Pierre và chụp từ hồi còn học ở Sorbonne. Bà muốn hình ảnh cô nữ sinh-viên Ba-lan đã được Pierre thương-yêu hồi trẻ sẽ được cùng nhau mãi mãi trong một nấm mồ.

BÀ QUẢ-PHỤ CURIE, GIÁO-SƯ TRƯỜNG ĐẠI-HỌC SORBONNE

Ngày 13-5-1906, toàn ban hội-dồng các giáo-sư trường đại-học Sorbonne đã quyết định cử bà Curie, khoa-học tiến-sĩ, ra kể chân chồng bà.

Đó là lần đầu tiên ở bên Pháp mà một người đàn bà được bổ làm giáo-sư đại-học, Ngày thứ hai 5-11-1906, cả Ba-lê chờ đón người quả-phụ

danh-tiếng kia ra mắt công-chúng. Các phóng-viên, các bậc thượng-lưu trí-thức, các bà, các cô, các tài-tử đến vây phòng giấy của viện Đại-học khoa-học và lấy làm bất-mãn vì trường không phát giấy mời ai.

Buổi trưa lúc Marie còn ở mộ chồng, thì giảng-đường đã chật ních. Mọi người đều bàn-tán đợi bà đến. Không biết bậc nữ giáo - sư sẽ nói gì đề mở đầu bài học ? Bà sẽ cảm ơn ông Tổng-trưởng hay viện Đại học ư ? Bà sẽ nói về Pierre Curie ư ? Theo lệ thường thì vị giáo sư mới đến phải tán-dương vị giáo sư đã dạy trước mình.

1 giờ 30. Cửa vào ở trong cùng phòng mở ra. Tiếng hoan hô nổi dậy. Bà Curie tiến lại bàn giấy và cúi chào mọi người. Rồi hai tay nắm chặt lấy thành bàn, trên có bày la-liệt các khí-cụ, bà đợi cho tiếng vỗ tay im hẳn. Bà nói :

— « Khi ta xét đến những sự tiến-bộ của khoa vật-lý đã thực-hiện được trong vòng 10 năm nay, ta phải ngạc-nhiên vì sự đổi-thay của tư tưởng chúng ta về điện-khí và vật-thể. . . »

Bà Curie đã nhắc lại câu nói cuối cùng của Pierre Curie đã giảng ngày nọ. Những giọt lệ dâng lên mí mắt mọi người.

Bằng một giọng đều-đều, nhà nữ bác-học giảng hết bài học ngày hôm đó. Cho đến khi vừa dứt lời thì bà bước vội ra khỏi giảng-đường giữa tiếng vỗ tay hoan-ngheh nổi dậy.

ĐƯỢC GIẢI THƯỞNG NOBEL LẦN THỨ HAI

Bà Curie, đến năm 1908, được bổ làm giáo-sư thực-thụ và là giáo-sư độc-nhất của hoàn-cầu lúc đó đề giảng về phóng-xạ-năng.

Các văn-bằng tiến-sĩ danh-dự từ các nước được gửi tới kính tặng bà. Nước Pháp đề ghi công bà đã tặng bà Bắc-đầu bội-tinh năm 1910 nhưng bà từ chối không nhận. Rồi theo ý muốn của các bạn đồng-nghiep, bà Curie nộp đơn xin gia-nhập Hàn-lâm-viện khoa-học. Ngày 23 - 1 - 1911, kết-quả chính-thức được tuyên-bố : Bà Curie thiếu mất một phiếu ! Hình như, trong lịch-sử vinh-quang của ông bà Curie, lúc nào các nước ngoài cũng chứa lại những lỗi-lầm của nước Pháp. Tháng chạp năm ấy 1911, viện Hàn-lâm khoa-học Stockholm, muốn công-nhận công-cuộc vĩ-dại của bà Curie đã thực-hiện được sau khi chồng bà đã chết, bèn quyết định tặng bà phần-thưởng Nobel về Hóa-học. Chưa ai đã xứng đáng nhận hai phần thưởng Nobel như bà vậy.

Khi cuộc chiến-tranh năm 1914 bùng nổ, bà Curie ra giúp tò-Quốc thứ hai của bà ; bà lập ra nhà thương điều-trị bệnh-nhân bằng quang-tuyến.

Bà lại lẫn-lộn vất-vả để cứu chữa các thương-binh và bà lúc nào cũng vui-vẻ tận-tâm vì chức-vụ. Bà nhiều lần quên cả ăn và bà ngủ ở nơi nào cũng được, trong một phòng cứu thương nhỏ, ở giữa trời, trong lều vải. Một chứng-cớ chứng tỏ rằng bà cố công giúp đỡ nước Pháp. Bà trước kia đã từ chối không chịu nhận Bắc-đầu bội-tình và sau này bà cũng không chịu nhận. Thế rồi cuộc chiến-tranh kết liễu và vai trò quan trọng của bà đã bị mọi người lãng quên. Mặc dầu những công cuộc đặc biệt của bà, không một ai đã nghĩ đến việc gắn một cái huy-chương nhỏ lên áo bà Curie.

NƯỚC MỸ CHÀO - MỪNG BÀ CURIE

Năm 1920, các phụ-nữ Mỹ góp nhau được 100.000 đô-la để mua một gam quang chất tặng bà Curie và đồng thời mời bà qua thăm nước Mỹ. Bà do-dự, Nhưng cảm động vì cái cử chỉ cao đẹp kia, bà đành phải nhận lời. Năm ấy bà đã 44 tuổi. Chiếc tàu Olympic đã được hân hạnh đón bà sang Mỹ với hai cô con gái. Ba người đi mà chỉ có một cái rương quần áo. Nhưng bà đã được dành riêng một phòng ở thật lịch sự. Khi tàu cập bến, Nửa-ước hiện ra trong làn sương nhẹ của một buổi mai tươi sáng. Một đám đông người tràn ngập trên bến tàu đợi bà tới. Người ta nhận thấy đủ các đoàn thể mà đặc biệt nhất là những đoàn - thể nữ hướng đạo, nữ sinh viên và cả một phái đoàn 300 phụ - nữ cầm những đóa hoa hồng đỏ và trắng : đó là những người Ba lan ở Mỹ. Ba lá cờ Mỹ, Pháp Ba-lan bay phấp phới trên hàng ngàn hàng vạn vai người chen chúc. Tàu cập bến. Người ta hoan hô reo hò để chào mừng bà. Các nhà nhiếp ảnh bao quanh bà và thi nhau chụp. Bà đi thăm nơi nào trên đất Mỹ cũng được hoan-ngênh nhiệt liệt. Tất cả các học đường đều mời bà tới thăm. Những huy - chương, những văn bằng danh- dự tiến-sĩ được trao tặng bà. Ngày 20 tháng 5 năm 1921, tại tòa Bạch-ốc, Tổng-thống Harding tặng nhà nữ bác-học, một gam quang chất. Rồi lần-lượt những buổi lễ tiếp rước long-trọng được diễn ra từ tỉnh này đến tỉnh khác. Và bà Curie đã thấy mặt-mọi. Bà đành phải xin lỗi không thể tiếp-tục tới thăm các tỉnh miền Tây được mà chính ở những nơi đó người ta đã sửa-soạn long-trọng để tiếp đón bà.

Bà trở về Pháp tuy mệt - mỏi nhưng rất hài lòng. Sự khiêm - tốn của bà đã chiếm được lòng cảm-mén của hàng triệu dân Mỹ. Bà lại còn được đặc phái sang nhiều nước khác để dự các buổi đại-hội-ngهی về khoa-học. Ở

kinh-thành Varsovie có mở cuộc quyên tiền để lập một viện Quang-chất mang tên Marie Skłodowska Curie. Các phụ-nữ Mỹ vì quê-hương của bà, vì quý mến bà lại chung nhau tiền mua một gam quang-chất để gửi tặng viện ấy. Đây là 1 gam quang-chất thứ nhì của nước Mỹ tặng nhà nữ bác-học Curie. Vì vậy năm 1929, bà lại phải sang Mỹ để nhận danh nước Ba-lan cảm ơn dân tộc Mỹ. Lần này cũng như lần trước bà lại được nhiệt - liệt hoan - nghênh và bà là thượng - khách của Tổng-thống Hoover ở cung Bạch-ố.

Sau những cuộc du-lịch ngoại-quốc, bà Curie lại trở về Pháp tiếp-tục công-cuộc khảo-cứu khoa-học như xưa và bà đã được toàn thể Viện Hàn-lâm Y-học bầu làm hội-viên.

NHỮNG NGÀY CUỐI CÙNG TRONG ĐỜI BÀ CURIE

Bà Curie làm việc một cách vội-vàng lạ thường. Bà có cảm tưởng rằng bà không sống được bao lâu nữa. Thì đến tháng 5 năm 1934 bà bị mệt và từ trần. Thứ sáu 6-7-1934, tang-lễ cử-hành một cách đơn giản : không có một điệu văn nào và cũng không có một đại-biểu nào của chính-phủ, chỉ có các người trong họ-hàng, các bè-bạn và những người giúp việc thân-mến của bà đi đưa. Trong nghĩa - địa Sceaux, người ta đã đặt quan-tài của bà Curie lên trên quan-tài của ông Curie. Anh giai bà và chị gái bà vội-vả từ Varsovie sang, mang theo một ít đất Ba-lan để ném vào phần-huyệt của kẻ ly-hương. Trên mộ-chỉ tấm bia có khắc mấy chữ :
Marie Skłodowska Curie 1867 — 1934.

Một năm sau, quyền sách mà bà Curie đã viết xong trước khi mất, được xuất bản. Trên bìa xám, tên tác giả :

« Bà PIERRE CURIE, Giáo-sư đại-học đường Sorbonne, phần-thưởng Nobel Vật-lý, phần thưởng Nobel Hóa-học. »

và nhan sách gồm có một chữ vừa trang-nghiêm, vừa rực-rỡ :

« RADIOACTIVITÉ »

(Phóng - xạ - năng)

o o o

DỊCH ĐU'Ờ'NG-THI

NGUYỄN-VĂN

ĐÀO - HOA KHÊ

Ăn ăn phi kiêu cách dạ yên,
Thạch ky tây bạn vẫn ngư-thuyền :
« Đào-hoa tận nhật tùy lưu-thủy,
Động tại thanh-khê hà xứ biên ? »

Tác giả : TRƯƠNG-HỨC

THƠ DỊCH

KHE HOA ĐÀO

Lơ lửng cầu treo, kẻo mịt-mùng,
Thần-thơ mỏm đá hỏi ngư-ông :
« Hoa đào theo nước ngày đêm chảy,
Động chốn khe xanh tỏ lối kẻo không ? »

Dịch-giả : NGUYỄN-HIỆU-VĂN

NGUYỄN - VĂN

SƠN - PHÒNG XUÂN - SỰ

Lương-viên nhật mộ loạn phi nha,
Cục mục tiê₁-điêu tam lương gia.
Đình-thụ bất tri nhân khứ tận,
Xuân lai hoàn phát cự thời-hoa.

Tác giả : SẴM - THAM

THƠ DỊCH

CẢNH XUÂN Ở NHÀ TRÊN NÚI

Lương-viên quạ lượn buổi chiều tà,
Lác đác buồn thay mấy nếp nhà.
Vắng bóng người xưa cây chẳng biết,
Xuân về hoa lại nở tung ra.

Dịch giả : NGUYỄN-HIỆU-VĂN

DỊCH CỎ-VĂN

QUY KHỨ LAI TỪ

(*Nguyên văn chữ Hán của ĐÀO-TIỀM*) (1)

DỊCH ÂM

Quy khứ lai hề! Điền viên tương vu hồ bất quy. Ký tự dĩ tâm vi hình dịch, hề chủ trương nhi độc bi. Ngộ dĩ vắng chi bất gián, tri lai giả chi khả truy. Thực mê đồ kỳ vị viễn, giác kim thị nhi tác phi.

Chu giao giao dĩ khinh dương, phong phiêu phiêu nhi suy y. Văn chinh-phu dĩ tiền lộ, hận thần-quang chi hi-vi.

Nãi chiêm hành-vũ, tái hân tái bôn. Đồng bộc hoan nghinh, tri-tử hậu môn. Tam kính tựu hoang, cúc do tồn. Huê ấu nhập thất, hữu tửu doanh tôn. Dẫn hồ-trường dĩ tự chúc, miện đình kha dĩ dĩ nhan. Ý nam song dĩ ký ngao, thâm dung tất chi diện. Viên nhật thiệp dĩ thành thú, môn tuy thiết nhi thường quan.

Sách phù-lão dĩ lưu khế, thì kiều thủ nhi hà quan, Văn vô tám dĩ xuất trục, điều quyện phi nhi tri hoàn. Cảnh ế ế dĩ tương nhập, phủ cô tùng nhi bàn hoàn.

Quy khứ lai hề! thịnh tức giao dĩ tuyệt du, thế dữ ngã nhi tương dĩ, phục giá ngôn hề yên cầu. Duyệt thân thích chi tình hoại lạc cầm thư dĩ tiên ưu. Nông nhân cáo dư dĩ xuân cập tương hữu sự tẩy-trù.

(1) Đào-Tiềm là một bậc cao sĩ vừa là thi nhân đời Tấn. Một tên là Nguyên-Lượng, tự Uyên-Minh, hiệu Ngũ-Liêu tiên sinh, là cháu Đào Khản. Ông là người có khí tiết, không chịu vì danh lợi mà làm khuất phục cái tiết tháo của mình. Từng làm quan Lệnh huyện Bành trạch, không bao lâu đã từ chức về nhà. Nhà rất nghèo tính thích rượu, lại thích hoa cúc, có lẽ cho cách điệu của thứ hoa thanh đạm ấy hợp với tính tình cao khiết của mình. Nhiều khi thả hoa cúc vào chén rượu, uống một cách say sưa. Vì nghèo, ít khi có tiền đánh chén, nên bạn bè thường đem rượu đến cho.

Thơ văn ông thấm màu đạo lý, đượm vẻ thanh cao, mà không chuộng hoa mỹ.— Bài từ này làm sau khi đã từ chức Tri-huyện, về nghỉ ở nhà điệu cò kính mà lời bình dị, có thể tả được tâm tính của tác giả một đôi phần. Âu cũng là một thứ tài liệu để khảo cò.

Hoặc mệnh cân xa, hoặc chạo cô châu, Ký yêu diệu dĩ tầm hắc, diệc khi khu nhi kinh khâu. Mộc hân hân dĩ hướng vinh, tuyền quền quền nhi thủy lưu, Tiễn vạn vật ohi đắc thì, cảm ngộ sinh chi hành hưu.

Dĩ hỷ hồ ! ngụ hình vũ nội phục kỳ thì, hạt bất úy tâm nhậm khứ lưu, hồ vi hoàng hoàng dục hà chi. Phú quý phi ngô nguyên, đế hương bất khả kỳ. Hoài lương thần dĩ cô vãng, hoặc thực trượng nhi vân ti. Đẳng đông cao dĩ thư khiếu, lâm thanh lưu nhi phú thì. Liên thừa hóa dĩ quy tận, lạc phù thiên-mệnh phục hề nghị.

DỊCH NGHĨA (1)

BÀI TỪ VỀ NGHỈ QUÊ NHÀ

Ta về đi !

Ruộng vườn bỏ cỏ cỏ chi trùng trĩnh ?

Tâm đà làm tớ cái hình.

Lại còn rầu rí thương mình nỗi chi ?

Sự dĩ vãng rồi làm gì nữa

Việc tương-lai còn sửa chữa dần.

Lần đường (2) cũng chữa xa xăm,

Biết nay phải, hiểu xưa lắm mới thông.

Thuyền lúc lắc trên sông nhẹ lướt,

Gió hiu hiu thổi phớt áo ngời.

Hỏi thăm đường, gặp được người,

Tiệc vì ánh sáng mặt trời lơ mơ.

Nóc nhà trông tỏ,

Hồn hờ chạy vô.

Trẻ thơ đón cửa,

Người ở hoan hô.

Cảnh vườn khác trước,

(1) Nguyên văn là lối, từ có nhiều đoạn - lạc. Mỗi đoạn một tứ khác, tả một việc khác, nên biến thanh, biến điệu luôn. Vậy dịch giả cố theo tinh thần nguyên văn mà diễn ra lời.

(2) Đường đây là đường đời. Tác giả nói mình vào con đường danh lợi ví như người đi lạc đường.

Tùng cúc còn trơ.
 Đất tiê vào nhà,
 Sắn rượu lưng vò.
 Đầy vơi chuốc chén ông Tô, (1)
 Ngắm nhìn cây cảnh tha hồ vui say.
 Tựa cửa sổ lòng đầy phóng khoáng,
 Mái nhà con đủ khoảng yên thân.
 Đạo vườn quen thú dẫn dẫn,
 Cửa ngoài dẫu có, chẳng cần mở-chi.
 Chống gậy trúc, có khi nghỉ mát,
 Lúc nghênh đầu, ngược mắt trông xa ;
 Mây từ hểc núi tuôn ra,
 Chim bay mỗi cánh, tồ xa tìm về.
 Buổi chạng-vạng vàng hoe, tối xâm,
 Vỗ gốc tùng quanh quần bồi hồi.
 Đã về đây !
 Nay xin nghỉ hẳn giao du,
 Đòi với ta, đã tựa hồ bỏ roi.
 Quay xe thẳng (2) cầu ai đó nữa ?
 Vui họ đương lẫn lứa tháng này.
 Cây đàn, quyền sách làm khuây,
 Nhà nông mách bảo : « xuân rầy đã sang !
 Việc đồng áng vội-vàng rộn rã,
 Cánh đồng cấy lúa mạ còn non. »
 Có khi ngồi chiếc xe con,
 Khi dong thuyền thúng đi luồn giữa hang.
 Đường khắp khênh ngồn ngang gò đồng,
 Liền rẽ xe thẳng đón chân đèo.
 Cỏ cây khoe vẻ mĩ miều,
 Suối kia ri ri sớm chiều chảy êm.
 Ngắm cảnh vật lòng thềm, ý thỏa,
 Ngắm ta xưa vất vả, nay nhàn.

(1) Tô Đông pha : một nhà thi sĩ đời Tống, tính thích rượu.

(2) Ý nói quay xe về thẳng quê nhà, không cần cầu cạnh với ai.

Thôi thì thôi !

Dưới trời sông gửi được bao ngày ?

Kẻ ở, người đi mặc đở hay.

Nhọc dạ làm chi thêm thắc mắc,

Chồn chân cho lắm những lay hoay.

Giàu sang ta chẳng thiết,

Làng tiên khó ước thay !

Tốt trời chơi lủi thủi,

Cắm gậy, ngồi vun cây.

Nơi cao ta ca ngợi,

Suối mát ta ngâm thơ.

Có sinh thì có hóa,

Vui vẻ đề đợi chờ.

Trăm năm về cõi thọ,

Có chi nữa mà ngờ.

Trọng-Vĩ BÙI-LƯƠNG dịch



CÁO LỖI BẠN ĐỌC

Vì nhiều bài, kỳ này chúng tôi phải tạm gác những bài dưới đây để đăng vào một số sau :

— Kho vàng bí mật tại Việt-Nam (*Duy-Việt, Ngũ yển công Huân soạn*).

— Sơ kính tân - trang (*Bùi-Lương chú thích và hiệu-định*)

— Sáu mươi năm cách mạng tại Trung-hoa (*Trần-tuấn-Khai dịch-thuật*)

L'ISOLEMENT

- Souvent sur la montagne, à l'ombre du vieux chêne,
Au coucher du soleil, tristement je m'assieds;
Je promène au hasard mes regards sur la plaine,
Dont le tableau changeant se déroule à mes pieds
- Ici gronde le fleuve aux vagues écumantes,
Il serpente, et s'enfonce en un lointain obscur:
Là, le lac immobile étend ses eaux dormantes
Où l'étoile du soir se lève dans l'azur.
- Au sommet de ces monts couronnés de bois sombres,
Le crépuscule encor jette un dernier rayon;
Et le char vapoureux de la reine des ombres,
Monte, et blanchit déjà les bords de l'horizon.
- Cependant, s'élançant de la flèche gothique
Un son religieux se répand dans les airs:
Le voyageur s'arrête, et la cloche rustique
Aux derniers bruits du jour mêle de saints concerts.
- Mais à ces doux tableaux mon âme indifférente
N'éprouve devant eux ni charme, ni transports;
Je contemple la terre ainsi qu'une âme errante;
Le soleil des vivants n'échauffe plus les morts.
- De colline en colline en vain portant ma vue,
Du Sud à l'aquilon, de l'aurore au couchant,
Je parcours tous les points de l'immense étendue;
Et je dis : Nulle part le bonheur ne m'attend...
- Mais peut-être au delà des bornes de sa sphère,
Lieu où le vrai soleil éclaire d'autres cieux,
Si je pouvais laisser ma dépouille à la terre,
Ce que j'ai tant rêvé paraîtrait à mes yeux.
- Là, je m'enivrerais à la source où j'aspire :
Là, je retrouverais et l'espoir et l'amour,
Et ce bien idéal que toute âme désire,
Et qui n'a pas de nom au terrestre séjour.
- Que ne puis-je porter sur le char de l'aurore,
Vague objet de mes vœux, m'élancer jusqu'à toi.
Sur la terre d'exil pourquoi resté-je encore ?
Il n'est rien de commun entre la terre et moi.
- Quand la feuille des bois tombe dans la prairie,
Le vent du soir s'élève et l'arrache aux vallons
Et moi, je suis semblable à la feuille flétrie :
Emportez-moi comme elle, orageux aquilons !

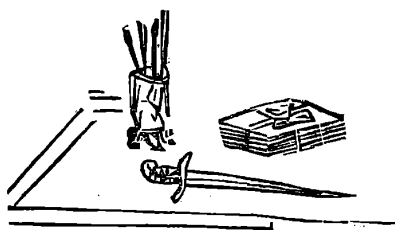
A. DE LAMARTINE

CÔ ĐƠN

- Tôi thường ngồi lặng khi chiều xuống,
Trên đỉnh non cao, dưới bóng sồi ;
Mắt vẫn vơ nhìn đồng bát ngát,
Cảnh đồng biển hiện dưới chân tôi.
- Đây sông gấm sóng, xô bàng bạc,
Uốn lượn chìm trong bóng tôi xa :
Kia, hồ tĩnh mịch nằm êm ả
Một ánh sao chiều đáy nước sa.
- Rừng nhỏ âm u vòng chớp núi,
Hoàng-hôn gieo nhẹ nắng sau cùng;
Chị Nguyệt như xe êm nhẹ lướt
Đỉnh trời tuôn bạc giải mệnh mỏng.
- Rồi từ gác nhà thờ chót-vót
Thu âm đồng vọng khắp nơi xa :
Lãng du dừng bước nghe yên lặng
Chuông giáo đờng hòa khúc thánh ca.
- Trước cảnh êm đềm, tôi lãnh đạm
Chẳng hề cảm xúc luyến thương qua ;
Tôi ngắm đất trời, hồn lạc lỏng ;
Nắng đời chẳng ử ấp thấy ma.
- Lơ đãng mắt nhìn Nam lại Bắc ,
Núi đồi lại tiếp núi đồi xa.
Phương kia phương nọ quanh vô tận ;
Tôi nhủ : Nào đâu hạnh phúc chờ...

- Nhưng biết đâu ngoài biên vũ trụ,
 Có trời nắng rọi khắp muôn phương,
 Nếu tôi gửi xác trong lòng đất,
 Mơ sẽ về nơi mắt mở giương.*
- Tôi sẽ say sưa nguồn khát vọng :
 Nào nguồn hy-vọng, suối yêu đương,
 Lý tưởng mọi người hoài - bảo mãi,
 Không tên chi gọi ở trần gian.*
- Sao chẳng cho tôi theo ánh sáng,
 Ruồi niềm mơ ước tới xa xăm
 Gửi tôi đầy ải trần gian mãi ?
 Tôi vương tình chi với thế nhân ?*
- Khi lá rừng rơi trên nội cỏ,
 Gió chiều lên, cuốn lá về thung.
 Còn tôi như lá khô tàn úa :
 Mang kiếp tôi cùng, hơi Bắc-phong !*

HOÀNG-SONG-LIÊM dịch





A. — TIN TRONG NƯỚC

I. — TÔNG THỐNG NGÔ-ĐÌNH-DIỆM CHỦ TỌA LỄ KHAI GIẢNG LONG TRỌNG CỦA VIỆN ĐẠI HỌC

HỒI 8 giờ sáng ngày 20-12-1955, lễ khai-giảng long trọng của Viện Đại-Học về niên-khóa 1955-1956 đã cử hành tại tòa Việc Trường. Buổi lễ đặt dưới quyền chủ-tọa tối cao của Tổng-Thống nước Việt-Nam Cộng-Hòa.

Tới dự lễ có hầu hết các vị Bộ-Trưởng, các ông Giám Đốc các Nha, Sở và thân hào thân sĩ Việt-Nam, Ngoài ra còn có Ngoại-giao đoàn và các vị giáo-sư Đại-học mặc áo giáo-thụ.

Đúng 8 giờ 30, Tổng-Thống Ngô-Đình-Diệm tới. Ra nghênh đón có ông Nguyễn-dương-Đôn, Bộ-Trưởng Quốc-Gia Giáo-Dục, ông Viện-Trưởng Đại-học và các giáo-sư Đại-học. Sau khi duyệt qua đội quân và ban nhạc đứng giữa hàng, Tổng-Thống tiến vào Tòa Việc-Trưởng.

Sau những nghi-lễ thường-lệ, Bác-sĩ Phạm-biêu-Tâm, Khoa-Trưởng Y Dược Đại-học đọc diễn-văn lược trình hoạt-dộng của Viện Đại-học trong năm vừa qua. Tiếp theo là bài diễn-văn của ông Nguyễn-quang-Trình Viện-Trưởng Viện Đại-học Việt-Nam nhấn mạnh vào điểm vừa thoát thai

được mấy tháng nay, viện Đại-học đã có năng khiếu khuếch trương lớn và có một tương lai rực rỡ nhờ ở sự giúp đỡ của Chính-Phủ.

Sau phần ca - nhạc do nam, nữ sinh-viên đảm nhiệm, ông Nguyễn dương - Đôn, Bộ-Trưởng Quốc-Gia Giáo-Dục đọc diễn-văn trình bày một vài nét sơ-lược về nền giáo-dục Việt-Nam từ buổi sơ-khai đến tình trạng phát-triển hiện thời, rồi đến dự án xây dựng các trường Đại-học. Kế đó Tổng-Thống Ngô-Đình-Diệm có mấy lời khuyên nhủ sinh-viên,

Một đại biểu sinh-viên lên cảm tạ Ngô-Tổng-Thống, các vị tân khách, hứa sẽ chăm chỉ học hành và noi theo con đường Cách-mạng Quốc-gia của Ngô Tổng Thống chủ trương.

Dưới đây là bài diễn-văn của Ngô Tổng-Thống và của ông Bộ-Trưởng Quốc-Gia Giáo-Dục.

DIỄN VĂN CỦA NGÔ TỔNG - THỐNG

Thưa Quý Vị.

Nếu trường Đại-học Việt-Nam có sẵn nhiều tòa nhà rộng rãi để đón tiếp quý-Vị trong một khung cảnh trang trọng hơn thì tôi mới thật là thỏa mãn. Đó không phải vì lý-do quốc-thể, nhưng vì như vậy mới có thể biểu lộ được cho mọi người nhận thấy dân-tộc ta hăm mộ văn-hóa đường nào,

Trong những bước đầu chậm chạp và gay go của Đại-học đường Việt Nam, Thanh-niên đã nhận rõ và theo dõi hàng ngày những sự cố gắng của toàn dân và sự giúp đỡ của các nước bạn ; do đó, ngày nay Thanh niên mới hưởng được trong thanh bình và tự do những cao lương của tinh thần.

Các em Sinh viên yêu mến,

Những bài học quý báu mà các giáo-sư giảng dạy trong các tòa nhà sơ sài, trong các giảng đường chật hẹp, nhứt là cảnh thanh tịnh và tự do cần thiết cho mọi nền trí dục xứng đáng, tất cả những điều ấy không phải do một tinh thần hoài nghi nhu nhược, thờ ơ đối với phận sự công dân mà có. Đó là kết quả của nhiều sự cố gắng lâu dài và bền bỉ. Đó là kết quả của bao nhiêu tin tưởng đặt nơi giá trị của tinh thần, bao nhiêu cuộc tranh đấu nguy hiểm, bao nhiêu hành động dũng cảm có khi đi đến sự hy sinh tánh mạng. Chính các em đang sống, trong bầu không khí đó, những giờ phút phấn khởi nhứt trong đời các em.

Bởi thế tôi rất hài lòng khi thấy các em nhận thức các sự cố gắng đổi mới cương quyết bảo vệ những kết quả đã thu thập và tham gia nhiệt liệt vào cuộc Cách - mạng Quốc - gia đang lôi cuốn toàn dân trên con đường củng cố độc lập và tự do.

Đại - Học đường Việt - Nam vẫn còn thiếu thốn thật, nhưng chính vì niềm tin tưởng mãnh liệt của chúng ta, mà cũng sánh vai được với các trường Đại - Học ngoại quốc trong Thế - Giới Tự - Do.

Các em sinh viên yêu mến, tôi khuyên các em hãy tỏ ra xứng đáng với những vị giáo - sư bất cứ quốc - tịch nào, vì các vị ấy đang giúp các em thám - hiểm một kho tàng vô giá : ấy là vinh dự làm người có tự do và có trách nhiệm, Đó là tinh hoa thuần túy của Văn-Hóa bất cứ ở Á-Đông hay ở Âu - Tây.

Và bao giờ tâm hồn các em đã thấm nhuần được giá-trị của cao trào Cách - Mạng Quốc - Gia thì các em sẽ thấy rằng bảo vệ kho tàng quý báu ấy, tức là bảo vệ tự do, bảo vệ các giá trị tinh thần, và bảo vệ nền Cộng Hòa Việt - Nam.

o o o

DIỄN - VĂN

của ông Bộ-Trưởng Quốc-gia Giáo-dục

Kính thưa Tổng-Thống,
Thưa Quý-Vị Đại-diện Ngoại-giao,
Thưa Quý-Vị Bộ-Trưởng,
Thưa ông Viện-Trưởng,
Thưa Quý-Vị,

Trong bài diễn-văn chúng ta vừa được nghe, Ông Viện-Trưởng có cho biết rằng số sinh-viên các trường Đại-học tăng lên rất nhanh-chóng. Đó là một kết-quả của những cải-cách sâu-rộng về bậc Trung-học và Tiểu-học trong mấy năm vừa qua, từ ngày lấy tiếng Việt làm chuyên-ngữ. Vì vậy tôi muốn trình-bày cùng Quý-Vị vài nét sơ-lược về nền Giáo-dục Việt-nam từ buổi sơ-khai đến tình-trạng phát-triển hiện-thời. Có lẽ rằng Quý-Vị cũng muốn biết rõ cơ-cấu tổ-chức học-đường mà Viện Đại học này là trang-sức đẹp-đẽ.

Nền Giáo-dục Quốc-gia khởi-phát từ năm 1945. Trước năm này, chỉ có ba năm đầu bậc Tiểu-học là dạy bằng tiếng Việt, còn bậc Trung-học và Đại-

học đều dạy bằng tiếng Pháp. Và hai năm cuối bậc Tiểu-học cũng đã là những năm chuyển-tiếp giữa bậc Sơ-học Việt-nam và Trung-học Pháp.

Sau cuộc đảo-chánh mùng 9 tháng 3 năm 1945. trong một thời-gian ngắn và đây một là vinh-dự cho giáo - giới - tiếng Việt đã hoàn-toàn thay thế tiếng Pháp ở bậc Tiểu và Trung-học. Các trường ở Trung và Bắc-Việt dạy bằng Quốc-ngữ ngay từ buổi khai-trường niên-khóa 1945-1946 và ở Nam-Việt, từ năm 1951, việc thay-đổi được thực-hiện lần lần, từng năm một, từ lớp đệ-thất trở lên.

Phong-trào cải-cách khởi đầu từ Huế. Tại đó, nhờ lòng ái-quốc của các nhà giáo, tất cả các trường đã tái-giảng vào hạ-tuần tháng 3 năm 1945, Phong-trào chẳng bao lâu lan rộng đến những tỉnh miền Trung cùng miền Bắc, và đến tháng 11 năm ấy, một vài lớp ở bậc Đại-học cũng bắt đầu giảng-dạy bằng tiếng nước nhà.

Với những biến-cổ tháng 7 năm vừa qua, một số đông các trường Trung-học Bắc-Việt di-chuyển vào Nam, và do đó việc thay-đổi chuyển-ngữ tại đây đã thành ồ ạt.

Nền Độc-lập mới thu-hồi sẽ có ít ảnh-hưởng nếu việc giải-phóng dân-tộc chỉ thu-hẹp trong phạm-vi Chính-trị mà không bao-hàm phạm-vi Kinh-tế và Văn-hóa. Lúc đầu thì có nhiều sự khó-khăn thật, nhưng thành-tựu thì việc thay-đổi tiếng Pháp bằng tiếng Việt ở bậc Trung-học sẽ có những kết-quả sâu-rộng và tốt-đẹp. Chính nhờ đó mà sự học-vấn được phò-biến rộng-rãi, mà số các trường Trung-học tăng lên được nhiều trong khắp nước.

Ở cấp Đại-học, sự giảng-dạy bằng tiếng Việt đã tiến-triển đến mức nào ? Từ mấy năm nay, trường Đại-học Văn-khoa và trường Cao-đẳng Sư-phạm đều dạy bằng Quốc-ngữ. Từ năm ngoái, những lớp năng-lực luật-học cùng một vài môn tại Ban Cử-nhân Luật cũng đã dạy như vậy. Viện Đại-học hỗn-hợp chuyển-giao sang Chính-phủ ta trong tháng 5 vừa rồi là một dịp để chúng ta chuẩn-bị việc dùng tiếng Việt trong mọi ngành Đại-học. Trong niên-khóa này, một Ban Cử-nhân Luật dạy hoàn-toàn bằng tiếng Việt đã được thiết-lập. — Chỉ trong mười năm nay, tiếng Việt được dùng làm chuyển - ngữ trong các học - đường, mà sự phát - triển nền Quốc-học thật đã là nhanh-chóng và mạnh-mẽ.

Thưa Quý-Vị,

Những sự khó-khăn trong việc tìm-kiếm trụ-sở cho các trường Đại-học đã được Ông Viện-trưởng trình bày. Đó là một tình-trạng do quá-khứ để lại: tại Đô-thành Sài-gòn, nơi mà nhân-số đã quá một triệu, hiện - giờ chưa có một lâu-dài nào dành cho Viện Đại-học. Dùng một câu nôm-na để diễn-tả đúng thực trạng, ông nguyên Viện-trưởng người Pháp thường nói rằng Viện Đại-học « cắm lều » tại nơi đây.

Hiện-thời Viện Đại-học của chúng ta chỉ có là ở trong học-vấn uyên-thâm và sự tận-tâm của các Giáo-sư người Việt, người Pháp, người Mỹ, người Trung-hoa và gần đây, người Úc nữa. Viện Đại-học chỉ có là vì sinh-viên chăm-chỉ học-tập và ham muốn phụng-sự. Nhưng Thư-viện còn nghèo-nàn, phòng Thí-nghiệm chưa được trang-bị đầy-đủ, và các trường Đại học còn tạm-thời đặt tại các trường Trung-học và Tiểu-học.

Vì vậy cho nên tôi muốn trình-bày cùng Quý-Vị những dự-án xây dựng các trường Đại-học. Chính-phủ dự-định thiết-lập hai Viện Đại-học. Về sau, lúc nào thời-gian thuận-tiện, sẽ xây-dựng một Viện lớn theo kiểu các khu Đại-học tại các nước tiền-tiến. Với những dụng-cụ đầy-đủ, ở xa những nơi đô-thị đông-đúc, trong một miền khí - hậu êm-dịu để có thể làm việc nhiều, Viện này có thể thu-dụng nhiều nhà bác-học ngoại-quốc đến để giúp chúng ta đào-tạo các kỹ-thuật-gia cao-cấp.

Nhưng, thực-hiện một dự-án đồ-sộ như vậy đòi hỏi nhiều thời-gian và nhiều phương-tiện. Ngoài ra chúng ta phải công nhận rằng một khu Đại-học theo kiểu này chỉ thuận-tiện cho một hạng sinh-viên thôi, mà không giúp trực-tiếp cho quần-chúng về phương-diện văn-hóa. Ở nước ta có rất nhiều sinh - viên không được sung - túc, vừa đi học vừa phải đi làm để sinh-sống, Một khu Đại-học như vậy cũng không thuận-tiện cho công-chức và Công-nhân nơi thành-thị muốn trau - dồi thêm về học-thức. Vì thế, chúng ta phải theo một dự-án trung-bình để thiết-lập ngay một khu Đại-học tại Sài-gòn hay các vùng lân-cận.

Nhờ sự viện - trợ của các nước bạn trong Thế-giới Tự-do, trong đó tôi xin kể nước Mỹ và nước Pháp, công cuộc xây-cắt và trang-bị Viện Đại-học Sài-gòn đã thực-hiện được một phần. Trường Vô-tuyến-diện, trường Hàng-hải Thương-thuyền đã xây xong tại Phú-thọ. Trong vòng hai tháng nữa sẽ hoàn-thành trường Cao-đẳng Mỹ-thuật tại Gia-dịnh, và chừng ít ngày nữa sẽ khởi công xây trường Cao-đẳng Công-chánh, trường Cao - đẳng Thương-mại và trường Cán-sự Y-tế.

Một khi tất cả các đồ-án đã được thực-hiện, Viện Đại-học Sài-gòn sẽ có trường-ốc tại ba nơi : Phần chánh ở Phú-thọ, xây-dựng trên một khoảng đất rộng đến 53 mẫu tây. Tại đây sẽ có các trường Khoa-học và Kỹ-thuật. Một Đại-học-xá, những sào vận-động sẽ xây-cất cho sinh-viên và sẽ có những căn nhà dành cho các vị Giáo-sư.

Phần thứ hai sẽ dựng lên ngay ở trung-tâm Đô-thành Sài-gòn trên đất của khám lớn cũ. Một Thư-viện Quốc-gia sẽ được thiết-lập và chung-quanh Thư-viện sẽ có trường Đại-học Văn-khoa, trường Luật và trường Quốc-gia Hành-chánh. Thư-viện xây giữa thành-phố là một hợp-lý. Không những sinh-viên mà tất cả dân-chúng Đô-thành đều có thể đến đọc-sách và học-hành. Học-xá hiện thời, ở giữa Sài-gòn và Chợ-lớn, cạnh Bệnh-viện Thủ-Tướng Thịnh, sẽ sáp nhập vào phần này.

Phần thứ ba, xây cất chung-quanh trường Mỹ-nghệ thực-hành Gia-định, tại một nơi còn giữ di-tích của thời xưa, sẽ dành cho các ngành học Mỹ-thuật như Vẽ, Sơn, Điêu-khắc, Kiến-trúc, Âm-nhạc, v. v. . .

Trên đây là những nét đại-cương về đồ-án tổng-quát mà Chính-phủ dự-định thực-hiện cho Viện Đại-học. Tôi thiết nghĩ rằng, việc này là khẩn-cấp vì rằng muốn mở-mang nền Kinh-tế của một nước và nâng-cao mức sống của dân-chúng, công-việc phải làm đầu-tiên là đào-tạo các Cán-bộ. Chính những Cán-bộ sẽ tham -dự vào sự kiến-thiết và công-việc khai-thác những tài-nguyên mới.

o o o

Thưa Quý-Vị,

Vấn đề đó khiến tôi phải trình-bày thêm đề Quý-Vị rõ, về hướng mới của nền Giáo-dục Quốc-gia. Nền Giáo-dục cũ phần lớn chỉ đào-tạo ra những nhân-viên bàn giấy. Nếu ngày nay, chúng ta lại lần theo bước cũ, thì chỉ làm tăng thêm nạn trí-thức thất-nghiệp. mà không huấn-luyện được những Kỹ-thuật gia cần-thiết cho sự canh-tân đất nước. Vì thế, chúng ta phải cố-gắng khuếch-trương ngành học Chuyên-nghiệp và Kỹ-thuật. Chúng ta lại phải thay-đổi đến tâm- lý của học-sinh ngay trong các trường học phổ-thông để họ khỏi khinh các nghề bằng tay chân. Hướng mới, với mục-dích làm cho hệ-thống Giáo-dục được thăng-bằng hơn, đã đem áp-dụng ở bậc Tiểu-học và Trung-học và sẽ áp-dụng ở bậc Đại-học.

Theo đường lối ấy, trong tháng 10 năm trước, chương-trình Tiểu-học đã được hoàn-toàn cải-tò và gần đây, lại được sửa-đổi thêm tại một vài chi tiết. Sự cải-cách này có ý nghĩa là công-nhận giá-trị của những phương-

pháp Giáo-dục mới, áp-dụng tại các trường Cộng-đồng Dẫn-đạo ; những phương-pháp này đã được dân-chúng rất hoan-ngheh. Trường Cộng-đồng Dẫn-đạo là một sự cố-gắng để cho học-đường khỏi là một nơi giả tạo, tại đó trẻ em phải sống cách-biệt với ngoại cảnh, với làng-mạc của chúng. Tại các trường ấy, lối giáo-huấn thông-thường được bỏ-tức bằng những buổi học thủ-công, thực-sự và đầy-đủ, nhất là những buổi học canh-tác tại những trường ở thôn-quê. Hiện-giờ đã có sáu trường như thế, hoặc đã xây xong, hoặc đang cất. Trường ở Búng gần Thủ-dầu-một và trường ở Xuân-lộc gần Huế là hai trường được nhiều người biết nhất. Trong năm 1956. Chánh-phủ định cất trên tám trường nữa theo kiểu ấy. Tuy rằng xây-cất các trường này tốn hơn thường, nhưng các nhà Sư-phạm đều mong thiết-lập được thêm nhiều trường Cộng-đồng Dẫn-đạo. Các giáo-viên phụ-trách đã được huấn-luyện đặc-biệt tại Phi-luật-tân.

Ngay từ đầu năm 1956, tại Búng, chúng ta sẽ đào tạo một số Giáo-viên để dạy về canh-tác. Lớp này học cấp-tốc trong 9 tháng. Giáo-sinh phải có bằng Trung-học Phổ-thông, tuổi từ 20 đến 28, và đã có hiểu biết ít nhiều về các nghề nông. Khi tốt nghiệp, họ sẽ điều-dộng dạy tại các trường Cộng - đồng Dẫn-đạo; những lớp sau sẽ được cử đến dạy tại các trường Tiểu-học thường. Ở đây, những giáo-viên này có thể dạy một phần học-vấn phổ thông tại các lớp nhỏ. Là mối liên-lạc giữa các cơ quan hành chánh và nông dân, giáo viên ngạch mới này sẽ phụ giúp thêm công việc Bình - dân Giáo dục, và cùng nhà nông sẽ tìm cách cải thiện các phương pháp trồng trọt.

Chính cũng với mục đích như trên mà tổ chức UNESCO cùng cơ quan Viện trợ Kỹ - thuật của Liên hiệp quốc đang giúp chúng ta để thiết lập cho dân chúng đồng quê tại Tân-an một Trung tâm Giáo - dục cơ bản.

Ngoài ra, những giờ dạy thêm về Kế toán, đánh máy chữ, chữa đồng hồ, v.v. . . sẽ được xếp đặt tại các trường Trung - học. Những giờ dạy này không bắt buộc, và mục đích là giúp cho các thanh niên gần thời học có những học thức để tìm kiếm những công việc một cách dễ dàng. Đồng thời, đây cũng là một cách để phá cái thành kiến hiện còn khinh miệt những nghề nghiệp bằng chân tay.

Đề công cuộc chuyển hướng nền Giáo - dục mang lại những kết quả mong muốn, một Nha Mỹ - nghệ và Kỹ - thuật Học - vụ, cùng vài xưởng học nghề và trường Trung - học Kỹ - thuật đã được thiết lập trong năm

vừa qua. Tại trường Trung - học Kỹ - thuật Huỳnh-thúc-Kháng, những lớp Cao - đẳng đã được tổ chức với mục đích là sửa soạn việc thiết lập một trường Kỹ - sư về Kỹ - thuật và Công - nghệ. Sự thiết lập trường Kỹ - sư này là một mục - tiêu chính-yếu trong những năm sắp tới.

Về một ngành khác, trong vài tháng nữa, một trường Cao-dẳng Thương mại sẽ được thiết-lập ở Phú-thọ để đào-tạo các nhân-viên cần-thiết cho các cơ-quan Tài-chánh, cho Sở Hối-đoái, các Ngân-hàng và các hội doanh-nghiệp.

Từ trước đến nay, những sinh-viên Việt-nam chuyên học về kỹ-thuật, thường học lý-thuyết rất nhiều để sửa-soạn thi vào các trường đào-tạo kỹ-sư cao-cấp ở bên Pháp, như trường Quốc-gia Cao-dẳng Hàm-mở, trường Quốc-gia Cao-dẳng Cầu-cống, v.v... Nhưng đồng-thời, ở trong nước, không có một sự cố-gắng đáng kể để đào-tạo những Cán-bộ trung-dẳng. Thành thử một tình-trạng thiếu sót đã xảy ra, làm khó thêm công-việc tổ-chức ngành kỹ-nghệ tại nước ta. Để bổ-khuyết, chúng ta phải cố-gắng nhiều để khuyến-trưng nền học chuyên-nghiệp và đào-tạo các Cán-bộ trung-cấp. Và chẳng, chính-sách này là thích-hợp với các phương-tiện hiện có về phần khí cụ cũng như về phần huấn-luyện-viên.

Tôi xin lỗi Quý-Vị vì đã nói quá nhiều về ngành học chuyên-nghiệp, nhưng Thanh-niên cần phải biết rõ chúng ta dẫn họ vào con đường nào, và đối với họ, vấn-đề chuyên hướng Giáo-dục cũng rất quan-trọng. Lẽ tất nhiên là sự chuyên hướng này sẽ có ảnh-hưởng đến ngành Đại-học trong những năm sắp tới.

Trong việc giảng dạy tại các trường Đại-học, nếu chỉ chăm-chú về lý thuyết, thì đó là một khuyết-diểm nên tránh. Viện Đại-học sẽ chuẩn-bị để có thể, trong một giai-đoạn mới, thiết-lập những trường lớn đào-tạo các Kỹ-sư cao-cấp. Cũng như vậy, trong lúc chúng ta chưa có nhiều nhà bác-học, trong lúc các phòng thí-nghiệm chưa được trang-bị đầy-đủ, công-việc khảo-cứu về các vấn-đề lý-thuyết căn-bản, đối với chúng ta, sẽ là hơi sớm. Trái lại, chúng ta sẽ thu lượm được nhiều kết-quả, nếu sự khảo-cứu được hướng nhiều hơn về phần ứng-dụng, về việc tìm-kiếm những phương-pháp kỹ-nghệ thích-hợp đặc-biệt với những điều-kiện ở nước ta.

o o o

Các bạn Sinh-viên !

Trước khi dứt lời, tôi muốn nói một điều riêng với các bạn. Tôi vừa mới phác qua vài điểm trong chương - trình kiến-thiết đất nước. Nhưng, — và các bạn cũng đã biết —, các Quốc-gia, và cả đến các nền văn-minh nữa, có thể chết và tiêu-tan nếu, trong lòng người, không có

một lý-tưởng để kích-thích. Thật vậy ! và tất cả những sự xây - dựng của chúng ta sẽ là mong manh nếu không có một sự cố-gắng chung để gây tạo một tâm-hồn trong quần - chúng,

Trong một lát, các bạn sẽ được nghe những lời dạy của Ngài Tổng Thống vạch rõ con đường phải noi theo. Các bạn hãy lắng nghe và suy ngẫm những lời giáo-huấn của Vị Lãnh-đạo sáng-suốt, đang dìu-dắt chúng ta trên con đường vinh-quang và cứu-quốc.

o o o

2. — HOẠT ĐỘNG CỦA BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC TRONG NIÊN HỌC 1954-1955

Trong niên học vừa qua, Chính - Phủ đã chuẩn y chương trình phát triển nền giáo - dục tại khắp lãnh thổ Việt - Nam tự do và tăng cường ngân sách để mở thêm trường, mua thêm dụng - cụ, và sách giáo - khoa

Tại 9 tỉnh Trung Việt về cuối tài khóa 1955- số lớp học tăng thêm được 650, tại Nam - Việt thêm 9 trường mỗi trường có 10 lớp, 150 trường có 3 lớp và 400 trường có 2 lớp ; vùng Cao-Nguyên Miền Nam sẽ thêm hai trường có 3 lớp, 1 trường có 4 lớp và nhiều lớp mở tại các trường hiện hữu. Các miền mới tiếp thu được đặc biệt chú ý để phổ biến nền giáo - dục quốc-gia trong đám đồng bào đã sống dưới ách Việt-Cộng trong 8 năm vừa qua.

Nhiều trường kiểu-mẫu theo một quan niệm mới được thiết lập tại Xuân Lộc, gần Huế và tại Búng gần Sài-gòn. Trường có vườn trồng hoa cây ăn quả, rau, có ao nuôi cá, trại nuôi gà vịt và xưởng học nghề. Các trường kiểu mẫu này được dân chúng nhiệt liệt hoan nghênh và vì số học sinh xin nhập học quá đông, nên Bộ Quốc - Gia Giáo - Dục đã trù tính mở thêm trường kiểu mẫu tại Bến - Tre và Ban - Mê - Thuột.

Trường Quốc - Gia Sư - Phạm bị hư hại nhiều trong vụ xung đột do quân phiến loạn gây ra đã được sửa chữa xong và khai giảng từ ngày 24-11-1955. Có 5 lớp học 3 năm và 2 lớp học một năm.

Công cuộc giáo dục quần chúng cũng tiến hành theo chương trình đã ấn định. Trong năm vừa qua, hơn 1 triệu người đã thoát khỏi nạn mù chữ. Riêng ở Nam Việt hồi tháng 11 năm 1955 đã có 43.844 người theo các lớp Truyền - bá Quốc - ngữ do 989 giáo - viên phụ - trách.

3.— HOẠT ĐỘNG CỦA ÔNG NGUYỄN - DƯƠNG ĐÔN BỘ TRƯỞNG QUỐC GIA GIÁO DỤC

— Ngày 5-11-1955, ông Nguyễn - dương - Đôn, Bộ Trưởng Quốc - Gia Giáo - Dục đã chủ tọa lễ khai mạc câu lạc bộ Văn-Hóa Bình - Dân — mở tại số 7 đường Phan - kě - Bính. Tới dự lễ còn có nhiều vị Bộ Trưởng trong Chính Phủ, ông Viện Trưởng viện Đại - Học, các ông Khoa Trưởng Đại-Học và Giám Đốc các Nha, Sở, đại - diện giáo - dục của Phái-Đoàn Viện-Trợ Kinh - Tế Mỹ và các vị thân hào và đại-diện báo - chí.

Sau lễ chào cờ và suy tôn Ngô Tổng Thống, ông Lê - Văn - Đệ, Giám đốc Câu-lạc-bộ đọc diễn văn ngỏ lời cảm ơn ông Bộ Trưởng Quốc - Gia Giáo - Dục, các vị tân khách, và giới thiệu Ban Quản - Trị. Trong bài đáp từ, ông Bộ Trưởng Quốc - Gia Giáo - Dục khen ngợi và khuyến khích Hội Văn - Hóa Bình - Dân. Sau khi thăm các phòng trang trí mỹ thuật đượm một không khí vui tươi, các vị tân khách dự tiệc trà thân mật có nhiều ca, nhạc sĩ trứ danh giúp vui.

— Ngày 12-12-1955, ông Bộ Trưởng Quốc - Gia Giáo - Dục đã chủ tọa lớp Huấn luyện nam, nữ giáo - sư về phương - pháp thính thị.

Trong bài diễn văn khai mạc, ông Bộ Trưởng Quốc - Gia Giáo - Dục nhấn-mạnh đến sự cần-thiết cải-cách các phương - pháp giáo - dục để theo kịp các nước tân - tiến. Một tiệc trà thân mật chấm dứt lễ khai - mạc.

— Ngày 16-12-1955, ông Bộ Trưởng Quốc Gia Giáo Dục đã tới thăm trường Kỹ - Thuật Phan - đình - Phùng mới mở.

Ông Bộ Trưởng thảo luận với ban Giám - Đốc và Giáo - sư về phương pháp sư phạm, sách vở, về việc thành lập một Ủy ban xác định các danh từ Kỹ - thuật, ông nhấn - mạnh về diêm cần mở cho trường một quỹ tự - túc và Bộ sẽ tổ chức những lớp huấn luyện cấp tốc ngành giáo sư Kỹ - thuật.

Ngày 24 - 12 - 1955, ông Bộ Trưởng Quốc - Gia Giáo - Dục đã chủ - tọa « Lễ hàng năm của trường Cao - Đẳng Sư - Phạm ».

Sau những nghi lễ thường lệ, ông Giám - Đốc trường Cao - Đẳng Sư - Phạm đọc diễn - văn phác qua những khó khăn dĩ-vãng, những thành - tích hiện tại và những dự - định tương - lai. Một đại - biểu sinh viên ngỏ lời tri - ân đối với Bộ Quốc - Gia Giáo - Dục, ban Giám - Đốc, ban Giáo - Sư và giải bày những nguyện vọng của sinh viên.

Trong đáp - từ, ông Bộ Trưởng Quốc - Gia Giáo - Dục hứa sẽ giúp đỡ để trường có thể phát - triển được, ông nhấn mạnh vào tính cách quan trọng

của việc cải tổ vừa thực hiện là chia thành 4 ban : Hán - tự, Sinh - ngữ. Toán - học và Văn - vật.

Một tiệc trà có âm nhạc và ca hát do nam, nữ sinh viên phụ trách kết thúc buổi lễ.

4. — CÁC BUỔI NÓI CHUYỆN

Hồi 20 giờ ngày 22-II-1955 tại trụ sở hội Việt - Mỹ đã có tổ chức buổi thuyết trình và thảo luận về lịch sử Việt - Nam gồm có bốn phần do các ông Nguyễn-thiệu-Lâu, Vương-hồng-Sên, Bùi-kien-Thành và cô Nguyễn thị - Oanh phụ - trách.

— Bác sĩ Jan Karski, phụ giáo khoa chính trị tại Đại - Học đường George-town ở Hoa - Thịnh - Đốn là người Ba-Lan lánh nạn cộng sản sang Mỹ, ghé thăm Saigon từ ngày 19-II-1955.

Trong thời gian ở Thủ - Đô nước Việt - Nam Cộng - Hòa, Bác sĩ Jan Karski đã tổ chức nhiều buổi nói chuyện có thảo luận về tội ác của chính thể Cộng - Sản.

Các buổi nói chuyện của Bác - Sĩ Jan Karski được đồng bào thủ-đô nhiệt liệt hoan nghênh.

Ông Bùi - Xuân - Bào, chủ tịch Phong - Trào Cách - Mạng Quốc - Gia Hải-Ngoại vừa ở Pháp về đã nói chuyện tại khách sạn Nguyễn - văn - Yên (Huế) về « Việt Nam trước vấn đề sống chung giữa hai khối ».

Trong hơn một giờ đồng hồ, với sự nhận xét vững chắc về tình hình quốc tế, với tài liệu dồi dào, diễn giả đã hấp dẫn thính giả và nung nấu thêm mối thù bất cộng đới thiên với Cộng - Sản sẵn có trong lòng thính - giả.

— Ông Galliard giáo - sư trường Y - Khoa Đại - Học Ba - Lê qua Saigon đã dành cho sinh viên Y-Học và các nhân vật trong y giới hai buổi nói chuyện về :

— Ký sinh trùng học và địa - lý

— Các loại kích thích tố và ký sinh trùng học.

5. — CÁC CUỘC TRIỀN-LÂM DO ÔNG BỘ-TRƯỞNG THÔNG-TIN VÀ CHIẾN-TRANH TÂM-LÝ CHỦ-TỌA :

— Cuộc triển-lâm của nghệ-sĩ, họa-sĩ, và các nhà chuyên-môn về sơn dầu lấy tiền ủng-hộ quý Cứu trợ Thương Phế-binh, và Nạn - nhân Chiến - tranh. Có 100 tác phẩm trưng bày gồm đủ các loại. Đặc biệt là các phế, thương binh cũng gửi trưng bày nhiều tác - phẩm có giá trị.

— Cuộc triển-lâm của nhà điêu khắc Trung-hoa Đới Ngoạn-Quân : Có nhiều tác-phẩm bằng ngà chạm và khắc rất công-phu và mỹ-thuật.

— Hội Việt-Mỹ tổ-chức vào ngày 10-12-1955 một cuộc triển-lãm thủ công nghệ tại trụ sở số 31 đường Cao-Thăng, mục - đích giúp ngoại kiều biết rõ thủ công nghệ Việt-Nam

6.— LỄ MÀN KHÓA LỚP DẠY TIẾNG VIỆT-NAM DO BỘ NGOẠI GIAO TỔ CHỨC CHO NHÂN VIÊN NGOẠI GIAO ĐOÀN

Lễ này đã cử hành hồi 17 giờ 30 ngày 17-11-1955. Trong bài diễn từ ứng khẩu, Ngoại-Trưởng Vũ-văn-Mẫu nói : « Tôi hy vọng rằng nhờ ở sự hiểu biết tiếng nước tôi, các vị sẽ hiểu chúng tôi hơn. Các liên - lạc thân - mật giữa chúng ta sẽ mỗi ngày một thêm chặt chẽ.»

Sau cuộc trao-tặng bằng cho các học viên, Bộ Ngoại Giao tặng một cuốn sách dạy Việt - Ngữ dành cho người ngoại quốc do ông Thái văn - Kiềm, Giáo - sư sinh ngữ soạn

7.— THÈ THỨC MỚI VỀ VIỆC CHUYỀN NGÂN DÀNH CHO SINH VIÊN

Để tránh những việc chuyễn ngân bất hợp pháp và đồng thời để việc học của các bạn sinh viên Việt - Nam tại ngoại quốc khỏi bị trở ngại, Bộ Quốc - Gia Giáo - Dục đã giản-dị hóa rất nhiều thủ tục chuyễn ngân, nhất là hạn chế giấy tờ phải nộp. Bộ đã xét đơn xin chuyễn ngân và đã chuyễn ngay sang viện Hối - Đoái Quốc - Gia độ hai ngàn hồ sơ hợp lệ. Kể từ tháng giêng năm 1956, mỗi sinh viên sẽ được cấp một quyền sở chuyễn ngân có hiệu lực trong một niên học và được tái hạn mỗi năm.



B. — TIN NGOÀI NƯỚC

1.— Việt-Nam dự Hội-chợ triển lãm Nam vang

Gian hàng Việt-Nam rộng 560 thước vuông là một trong những gian hàng nguy nga và tráng lệ nhất, bề cao 8m, dài 20m do kiến trúc sư Nguyễn-mỹ-Lộc vẽ. Sau hàng cột ngoài thêm có một hàng hiên nhỏ với nhiều bức bích-họa ngoạn mục. Việc trần thiết do ông Lê-văn-Đệ, thanh tra Mỹ-thuật phụ trách. Trong gian giữa có treo bức chân dung của Ngô-Tổng-Thống.

Mỗi buổi tối, gian hàng Việt-Nam cho phát thanh nhiều đĩa âm nhạc và công chúng rất hoan nghênh các điệu hát kim, cổ do các ca sĩ trứ danh hát.

2.— Việt-Nam tại Hội-nghị Lương - Nông Quốc - Tế ở La mã.

Có 71 nước hội viên và 29 tổ-chức quốc-tế đã tới dự hội-nghị. Trong phòng đại-hội và trước trụ-sở đồ-sộ của Tổ-chức Lương-Nông Quốc-Tế xây toàn bằng đá vôi-ban, quốc-kỳ Việt-Nam phấp phới tung bay cạnh 70 lá cờ của các nước khác.

Ông Nguyễn-công-Viên, Bộ trưởng Canh-Nông cầm đầu phái đoàn đã đọc bài thuyết trình được toàn-thể hội-nghị chăm chú nghe và nhiệt-liệt tán-thưởng.

3.— Việt-Nam tại Hội nghị Á Châu về vấn đề đào tạo Chuyên nghiệp cho ngành Kỹ nghệ ở Rangoon (từ 28-11 đến 10-12-1955)

Có 22 nước tham-dự Hội-nghị. Phái đoàn Việt-Nam do Ông Đỗ-văn-Trà, Giám-đốc kỹ - thuật học đường cầm đầu.

4.— Việt-Nam tại Đại-hội thường niên của học sinh Trung học.

Đại hội thường niên thứ X của học sinh trung học do Nhật báo Nữ-Uớc Diễn-dân tổ-chức sẽ nhóm họp tại Nữ-Uớc vào hạ tuần tháng 12-1955. Cô Thân-thị-Hoài Phương, nữ sinh trường nữ trung-học Trưng-Vương Saigon trúng tuyển kỳ thi tuyển-lựa do Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục tổ-chức đã lên đường sang Hoa-Kỳ. Sau Đại Hội thường niên, cô Thân - thị - Hoài Phương sẽ lưu lại trong nhiều tuần thăm viếng nhiều tỉnh Hoa-Kỳ.

5.— Việt-Nam tại Hội-nghị Văn-hóa Quốc-tế ở Ba-lê

Hội nghị Văn - Hóa Quốc - Tế họp tại Ba - Lê dưới sự bảo trợ của tổ.

chức Unesco đề quan sát tình hình các tổ chức quốc gia có trách nhiệm thúc tiến những quan hệ văn hóa hiện hữu giữa Đông Phương và Tây Phương, có 40 nước dự Hội Nghị.

6.— Hiệp-hội người Mỹ bạn của Việt-Nam

Hiệp hội này đã thành lập tại Nữu Ước, đặt dưới quyền chủ tọa danh-dự của ông William Donovan, Cựu Đại Sứ Mỹ tại Thái Lan và có nhiều nhân vật cao cấp trong giới chính trị, ngoại giao và doanh nghiệp.

Trong bản tuyên ngôn « Hiệp Hội người Mỹ bạn của Việt Nam » yêu cầu các dân tộc tự do trên thế giới nên liên kết giúp chung quanh Chính Phủ do Tổng Thống Ngô Đình Diệm lãnh đạo để giúp chính phủ Cộng Hòa Việt Nam vượt qua những thử thách gay go.

7.— Hội « Văn-hóa và Kinh-tế Việt-Hoa »

Hội này sẽ thành lập tại Ba Lê và Sai-gon để khuếch trương sự liên lạc văn hóa và kinh tế giữa nước Cộng Hòa Việt Nam và nước Cộng Hòa Trung Hoa. Hội sẽ đặt dưới sự bảo trợ của ông Chủ tịch Chi Đoàn Trung Hoa trong Liên Hiệp Chống Cộng của các dân tộc Á Châu.

8.— Cuộc triển lãm tranh ảnh của trẻ em Việt-Nam tại Ba-lê

Sở Văn - Hóa của Phủ Cao Ủy Việt Nam tại Pháp đã tổ chức tại Bác - Vật Viện Giáo - Khoa Ba - Lê một cuộc triển lãm tranh ảnh của trẻ em Việt Nam từ 6 đến 12 tuổi trong suốt tháng chạp 1955, mục đích giúp các nhà giáo - dục nhận xét và so sánh về trẻ em đó. Có nhiều bức vẽ rất đáng chú ý về nét mặt, ngày thơ và về màu sắc địa phương.

9.— Học bổng 1956—1957 của viện Văn-hóa Anh-Quốc (BRITISH COUNCIL)

Về niên học 1956-1957, Viện Văn Hóa Anh Quốc sẽ cấp nhiều học bổng cho sinh viên tốt nghiệp các trường Đại - Học Việt - Nam muốn sang bổ túc kiến-thức tại Anh Quốc.

10.— Học bổng cho Học-viên Việt-Nam tại Hoa-kỳ.

26 học viên Việt-Nam về ngành cơ khí đã đáp phi cơ sang tập sự tại căn cứ không quân Wichita Fall ở Hoa kỳ. 10 sinh-viên Việt - Nam đa số là công chức, đã lên đường sang Hoa Kỳ để học tập chuyên nghiệp tại Đại Học Đường Michigan.

11.— Giải thưởng Bariot Faynot của Viện khoa-học Pháp.

Giáo sư Nguyễn-dạt-Xương cộng-sự viên của giáo sư Bửu - Hội vừa

được giải thưởng Bariet Faynot của viện Khưa Học Pháp tán thưởng cộng tác của giáo sư về phương pháp trị bệnh ung thư, bệnh lao và bệnh phong.

12.— Tin tức Sinh-viên Việt-Nam ở ngoại quốc.

Ông Ngô viết Thư vừa chiếm giải La Mã về kiến-trúc sẽ được sang ngụ tại Biệt-thự Médicis trong ba năm với sinh viên các nước được giải thưởng trên. Ông Phạm văn Hai, Từ tôn Đạo, Chu bá Cường, Trần đăng Nghi đậu bằng HÓA học trường kỹ-thuật Scientia

— Ông Nguyễn Di đậu bằng Trọ Hóa Học

— Cô Vang làm Thi đậu bằng Vi trùng học

— Ông Ngô trọng Anh đậu bằng Kỹ sư Công Chánh

— Các ông Nguyễn xuân Be và Lê văn Thân đậu Giám Đốc Thờ

Mộc và Kỹ Thuật Gia các phòng nghiên-cứu

— Ông Lê trung Chính đậu bằng Kỹ Sư của Học Viện Quốc Gia

Mỹ Nghệ Pháp về môn Nhiệt lượng kỹ nghệ.

— Ông Nguyễn thanh Xuân trúng tuyển vào trường canh nông ở Toulouse và Nancy.

— Về niên khóa 1955 - 1956, có 30 sinh viên Việt - Nam được ghi tên vào học các trường Đại Học Pháp chia như sau :

Trường Cao đẳng hàng không : 2

Trường Trung ương công nghệ và chế tạo : 3

Trường Cao đẳng điện học : 3

Trường Cao đẳng công binh hải quân : 1

Trường Cao đẳng hầm mỏ : 3

Trường Cao đẳng sư phạm : 1

Trường Bách Khoa : 2

Trường Quốc gia kiều lộ : 11

Trường Cao đẳng viễn thông : 4

Trong số này, có 21 sinh viên được chính phủ Việt Nam cấp học bổng.



MỤC - LỤC

Số trang	Số trang
I.— Văn-hóa Việt-Nam	
— Những năm Thân lịch-sử của Việt-Nam (<i>Mai-Anh</i>). . .	835
— Cảm tưởng về năm Thân (<i>Duy-Việt Ng.-công-Huân</i>)	843
— Tết nói truyện Hoa mai vàng, dưa hấu đỏ (<i>Ng.-c-Huân</i>). . .	846
— <i>Kịch-thơ</i> : Nợ non nước (<i>Vũ-huy-Chân</i>).	850
— Thi văn thuần túy và bà Thanh Quan (<i>Phạm-xuân-Độ</i>). . .	863
— Tết của người Mường (<i>Anh-Nguyễn</i>).	870
— Ai là tác giả câu « Phất phơ cành trúc la-dà » ? (<i>Dương-thiệu-Cương</i>).	874
— <i>Truyện ngắn</i> : Đêm trừ tịch (<i>Ng.-v-Khoan</i>).	876
— <i>Thi ca</i> : Xuân Bính-Thân cảm tác (<i>Viễn-Chí</i>).	883
Ngày xuân (3 bài) (<i>Viễn-Chí</i>)	884
Câu đối ngày xuân —	885
Mừng Văn - Hóa nguyệt - san (<i>Thầm-Quỳnh</i>)	885
— <i>Thơ dịch</i> : Qua đèo Hải-Vân cảm tác (4 bài) (<i>Nguyễn-đình-Diệm dịch</i>).	886
— <i>Hịch tướng-sĩ</i> văn (<i>Trần-văn-Thực dịch</i>).	888
II— Văn-hóa Thế-giới.	
— Lão-tử: Đạo-đức kinh quốc-văn giải thích (tiếp theo) (<i>Nghiêm Toản dịch-thuật</i>).	896
— Khái-luận về thời-đại triết-gia ở Trung - quốc (<i>Nguyễn-đăng-Thực</i>).	910
— Câu truyện hộ-tinh nhân-tạo (<i>Nguyễn-chung-Tú</i>).	916
— Bà Curie (<i>Ng-quảng-Tuân</i>).	921
— <i>Dịch thơ Trung-hoa</i> : Khe Đào-hoa (<i>V-Chí dịch</i>). Cảnh xuân ở nhà trên núi (<i>Viễn-Chí dịch</i>).	928
— Qui - khứ lai từ (<i>Bùi-Lương dịch</i>).	929
— <i>Dịch thơ Pháp</i> : Cô đơn (<i>Hoàng-song-Liêm dịch</i>)	933
III.— Tin-tức Văn-hóa.	
— Tin trong nước	936
— Tin ngoài nước	940

Muốn chấn-hưng văn-hóa và xây đắp tương-lai,
xin hãy mua

VĂN-HÓA NGUYỆT-SAN

do Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục xuất-bản

Gởi phiếu mua báo và ngân-phiếu về :

**Ông Giám-Đốc Nha Văn-Hóa
tại Nha Tổng Giám-Đốc Học-Vụ
(số 266, đường Công-Lý, SAIGON)**
lĩnh-nhận.

CÙNG BẠN ĐỌC THÂN MẾN

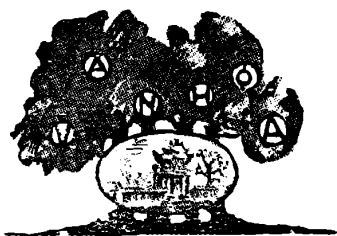
Vì thời-giá ấn - loát và giấy in cao gấp bội,
nên buộc lòng Bộ Quốc-gia Giáo-dục tăng giá
bán tạp-chí Văn-hóa nguyệt-san năm 1956 như sau :

1 số (giá bán toàn-quốc) . . . **24^{\$}**

1 năm (10 số) **240^{\$}**

Ước mong các bạn đọc thân mến thể-lượng
điều này và trước sau vẫn sốt sắng giúp ban biên
tập V.H.N.S. trong việc phụng-sự **VĂN-HÓA, DÂN-**
TỘC và QUỐC-GIA bằng cách tiếp-tục mua dài hạn
và cò-động giúp tạp chí V.H.N.S.

BAN BIÊN-TẬP
V. H. N. S. KÍNH CÁO



GIÁ BÁN : (Toàn-quốc) 24

Nhà in FANTASIA 138, Đại-lộ Trần-hưng-Đạo — Saigon — Dây nói 22.734